

Hải-thượng Lân-ông

Lê Hữu-Trác

THƯỢNG-KINH KÝ-SỰ

上京記事

Nguyễn Trọng-Thuật biên dịch

Nam-Phong Tạp-chí



MỘT TẬP DU-KÝ CỦA CỤ LÃN-ÔNG

THƯỢNG-KINH KÝ-SỰ

(Nguyên tác Hán-văn dịch ra quốc-ngữ)

(bổ sung Phụ-lục:

Một nhà danh-nho và danh-y của nước ta ngày xưa - Cụ Lãn-ông)

NGUYỄN TRỌNG-THUẬT *biên dịch*

Nam-Phong Tạp-chí



Hải-thượng Lãn-ông Lê Hữu-Trác
Việt-nam Y-tổ

Đây là ebook do các thành viên của diễn đàn TVE-4U.ORG thực hiện theo bản scan các tập số 69, 70, 77, 79, 80, 82, 83, 85, 87 của Nam-Phong Tạp-chí (xuất bản từ năm 1917 đến năm 1934). Do chất lượng của bản scan không rõ, nên trong quá trình đánh máy và biên tập chúng tôi có thể không tránh khỏi một vài sai sót; nếu có, xin bạn đọc vui lòng lượng thứ. Một ít chữ Hán quá mờ, không thể nào đọc được trong bản scan, mà trong tác phẩm cũng không có phần âm Hán-Việt để tra cứu, nên những chữ đó chúng tôi tạm thời để trống như sau []; mong có bạn đọc cao minh chỉ điểm và bổ khuyết cho chúng tôi bổ sung trong phiên bản sau, chúng tôi xin chân thành cảm ơn trước.

Tự-tự của Dịch-giả

Phàm-lệ

Chương thứ I. Giã cố-sơn vâng ra kinh-quốc

Chương thứ II. Vào vương-phủ thăm mạch lần trước

Chương thứ III. Cảnh lễ-huống ở trong Kinh

Chương thứ IV. Hội tao-đàn lần thứ-nhất ở trong Kinh

Chương thứ V. Cảnh lễ-huống ở trong Kinh

Chương thứ VI. Hội tao-đàn ở trong Kinh lần thứ hai

Chương thứ VII. Các công-khanh mời đi chữa thuốc

Chương thứ VIII. Một nhà nữ thi-sĩ ở Thăng-long

Chương thứ IX. Cảnh lễ-huống ở trong Kinh

Chương thứ X. Các công-khanh mời đi chữa thuốc

Chương thứ XI. Nhân đi chữa thuốc lại qua Tây-hồ

Chương thứ XII. Nhân đi chữa thuốc qua miền cố-hương

Chương thứ XIII. Một nhà Nữ-thi-sĩ ở Thăng-long

Chương thứ XIV. Nghĩa cũ tình ghi

Chương thứ XV. Cảnh lễ-huống ở trong Kinh

Chương thứ XVI. Về thăm cố-hương

Chương thứ XVII. Vào chữa thuốc trong Vương-phủ

Chương thứ XVIII. Từ đế-kinh về nơi sơn-thự

Phụ-lục. Một nhà danh-nho và danh-y của nước ta ngày xưa - Cụ Lãn-ông

oOo

Phàm đọc văn của một nhà hiền-triết nào ở cách đời với mình, thời trước hết phải chứng xét cái thời-đại, cái thân-thể cùng cách lập-thân hành-đạo của nhà hiền-triết ấy thế nào, thì mới nhận ra được những cái chân-tinh-thần về học-thuật tư-tưởng của nhà hiền-triết ấy, mà sự đọc như thế mới có ích, có thú-vị vô-cùng. Bởi vậy trước khi dịch sách du-ký của cụ Lãn-ông tức là sách Thượng-kinh ký-sự này, thời tôi đã khảo-cứu cái thời-đại, cái thân-thể và những cách lập-thân hành-đạo của cụ, rồi tập-thành truyện-ký mà lạm thêm đôi lời bình-luận cho phát-siển thêm cái tinh-thần về học-thuật tư-tưởng của cụ ra, là có ý giới-thiệu cụ cho các nhà đọc văn du-ký này của cụ được đỡ tốn cái công khảo-cứu mà tự-hưởng được cái ích-lợi cái thú-vị vô-cùng.

Nay xét những văn du-ký của người Việt-Nam ta cùng của cả những người ở các nước phương Đông-Á này từ thế-kỷ thứ mười tám tức là từ đời cụ Lãn-ông về trước thì thấy ít lắm, mà có chẳng nữa chẳng qua chỉ dùng cái ngòi bút tài-hoa, bài văn điêu-khắc mà, vẽ-vời những cảnh-trí của nước-non, để làm cái tài-liệu cung cho nhà tao-nhân, mặc-khách mà thôi, chứ cầu lấy cái ngòi bút thiên-nhiên, lời văn tả-thực, ngoài những sự miêu-tả cảnh-trí ra lại thu-thập được cả các trạng-thái của cả các hạng người trong xã-hội, mà thu-thanh trúc-ảnh, truyền lại cái minh-giám có bổ-ích cho đời sau, như vậy tập du-ký của cụ Lãn-ông này, không khác gì những văn du-ký của các nhà danh-nho Thái-tây cận-thời, thì thực là hiếm có. Như thế thì tập du-ký này không phải là một tập văn du-ký kiệt-tác mới xuất-hiện ra ở trong văn-học-giới Á-Đông ta dư?

Và tập văn du-ký này về phần nhiều là lược-tả có những cảnh-trí, những phong-vị cùng những nhân-vật đất Hà-thành. Tôi nhân đọc tập du-ký này mà đối với cái đất cố-đô kia, trong lòng bất-giác sinh ra có điều cảm-khái, muốn nói mà không có thể điềm-nhiên đi không nói được: bởi vì đất Hà-thành là cái chỗ văn-hóa phát-nguyên của nước Việt-Nam ta ngày nay, là cái chỗ chủ-não của người nước Đại-Việt ta ngày trước, kể đặt kinh-đô thời cũng đã trải qua năm sáu triều, kể năm cũng đã hơn bảy tám trăm năm đến nay, biết bao nhiêu là công-nghiệp gây-dựng ở đấy, bao nhiêu là cái tinh-hoa tụy-tụ ở đấy, thế mà nay ta muốn tìm đến những chỗ di-tích để mà chiêm-bái các đấng tiền-nhân, thời ngoài cái Văn-miếu từ Lý-triều sáng-tạo đến quốc-triều trùng-tu, với một pho tượng đồng thần Trấn-Vũ, đúc từ đời Lê ra, không còn cái cổ-tích nào là khả-quan nữa: khách du-lịch bất-đắc-dĩ muốn bằng-điều cổ-nhân ở trên tờ giấy, thời cũng không có sách-vở gì để ghi chép cái di-tích nào cả. Ấy về phần hình-thức còn như thế, nữa là những cái lưu-phong dư-vận vô-hình kia, thì còn biết tra-vấn vào đâu cho được. May sao còn được một quyển *Thượng-kinh ký-sự* của cụ Lãn-ông là một quyển sách của cụ chép khi cụ trùng-du thành Thăng-long vì việc phải vào thăm bệnh ông thế-tử của chúa Trịnh, mà sở-ngộ những những người những cảnh nào có quan-hệ đến việc cụ kinh-qua, thì cụ mới chép để phụ vào bộ sách thuốc của cụ mà làm cái hứng-thú riêng của bọn y-gia, khiến cho hậu-nhân ta mới nhờ đó mà được phảng-phất thấy cái đất Hà-thành về cuối đời Hậu-Lê là lúc trị-hóa và văn-vật đã về mạt-lưu rồi. Còn thì cái đất Hà-thành từ cụ Lãn-ông về trước với cái đất Hà-thành từ sau cụ Lãn-ông cho đến cận-thời, oang-oanh liệt-liệt thế nào, nguy-nga điển-nhã thế nào, bất-quá chỉ tóm-tắt vào trong bốn câu thơ của một nhà thi-nhân mới vịnh thành Hà-nội nọ. Bốn câu thơ rằng: “*Ngư-hồ dĩ biến tam-triều cực, Long-đổ không dư bách-chiến thành. Nùng-lĩnh phù-vân kim cổ sắc, Nhĩ-hà lưu-thủy khốc ca thanh* ,, .” Nghĩa là cái mùi nước Ngư-hồ đã biến theo ba lần thay đổi triều-đình; cái đất Long-đổ chỉ chỉ còn cái thành trải trăm trận chiến-tranh nay bỏ không; trông đám mây bay trên núi Nùng-lĩnh kia như có những sắc đời kim cổ; nghe cái dòng nước chảy dưới sông Nhĩ-hà nọ, hình như có những tiếng khóc tiếng cười. Thực là bi-đát tiêu-sơ, trơ-trọi man-mát vô-cùng, mà sự khảo-cổ đáng nên di-hận là đường nào, người tiền-nhân ta thực không trời được cái lỗi không biết quý-báu những cổ-khí và biên-chép những cổ-sự là những cơ-sở tiến-hóa riêng của một dân-chúng, mà sở-dĩ thành ra cái tệ-đoan như thế là vì có hai cái nguyên-nhân như sau này:

1.- Vì cái tư-tâm chuyên-chế của người Á-Đông ta, đời này nổi lên thì muốn phá-diệt đi cho hết những cái dấu-vết của đời đã qua, để cho người ta không còn trông thấy cái dấu cũ gì mà sinh lòng hoài-cựu nữa, cho

nên vô-luận sự-nghiệp công hay tư, công-trình khéo hay vụng, đều làm cho tiệt-diệt đi không còn một tí gì mới thỏa dạ.

2.- Vì ngày trước cái tiếng chữ Hán-tự ta học với cái tiếng của miệng ta nói thường hai đàng khác nhau hẳn, cho nên khi viết văn trừ những những văn có qui-thức ấn-định như văn vần, văn biên-ngẫu cùng những lời văn tắt, những bài ngắn-ngủi thì mới có thể dựa theo cái mẫu-mực mà mô-phỏng được. Đến như những văn ký-sự, văn luận-thuyết, tràng-thiên nhất-khí, từng quyển, từng pho, lúc viết văn vừa phải cấu-tứ lại vừa phải dịch lời, ý-nghĩa một nơi, văn viết một nẻo, muốn cho ý-nghĩa được hiển-minh, lời lẽ được liên-tiếp, như tiếng nói mẹ đẻ, thực là khó. Ấy cái thông-bệnh học chữ ngoại-quốc hay là thứ chữ cổ-văn gì mà nay âm-thoại thông-thường ít dùng đến thời đều như thế cả, không những một người Việt-Nam ta. Cái đó chỉ vì không quen mà thôi, đã khó mà văn-tự lại không bày-tỏ được hết cái ý-nghĩa của mình thì dầu có việc gì hay, muốn ghi-chép lấy cũng phải ngần-ngại mà chưa dám quyết, phương-chi một đời đã hồ-dễ mấy người có chi.

Xem thế thì biết rằng vì có thứ nhất mà nước ta ít những chỗ giữ được những cái mỹ-nghệ bản-quốc đời xưa. Lại vì có thứ hai mà nước ta ít những sách ghi-chép cổ-sự trong nước. Từ khi phong-khí mở-mang đến nay, cái nghĩa tự-do, cái học bác-cổ đã truyền-bá dần vào mà người trong nước đã biết quý-trọng những cổ-khí là những cổ-khí là những cái ngụ những tâm-lý, những sự-nghiệp của tiên-nhân người mình: lại thêm được cái thể quốc-ngữ mới này, chữ là tiếng, tiếng là chữ, biên viết liên-tiếp mà ý-nghĩa rõ-ràng, không những sự trạng, những nghệ-thuật, học-vấn trong xã-hội đời nay, dầu về cổ-đại cũng có thể tìm-tòi chấp-nhặt dần dần rồi ghi-chép lấy để làm khuôn làm phép cho đời sau. Thế mà đương cái thời người mình chỉ biết có một thứ chữ Hán, chỉ sùng-trọng có một thứ chữ Hán, là thể chữ gián-tiếp khó-khăn như có thứ hai trên kia đã nói, mà trong văn-giới Hán-tự của người mình cũng chưa có cái sách ký-sự tường-tế nào, mà cụ Lãn-ông cũng cố công chịu khó ghi chép lấy đôi chút việc mình có quan-thiệp với đời mà bỏ sót đến ngày nay, cho ta được xem mà biết, thì đủ biết tác-giả là người hữu-tâm với thiên-hạ hậu-thế là dường nào. Từ khi tôi mới được đọc văn du-ký này của cụ Lãn-ông thì tôi muốn đem dịch ra quốc văn ngay, nhưng tôi còn e lời dịch-văn của tôi còn non-nớt, không đủ thấu-triệt được hết cả tinh-thần của nguyên-văn; may gặp dịp Phạm Thượng-chi tiên-sinh đi tây-du về, tiên-sinh đang nhiệt-tâm những sự-trạng và những di thư của tiên-nhân ta, mà dịch ra quốc-văn để gây dựng lấy cái nền văn-tự cho nước nhà. Bởi vậy tôi có đem trình tiên-sinh duyệt cho một cuốn truyện cụ Lãn-ông bằng quốc-văn mà tôi mới biên-dịch ra, thì tiên-sinh vui lòng nhận ngay mà cho đăng lên báo-chương, và chính cái tên “Một nhà danh-nho và danh-y nước ta ngày xưa: Cụ Lãn-ông” của cuốn truyện ấy là Phạm tiên-sinh mệnh-đề cho, là vì thích-hợp với cái chủ-nghĩa của tiên-sinh trên nọ, nên tiên-sinh mới lượng-thứ cái lời văn quê-mùa đi cho tôi. Vậy nay tôi lại thừa dịp mà dịch luôn cuốn du-ký của cụ Lãn-ông này, xin hải-nội chư-quân-tử cũng đồng một ý cho như Phạm-tiên-sinh đối với cuốn truyện cụ Lãn-ông của tôi, nghĩa là vì người trong làng văn mà rộng lòng cho cái lời viết văn vậy, thì tôi lấy làm may lắm. Nay kính-tự.

Dịch-giả đề bài tự-tự ở trên sân nước lụt trong nhà Hải-nam thư-hiên.

N. T. T.

Phàm-lệ

1.– Nguyên-văn không có chia ra từng chương từng tiết, từ đầu đến cuối chỉ nói liên một hơi, người mới đọc bất-miễn lấy làm lan-man mà khó tổng-quát được mạch-lạc. Bởi vậy nay cứ xét trong văn-lý, hễ hết một việc và một mạch, thì ngắt ra làm một chương và đặt một cái tên chùm đầu chương, để giúp cho độc-giả dễ hiểu. Nhưng cái tên chùm đầu chương mới đặt thêm và cái số chương tự dịch-giả thêm vào, chứ không dám cải cái cốt-cách của nguyên-văn đi vậy.

2.– Trong nguyên-văn có ba phần là: thơ, ký và y-án, mà thơ với ký là thuộc văn-học phổ-thông, ai xem cũng hiểu và cũng thích xem. Còn cái y-án thì thuộc về chuyên-khoa, phi những nhà chuyên-môn thì không hiểu được và cũng không thích xem. Bởi vậy những chỗ nói về bệnh-lý và đơn thuốc thì xin lược đi một đôi câu để cho chú-trọng về một khoa văn-học; nếu những nhà y-sĩ có muốn tra-cứu cho tường về khoa y-học của cụ Lãn-ông thời đã có nguyên-thư.

Hai điều phàm-lệ trên này: điều thứ 1 thời đứng vào địa-vị tiểu-chú; điều thứ 2 thì chỗ nào lược đi có đánh dấu và chưa một chữ “lược”, dịch-giả phải kính-cẩn như thế, là muốn cho văn-lý được hiển-minh thêm và văn-thể được thuần-nhất mà đối với nguyên-văn không hại gì vậy, xin duyệt-giả thứ lỗi cho.

3.– Nguyên tác-giả chép việc du-lịch có quan-thiếp với các bậc quốc-vương đại-thần đương-thời, cho nên nói đến những bậc ấy chỉ nói đến cái tôn-hiệu hay là quan-chức mà thôi, chứ không nói tên. Như đầu sách nói niên-hiệu Cảnh-hưng thứ 43 là niên hiệu vua Hiến-tôn nhà Hậu-Lê mà sau nói “Thánh-thượng”, nói “Ngự-sàng” thì thường ngờ là vua Lê. Lại nói một vị đương-quốc đại-thần mà chỉ nói quan “Chánh-đường” mà thôi. Như thế người đời sau xem văn mà không tra-cứu đến những thời-sự và nhân-vật đương-thời, bất-miễn mang-nhiên không hiểu đầu đuôi cái việc du-ký ấy. Mà đã không hiểu thì tất không lĩnh-hội được cả cái tinh-thần lập-thân hành-đạo của Lãn-ông tiên-sinh là thế nào nữa. Bởi vậy dịch-giả đã gia-công tra-cứu những thân-thể sự-nghiệp của tiên-sinh và những thời-sự nhân-vật có quan-thiếp đến tiên-sinh, biên-tập và làm một chuyện ký của tiên-sinh mà giới-thiệu lên trước, xin duyệt-giả tham quan cho tiện.

Chương thứ I. Giã cố-sơn vâng ra kinh-quốc

Năm nhâm-dần, niên hiệu Cảnh-hưng thứ 43 (1781), tháng Mạnh-xuân, lúc đó trời quang mây tạnh, hoa cỏ đua tươi, ở trước sân nhà U-trai của tôi, có mấy cái cây đang ra hoa kết quả, tuyết rủ hương bay, tha-thướt bóng tà, hình như mỹ-nhân đầu vợ-vấn. Những con *đống-giao* thời bò ra từng đàn, thỉnh-thoảng có mùi dị-hương. Dưới ao bình-trì về mé tây-viên thời cá thung-thăng dọn sóng ra ăn vòng nguyệt. Mấy con oanh vàng líu-lô và thắm-thoắt đưa thoi trong cái bụi rậm um-xùm kia, càng tỏ ra có cái ý sinh-dục của tạo-vật. Trong những khi ấy: có lúc thì tôi dắt mấy tên đồng lên chơi núi, tha-hồ ngắm cảnh yên-hà mà giải-trí; có lúc thì tôi ngồi câu ở Nghinh-phong-đình; có lúc thì tôi dạo cung cầm ở Tị-huyền-lư; có lúc thì tôi xem sách ở Tối-quảng-đình; lại có lúc thì tôi đánh cờ rồi ngủ ở Di-chân-đường; tùy ý tôi thích chơi đâu thì chơi, ngày nào cũng chén say la-cà ra rồi mới về. Đến ngày 12 tháng ấy, bỗng thấy hai người dịch-mục của quan Thự-trấn bản-xứ sai về, mới tới sân thì hai người cùng nói lên rằng: “Cụ lớn tôi có lời mừng cho cụ”, tôi chưa hiểu ra việc gì, bèn bóc phong-thơ ra xem, thì thấy có hai đạo văn-thư như sau này.

Một đạo là bản sao lời truyền rằng:

“Quan Nội-sai-binh-phiên Trạch-trung-hầu phụng lời chỉ này mà truyền cho quan Thự-trấn xứ Nghệ-an là Côn-lĩnh-hầu phải hỏi thăm cho được một người tính-danh là Lê Hữu-Trác, tục gọi “Chiêu Bảy”, con quan tiền Thượng-thư họ Lê, làng Liêu-xá, huyện Đường-hào; nay vào ở quê mẹ làng Tình-diễm, huyện Hương-sơn; rồi phải lượng sai lính trấn-binh tức-khắc đưa tiến kinh thi-mệnh.

“Nay chỉ truyền

“Ngày 29, tháng 11, năm Cảnh-hưng thứ 42”

Một đạo là thủ-thư của quan Thự-trấn đưa mừng tôi, đại-lược rằng:

“Một người học-trò nơi thảo-dã, mà nhất-dán danh tiếng đạt đến Cửu-trùng, thời thực đáng nên mừng-rỡ cho con đường tiền-trình muôn dặm kia là đường nào.” Lại “Vương-mệnh bất-sĩ-giá phải tức-nhật đăng-trình ngay, ra đến Vĩnh-doanh đã có lính trấn-binh đón cả ở đó để tiến-hành”.

Một người đem tin ấy lại báo thăm tôi rằng: “Việc này là bởi quan Chánh-đường cử-tri cho cụ vào vào thăm ông Đông-cung-vương-thế-tử bị bệnh nặng đã lâu. Chuyển đi này không phải việc thường, phải bội-đạo mà đi, bất-phân mộ dạ mới được”.

Tôi biết chuyện đầu đuôi rồi, kinh sợ vô-cùng, ngăn người ra như thẳng si, thẳng ngốc đến một giờ lâu, người trong nhà nghe thấy, kẻ biết tôi thì họ lo thay cho tôi, kẻ không biết tôi thì họ mừng thăm cho tôi, không phải bàn đến cái việc của những bọn người nhà họ làm râm-ran cả lên một hồi bấy giờ nữa.

Nguyên quan Chánh-đường về hồi 4, 5 năm trước, ông phụng-mệnh ra trấn Hoan-châu có mời tôi xem mạch và chữa thuốc, ông đãi tôi là bậc thượng-tân, ăn cùng mâm, ngồi cùng chiếu, lễ-ý rất là long-trọng. Sau ông có cái công bình được bọn hải-khẩu, về triều làm đến Tam-công, tín-dụng không ai bằng. Tôi nghe tin mấy năm nay vẫn lấy làm lo canh-cánh ở trong lòng, thường nói chuyện với học-trò rằng: “Tôi chắc thế nào cũng phải một phen lao-lục vào huyễn-điện ở chốn kinh-kỳ mà phụ với cỏ hoa chốn cố-sơn này chớ chẳng không.” Đến ngày nay sự-thế quả như thế, tôi cũng ân-hận cho tôi đi ẩn chưa được kín. Tuy-nhiên, ông là người có tài-đức như ông Cơ-công ngày trước, đối với những người thiên-hạ chi-sĩ, ai ông cũng đãi một cách nghiêm-cung tử-tế, nữa là ông đối với tôi.

Bấy giờ có một người giải-muộn cho tôi rằng: “Ông là một người uyên-súc và tinh-thâm về cái học tính-mệnh, không làm nên một nhà lương-tướng thì cũng nên làm một nhà lương-y, đã đành cái sự sản-thái mai-quang, vẫn là cao-thượng, nhưng nay cửu-trùng tri-ngộ, tứ-hải nghe danh, thì lại không phải là cái việc của kẻ trượng-phu đáng nên làm hay sao?” Tôi ngần-ngừ mà trả lời rằng: “Vị hoa nên người ta hái, vị hư-danh nên phải lụy mình.” Vậy thời căng-danh sao bằng đào-danh có thú hơn không?”

Bấy giờ tôi bất-rút không biết là dường nào, suốt đêm không ngủ, tự nghĩ thầm trong bụng rằng: “Mình lúc thiếu-thời mài gươm, đọc sách, rồi phiêu dăng chốn giang-hồ, chốc ngoai mười-lăm năm, không sở-đắc được một cái gì, sau vất bỏ cả công-danh ra ngoài về ẩn-cư ở dưới núi Hương-sơn này, vừa nuôi mẹ, vừa xem sách cho được tiêu-dao trong cái vườn đạo-lý của ông Hiên ông Kỳ, mà tự lấy cái sự bảo-thần tế-thế

làm đặc-sách, hay đầu nhất-đán bị cái hư-danh nó làm lụy cho mình thế này.” Nghĩ chán rồi tôi lại tự an-ủi lấy cho tôi rằng: “Mình khốn-tâm hành-lự về một khoa y-học đã ba-mươi năm nay, tập được một bộ *Tâm-lĩnh*, muốn đem vấn-thế, nhưng việc cả, nhà nghèo, khôn lẽ làm cho xong việc, vậy xin qui-thần cảm-cách cái tấm thành-tâm này cho, thì chuyển đi chắc có chỗ tao-ngộ cũng chưa biết chừng”. Nghĩ quanh tính quẩn như thế rồi bất-giác mừng hớn-hở cả người lên, bèn ra tiếp-đãi hai người lai sứ và viết một phong-thơ để trả lời quan bản-trấn. Ông vốn là người tương-tri với tôi, ông muốn làm tờ khải để nói thay cho tôi, nên tôi phải kê cả cái sự tôi đã suy-lão rồi, xin ông chước-miễn đi cho. Hôm sau quan bản-trấn lại sai một tên thuộc-vệ đem một lá phiếu về, trong phiếu nói rằng: “Bản-chức đã vát-thủ những thuyền-chích để đi duyên-giang cho tới trạm, vậy ông phải khởi-thân ngay, nếu còn trì-duyên thì sẽ can-hệ.” Mà kẻ trong nhà tôi chúng nó cũng cố hết sức khuyên dỗ tôi, tôi biết thế-bất-đắc-dĩ, tức thì đạt giấy cho bọn đạo-đồ hợp lại; ngày mười-tư làm lễ tiên-thánh, tiên-hiền, rồi hát một châu; ngày mười-sáu bọn đạo-đồ thấy tôi có việc viễn-hành lại bày một tiệc hát nữa; ngày mười-bảy tôi sắp-sửa nửa quảy đồ-thư, một bên cầm-kiếm, cho đem xuống thuyền để đi đường thủy ra Vĩnh-dinh. Bấy giờ tân-khách đến chơi đông một nhà, kẻ thì xin thuốc, người thì tiễn tiền, dùng-dặng chẳng nở chia tay, mãi đến lúc mặt trời đã xế non đoài mới nhổ sào xuôi, lúc đó tôi ngồi ở trong thuyền, đối-cảnh hàm-tình, lòng khách chứa-chan không biết là chừng nào, mới ứng-khẩu đọc ra một bài thơ rằng:

Nước chảy đâu mà vội,
Hành-nhân vẫn lững-lờ.
Trèo đèo lên đám khói,
Núi chạy rẽ đôi bờ.
Cá sông đưa tất-tả,
Nhạn còn tiễn ngấn-ngơ.
Mây ám cây Hương-lĩnh,
Bóng hôm nửa rõ mờ.

Đêm hôm ấy, thuyền đi dưới bóng trăng, trông ra làng-mạc hai bên bờ sông đều im-ả cả, thỉnh-thoảng tiếng chó sủa theo thuyền đi, một vầng minh-nguyệt, vắng-vặc lòng sông; đôi ngọn hải-trào, mênh-mông bến khách; chuông nện chùa xa văng-vẳng, sương sa bụi dặm mịt-mù; mấy ngọn ngư-đăng hiu-hắt, vài đôi âu-lộ sóng bày. Bọn đạo-đồ tùy-hành ai nấy mượn chén tiêu-sầu. Tôi bèn ngâm một thiên tiểu-luật để tự-tình rằng:

Một dải sông quang tạnh,
Xui lòng khách chứa chan.

Gió mạnh buồm xuôi chổng,
Sương mù nhạt rẽ ngang.
Véo-von chài viễn-phố,
Lanh-lảnh khách hàn-san.
Ấy cảnh đêm nay thế,
Mai biết đâu mà bàn.

Gà gáy đến Vĩnh-dinh, cắm sào trước bến đi nghỉ được một chốc. Sáng mười-tám đồ bộ, vào yết quan Thự trấn thì ông đợi tôi đã mấy hôm, nhân nhà ông có tiên-ky, nên ông phải về quê rồi, chỉ dặn lại người thuộc-viên sắp-sẵn lính bản-dinh với năm quan tiền để cung bản-phí mà nói rằng: “Quan tôi có tiên-ky phải về quê không kịp tiếp cụ, có chút vi-thành này xin cụ tỏ tình cho.” Quan Thự-trấn lại phái một quan Văn-thư đem ba-mươi tên lính bản-đạo và sắp đủ khẩu-lương để đi hộ-tống. Ngày hai-mươi quan Văn-thư sửa-sang hành-lý đăng-trình, nhưng bọn lính tùy-hành ấy chưa đủ lương, còn phải đi vay giật, mãi đến quá trưa mới thấy được. Tôi nghỉ ở trạm xã Kim-kê, quan Văn-thư làm lễ vào yết miếu ở làng ấy; ông có đặt một tiệc hát mà cho mời tôi, tôi đến thì thấy một “cô đồng” đang hầu giá nhà thánh ngồi trên sập, vừa đảo vừa đang lảm-nhảm nói, có người bảo tôi rằng: “Thánh-mẫu đây linh-ứng lắm, cụ thầy nhân vô Kinh, có muốn cầu việc gì thì sao không ra mà kêu ngài.” Tôi nói: “Phàm ai cũng cầu lấy cái sở-đắc, chứ có ai cầu lấy cái sở-thất, bụng tôi không có nguyện-đắc cái gì, thì còn cầu mà làm chi.” Cô đồng nghe nói tùm-tùm cười, quan Văn-thư cũng trông tôi cả cười. Nửa đêm tan tiệc, ai nấy đều về nhà trọ nghỉ, sáng sớm tinh sương ngày hai-mươi một chúng tôi khởi-hành, bấy giờ gặp trận mưa dầm tầm-tã, một tụi hành-nhân rét-mướt quá thể, mà trông lên đàng trước mặt thì núi san-sát dãy dài hàng mấy trăm ngọn, đường sá gập ghềnh, tôi thấy đường đi bặt-thiếp gian-nan như thế, bất-giác buột miệng ngâm nga một câu rằng:

Trời nam sắc nước như chàm,
Thương anh lẻo-đẻo dặm đàng còn xa.

Đường đi qua Cấm-sơn, sang đò Cấm-giang, tới bến Thiết-cảng. Lúc đó hơi mặt bể, khói đầu non, bốc lên nghi-ngút, thực như câu:

Núi này trăm sáu ngọn cao,
Chẳng may sư cụ nẻo nào ra vô.

Độ trong vài bước mà không ai trông thấy ai, chỉ nghe tiếng chim kêu vượn hót ở trên tầng mây, nhác xem cái thú sơn-lâm ấy, hình như có ý khiến cho tôi phải đối-cảnh sinh-tình mà có điều cảm-súc thâm ở trong bụng rằng: ba-mươi năm nay, cái đám lợi danh kia, mình đã buông theo với dòng lưu-thủy, để cho được ưu-du trong cái chỗ suối rừng, lấy một chữ *nhàn* làm đặc-sách; ai hay đã không có cái bụng lợi-danh mà lại hóa ra làm cái thân danh-lợi thế này, thật chỉ vì mình không chân-độn được nên mới phải thế, nhân cảm-hoài nên một bài thơ để dãi lòng rằng:

Nương-náu nghề y để dưỡng-chân,
Nghĩ chi là phú nghĩ chi bần.
Suối rừng quanh-quẩn khuây vì đạo,
Chiếu mệnh xa vời phải dẫn thân.

Nửa gánh yên-hà thêm nhọc trạm,

Đầy ngàn viên hạc rộn đưa chân.

Biết ai đâu nữa mà mang tiếng,

Luống sợ sơ-cuồng trước thánh-quân.

Tôi hôm ấy đến chợ Đông-điệp , nghỉ lại ...(lược)... Sáng mai tôi cho một tên tùng-nhân đến cáo với quan Văn-thư để cho bọn chúng tôi đi trước, mà hẹn đến trạm chợ Hoàng-mai thì cùng nghỉ, vì quan Văn-thư nhân có việc quan chưa xong, còn phải đóng ở đó, nên y vâng lời ngay. Ngày hai-mươi-hai tôi đưa bọn tùng-nhân đi trước ra mé tây núi, núi ấy một dải liền nhau, ngọn thì ẩn, ngọn thì hiện ở trên đám mây trắng, lại có mấy quả núi nhỏ li-quần mọc ra bên đường, bóng chiều phơn-phớt hoe-hoe ánh ra ngoài đồng bằng. Tới núi Long-sơn thì thấy một chỗ độ một cung đất, trong có những cây cổ-thụ um-tùm, dâm-dâm man-mát, thật là xinh thay; đá cuội thì thâm-thấp như cái đặng bày hàng tề-chỉnh. Tôi mới cho đổ cáng lại ở đó để đi du-ngọa một lát, nhân đề một bài thơ lên vách đá rằng:

Chùa dựng bên sườn núi,

Chuông cheo mỏm đá hòn.

Mây quyến thông già rụng,

Mưa vờn cỏ xuân non.

Bóng xế người ngâm-ngợi,

Rừng rậm chim véo-von.

Nực cười cho ông Lãn,

Phụng chiếu cũng lon-son.

Đề rồi giục-giã lên đường, đến chợ Hoàng-mai thì chiều hôm nghỉ lại, mà cũng chưa thấy quan Văn-thư đến. Sáng hôm sau tôi sai lính bản-dinh cứ khởi-hành, đến chiều thì quan Văn-thư mới tới nơi, y nói với tôi rằng: “Tôi sợ lính đi đường không đủ dùng, mà số lính quan bản-trấn tôi phụng-mệnh truyền để kén ở các nơi huyện-thành chưa đủ, nên tôi muốn bắt thêm mấy người nữa để đài-tải hộ vào mà đi cho chững-chạc.” Tôi nói: “Đi đây có mấy hộ tiền lương mà phải lo chi việc ấy.” Sáng ngày hai-mươi-ba đi ra cầu Kim-lan-mạn rồi đến suối Lãnh-thủy cái chỗ Thanh Nghệ giáp-giới nhau, thấy một bọn hành-nhân đứng ở bên đường, trông thấy tôi thì họ đều chào vái; hỏi ra thì là người ở một làng bên đường đó, họ mới ở Kinh về, tôi cũng dừng vông lại nói chuyện ít lâu mới đi. Lúc đó tôi niềm quê nổi khách, ngổn-ngang trong lòng, nhân ứng-khẩu ngâm ra một bài thơ rằng:

Chỗ này giáp Hoan Ái,

Non nước đón đưa ta.

Trong hang tiếng chim gáy,
Trên mây giọng tiêu ca.
Đá văng ngăn trước lối,
Mây biếc chặn đàng xa.
Tiến Kinh duy có lão,
Còn họ chỉ chuyện nhà.

Ngày hôm đó trời xuân êm-ả, đường bộ thành-thời, hôm đến chợ Thổ-sơn trọ lại. Chợ ấy có một cái đồn-binh của trấn Thanh-hoa phân-phái ra đóng trú-phòng ở đó, binh-khí cũng nhiều, thấy bọn chúng tôi họ giữ lại xét hỏi, sau biết chúng tôi đi có phụng-mệnh, họ mới xúm lại xin lỗi rồi lui ra. Ngày hai-mươi bốn, sáng sớm tiến-trình; bấy giờ mây kéo đen dầm tứ phía, sương khói mù-mịt, gió rét lạnh-lùng, dầu mặc áo bông dày cũng phải rét run lên cầm-cập. Đi mấy giờ nữa mới đến bờ bể Hào-môn ; trông ra một nước một trời, sóng vỗ mênh-mang muôn dặm. Nhân sự nhớ đến cái việc ông Tần-Hoàng và ông Hán Vũ khi xưa, phí biết bao nhiêu là tâm-tư, nào cái thuật đánh cho đá phải chạy lông lên rồi bỏ vào túi vân-nang mà quả, thế mà rút cục lại cũng chẳng trông thấy cái hút bóng chỗ Bồng-lai tiên-cảnh ở đâu cả, thì thực là suyễn-mậu chi thậm!-Lại cố-nhân thường cho cái đám quan-trường là nơi hoạn-hải là biết trong chỗ phù-trâm có cái nguy-cơ; lúc đó tôi vừa hết sức ngắm cảnh yên-ba vừa ứng-khẩu ngâm một bài thơ rằng:

Khách đi trên mé bể,
Ghé trông tít-mù khơi.
Sóng mênh-mang mặt đất,
Cơn ngùn-ngụt chân trời.
Nước lau văng nhật xế,
Gió giục chiếc thuyền bơi.
Ý thâm chữ hoạn-hải,
Là chìm nổi đòi nơi.

Hôm ấy quan Văn-thư sai chọn ba cái mảnh để sang cửa Cự-nham mà đổ bộ, vào chợ Hàng-cơm trọ lại; ngày hai-mươi-năm đi lên con đường thượng-đạo mà con đường hạ-đạo thì là cửa bể Thần-phù , qua mấy chỗ tôn-lãng tôi đều xuống võng đi bộ, tối đến một cái chợ nghỉ lại; sáng hai-mươi-sáu ra đi, chiều hôm sang đò Đài-xước đến chợ Huyện nghỉ-ngơi, ăn cơm chiều, bỗng đâu thấy một người ăn bận mũ áo thầy tu, tay cầm gậy trúc đi đến, xem ra có vẻ phiêu-nhiên xuất-trần, tôi lấy làm lạ, mới hỏi chủ hàng, chủ hàng nói: “Người là trụ-trì-tăng ở chùa bản-tự trên núi đấy, người xem bói hay lắm.” Tôi liền cho tên dưng-đồng ra mời vào hàng, phân chủ khách ngồi xong, tôi nói: “Tôi nghe tiếng sư cụ người đây, thâm-minh về Dịch-Lý, tôi muốn nhờ người xem cho một quẻ về con đường tiên-trình thế nào, có nên chăng?” Nhà sư không hề từ chối, trả lời ngay rằng: “Nay quan muốn xem việc gì thì cứ thành-tâm mà xem là linh-ứng ngay.” Tôi bèn kể đầu đuôi cho nhà sư nghe; nhà sư nghĩ độ một phút rồi nói to lên một câu rằng: “Quẻ này tốt lành lắm, đích là một việc phi-thường.” Tôi nói: “Quân-tử hỏi điều dữ chứ không hỏi điều lành, có thể nào người cứ nói thực.” Nhà sư nói: “Tôi xem quẻ này là quẻ “*Nguyên-thủ*”, có cái tượng “quân minh thần lương”; trong quẻ hào Chu-tước thừa vượng, hào Thanh-long cư trung; hào Bạch-hổ cư mạt, Quý-nhân lâm vào bản-mệnh, Dịch-mã ứng vào hành-niên, quẻ này đích là cái điềm được trưng-triệu, ba lần truyền mà nhật can thời-chi cùng được lục-hợp, thật là cá nước duyên ưa, rồng mây gặp hội, tốt lành lắm! <https://thuvien sach.vn>

Bạch-hổ nó nhập tù thì lo lúc vào đến Kinh lại bị bệnh.” Tôi nghe nói nghĩ thầm trong bụng rằng: “Người này hình-mạo thì nham-cổ mà học-thức thì tinh-vi, chắc có cái kiến-thức xuất-nhân, nhưng chỉ hận rằng gặp khí muộn quá, không dò được hết chỗ uẩn-đề của người ta.” Tôi mới kể qua đầu đuôi cái chuyện thực của tôi một lần và nói rằng: “Chỗ tôi ở tuy là một nơi rừng hang hẻo-lánh, nhưng cái thú u-nhân, trắng mặt bể, mây đỉnh non kia lưu-luyến đã thành ra nghiện mà không thể rời ra được, không biết bao giờ tôi lại được phản-hồi chỗ đó cho được giông chơi với bầy mi-lộc, đối-thoại với bọn ngư-tiêu ở dưới bóng tịch-dương ấy?” Nhà sư nghe tôi nói cũng ta-thán mãi mà rằng: “Miếng cao-lương làm mê cho tạn-phủ người ta, sao người ta thì mê mà chỉ có một ngài đây là tỉnh như vậy? Tuy-nhiên, quẻ này xem ra “chủ khách vinh-vượng, thượng-hạ sinh-hợp”, nên chưa đoán được quan bao giờ được về.” Tôi nghe thôi thở dài mấy tiếng, rồi sai tên dược-đồng lấy tiền ra hậu-tặng nhà sư; nhà sư kiên-từ và cười rằng: “Quan đi đây, xin ngài chỉ cho nhà chùa tôi vài chén kính-tửu là đủ.” Tôi liền sai người tùng-giả ra hàng mua một hồ rượu ngon đem lại; nhà sư mừng lắm, hai tay nâng lấy mà rót ra đầy một cái bát lớn, cũng chẳng hỏi gì đến đồ nhắm, há ngay miệng ra mà nốc một hơi như long cuốn thủy cho rõ hết, rồi nhổ nước dãi uống gặm giường mà khen lên một tiếng rõ to rằng: “Ngon!...” Đoạn rồi chào tôi mà từ-biệt. Bấy giờ tôi mới ra lên một cái đò đồng để đi, đến chiều tới chỗ trọ, quan Văn-thư đi đến chỗ nhà trọ tôi bảo tôi rằng: “Cụ với chúng tôi đi chuyến này là việc công-sự rất khẩn-yếu, thế mà mỗi ngày đi không được năm-mươi dặm; trong lời chỉ-truyền bữa nọ nói rằng: Ngày mồng mười đến Vĩnh-dinh, ngày 11 tới nhà cụ, mà nay gần nửa tháng rồi, đường trường còn những sáu bảy ngày nữa, trì-duyên như thế, lúc vào trình tôi lấy làm ngại lắm; xin cụ liệu chọn lấy những người lính nào cường-tráng cho bội-đạo đi suốt ngày, đêm khuya sẽ nghỉ; còn những người lính nào yếu đuối thì cho ở lại.” Tôi cười mà rằng: “Bác cần gì việc ấy, tuy chỉ-truyền rằng mười một đến nhà tôi, nhưng tôi còn đi chữa thuốc vắng, quãng đó lại còn phải đi tìm tôi mất mấy bữa; sau đi thì lại bị dọc đường mưa gió ngăn trở, như thế tưởng có mọc cánh ra hôm nay cũng vị tất đã tới nơi được.” Ông quan ấy cười mà rằng: “Rồi cũng phải thế mới xong.” Nói thôi pha trà uống mà đàm-tiểu với nhau, đoạn đều về nhà trọ nghỉ; gà gáy ngày hai-mươi-bảy giục nhau ra đi, quãng đường ấy tình những núi non bao-bọc, mù-mịt khói mây, bầy hươu cái thấy tiếng người đi mà chạy bổ lên; đàn chim đang ngủ trên cành nghe tiếng người nói chuyện mà bay vọt ra; đó là ngàn Ba-đội . Lên đến đỉnh ngàn mới thấy nhỏ bóng chiêu-đôn, sương tan chưa hết, một tụi hành-nhân áo quần ướt-thướt cả; tôi mới cho đóng lại vào một cái quán bỏ không trên đỉnh ngàn, để đánh lửa hơ áo và sưởi và sai tên tùng-nhân lay một hòn thạch-bàn, tôi bèn ngồi lên thạch-bàn tựa vào cành lá dưới gốc cổ-thụ, rồi gọi dược-đồng đun nước pha trà, nhà bếp thì đi làm bữa tảo-phạn mà cho mời quan Văn-thư đến chén với tôi. Đang khi đăng-cao vọng-viễn, cái ý-thú nó làm cho tôi lang-láng không biết là chừng nào, tôi vừa toan đọc một đôi câu cổ-thi để khiến-hứng thời bất-giác buột miệng đọc ngay lên rằng:

Mây ám non Tần nhà khuất nẻo,
Tuyết phong ái Bắc ngựa lùi chân.

Ngâm thôi dường như có điều súc-động bên lòng, lảng-lặng chẳng muốn nói-năng chi nữa, quan Văn-thư thấy tôi ra dáng buồn, y cười mà rằng: “Ở đây cỏ hoa đua nở, riêng một càn-khôn, chẳng khác gì phong-vị ở Hương-sơn, mà sao cụ súc-cảnh sinh-tình, dường như không được vui, cụ lằm rồi, chứ sĩ-quân-tử ở đời có hai cách là *xuất với xử*, xử thời lấy đạo mà tự-lạc, xuất thời lấy đạo mà tế-thời, cụ náu hình ở nơi thâm-sơn cùng-cốc, mà nhất-đán trên cửu-trùng biết tiếng, quan đại-thần trọng-đãi, thực là một dịp kỳ-phùng hiếm có đó, chớ sao cụ lại thế?” Tôi nói: “Quý-hầu dạy quá lời, khiến cho người ta thêm thẹn. Cổ-nhân người ta tài cao học rộng, uẩn-súc kinh-luân, cho nên lúc xử thì mai-quang sản-thái, lúc xuất thì trí-quân trạch-dân, chớ như tôi đây học-hành lõm-bõm, tài-trí hẹp-hòi, đã vô-dụng với đời, may vớ được một cái bạc-nghe để tùy-thân là tốt, còn ngờ đâu nhất-đán thế này, thật là không xứng, chớ còn gọi là may thế nào được.” Quan Văn-thư nói: “Tôi đã vẫn được thấy quan tôi những lúc nhàn-đàm nói đến chuyện cũ, ý giả cụ là một nhà cao-ẩn mà mượn cái tiếng làm một ông thầy thuốc đẩy thôi.” Tôi cười mà rằng: <https://thuvien.sach.vn> “Cổ lệ đầu thế.”

Quan Văn-thư lại nói” “cái trí cụ có như sắt như đá, tôi không dám nói nữa, nhưng tôi nghe thấy tiếng cụ làm được nhiều thơ hay lắm, tôi xin cụ cho nghe một đôi lời vàng ngọc, tôi cũng xin nổi điều lại để bày cười mà giải muộn cho cụ, có nên chăng?” Tôi mừng mà rằng: “Khách ôm cầm chỉ khổ vì không có tri-âm, cái khúc Cao-sơn Lưu-thủy kia ông đã hiểu rồi đấy chứ.” Liền gọi đồng đem văn-phòng tứ-bảo lại, tôi xướng trước lên một bài rằng:

Núi trăm sáu ngọn khi mơ-màng,
Nhẹ bước đường mây bậc bậc thang.
Ngàn bắc đen dầm mây cuộn-cuộn,
Bể tây xanh ngắt nước mênh-mang.
Ngâm thơ chim bụi theo vần họa,
Pha nước sương hoa rỏ giọt nhang.
Lòng thơ những mẩn nơi danh-thắng,
Bên suối giờ lâu mới lợi sang.

Viết xong đưa cho ông họa, ông xem đi xem lại bốn năm lần, rồi tán-thán rằng: “Thơ cụ thực như những bài *Bạch-tuyệt*, *Dương-xuân*, khó họa lại lắm, xin để tôi cố nghĩ mà bòn nhặt ở trong cái khô-tràng này mấy bữa nữa cho kỹ rồi mới dám hiến-sú lại.” Bây giờ chúng tôi mới dặt nhau hạ-sơn. Chiều hôm ấy tới trạm chợ Vân-sàng. Ngày hai-mươi-tám đến trạm Khương-kiều; ngày ba-mươi đến trạm Thịnh-liệt-kiều, quan Văn-thư mới bàn với tôi rằng” “Trong *khải* này nói: ngày mấy thì tiếp được lệnh truyền, ngày mấy thời khởi-trình, ngày mấy thì tới nơi, xin cụ xem qua thể-thức để lúc vào hầu mà liệu.” Nói rồi đưa tờ *khải* cho tôi mà cười rằng: “Nhất nhất cứ xin y như lời kế-hoạch của cụ đã bày ở dọc đường, nhưng chiều mai thì ta cùng đến cả ở dinh quan Chánh-đường, xem công-việc thế nào.” Hẹn-hò tử-tế rồi ai nấy về nhà trọ nghỉ, mai quan Văn-thư đi con đường bên tả qua làng Nhân-mục rẽ sang con đường Hoàng-mai qua cầu Chiền vào thành. Còn bọn tôi có tên Tòng Thuần là học-trò đi theo nói với tôi rằng: “Năm trước con có một người bạn tâm-giao tên là Sự con một chú bắc-khách, về ở quê mẹ Lai-triên-ngung tức là Hiến-nam-cung; nay di-cư sang cửa tây Khương-đình, làm nghề thầy-thuốc, con thấy anh ấy là người chân-thành hiếu-hữu, con có cho anh ấy một bộ *Tâm-lĩnh* của thầy, tự đó anh ấy đêm ngày học tập không lúc nào tay rời quyển sách ra, học-thuật ngày càng tấn-tới, nổi tiếng trong đất kinh-thành, anh ấy thường phàn-nàn rằng: Chỉ chiêm-ngưỡng mãi ngoài dặm nghìn mà không được tới chỗ cung-tường nhà thầy, vẫn định vào đến Vân-hương mà bá-yết, nhưng ngặt vì còn chút mẹ già, không có thể đi xa được, bởi vậy anh ấy có đặt một cái ban để thờ sinh-vị thầy, khuya sớm đèn nhang, gọi là báo đức, hay đâu trời cũng chiều người mà cho anh ấy bây giờ lại được hầu gần thầy; vả lại từ nhà anh ấy vào thành cũng chỉ vài dặm mà con đường ấy cũng ngang với con đường cầu Chiền, nên con muốn đến báo tin cho anh ấy biết, thầy dạy thế nào?” Tôi thấy nói con người có nghĩa mà ưng cho, Tòng Thuần vâng lời đi trước, tôi thì đi theo con đường bên tả, mới được hơn dặm đất, đã thấy anh ta ra nghênh-tiếp ở bên đường quan-lộ, thấy tôi anh ta mừng-rỡ không biết là chừng nào, mời vào nhà trong bái-tạ, kể hết cái tình khao-khát bất lâu, tôi nghỉ lại một đêm, anh ta khoản-đãi rất hậu, tôi bảo anh ta rằng: “Hà-tất phải làm như thế, Nay có quan hộ-tổng (Văn-thư) đã hẹn với tôi ngày hôm nay thì cũng gặp nhau cả ở dinh quan Chánh-đường, việc là việc khẩn, vì dọc đường gió mưa ngăn-trở, nay mới tới đây, không còn trì-hoãn được nữa, nhưng tôi về ở chỗ sơn-lâm, bao nhiêu đường lối trong thành-đô quên mất cả, vậy nhờ ông đưa giùm cho.” Lại pha trà uống xong, chúng tôi khởi-thân ra đi,

thầy Sự đi dẫn đường, qua cửa Vũ-quan vào cửa thành đó có một cái thổ-thành cũng không cao lắm, ngoài thành có một dãy nữ-tướng, trên mặt tường chạy ngựa được, ngoài tường chôn rào tre kín mít, dưới bờ rào có hào sâu, trong hào thả chông, xem ra thập-phần kiên-cố lắm; lại đặt ba lầu vọng-canh, lầu nào cũng có lính đứng sắp hàng hai bên, gương mặt sáng quắc như tuyết, lính canh thấy bọn chúng tôi đi có đeo đồ binh-khí thì họ giữ lại tra hỏi ngặt lắm. Khi biết đoàn-đích và nhận thấy hiệu có lính trấn-binh Nghệ-an, họ mới cho đi, chúng tôi bèn vào hàng tạm nghỉ. Nguyên chỗ này là nơi khi tôi còn bé đã từng trọ học, tôi mới chống gậy đi nhân-bộ ra chơi khắp chung-quanh, xem phong-cảnh cũ, tuy hồ-sơn y-cựu mà phật-điện, đình-đài, quan-xá, quan-cư, nhất-nhất khác cả phong-dạng ngày trước, người đi kể lại như nôm, ngựa xe rộn-rã, tôi càng thêm cảm-khái, bèn tự-hoài một bài thơ rằng:

Lưu-lạc giang-hồ ba chục niên,
Bồng vâng chiếu-chỉ lại Trường-yên,
Đình-đài lâu-quán trời thâm-thấp,
Văn-vật y-quan đất dôi truyền.
Trót quen thô-suất nơi rừng-rú,
Những thẹn su-bồi chốn cửa tiên.
Trái xem những thú chơi khi nhỏ,
Quả nửa ngày nay đã biến-thiên.

Ngâm xong tôi lại lên võng đi, từ cửa cung Khánh-thụy qua đình Quảng-minh tới cửa Đại-hưng-môn, theo con đường bên hữu đi hơn nửa dặm đến dinh quan Chánh-đường, thấy cửa dinh vừa cao vừa rộng, voi đi cũng lọt, hai bên có điểm túc-trực bày đồ hung-trang xem nghiêm-chỉnh lắm, lính canh đêm ngày, xét hỏi những người nhân-tạp. Chúng tôi bèn vào hàng cơm trọ lại, bọn tòng-nhân đi sắm-sửa áo mũ để cho tôi vào sảnh-đường; bấy giờ trống lầu vừa điểm canh tư, vào tới cửa sảnh-đường thì thấy đồ nghi-trượng sắp bày sáng lòa cả mắt. Ngoài sân lính-tráng đi lại như chợ, tôi đứng đợi giờ lâu mới hỏi một viên trực-nhật dịch trưởng thì y nói: “Cụ lớn còn ở trong nội-đường, nên không dám vào bẩm”. Tôi lại hỏi một người “Mân-giả” thì y hỏi lại ngay tôi rằng: “Ông có phải là Lãn-ông làm thầy-thuốc ở Hương-sơn đó không?” Tôi nói: “Chính phải, nhưng sao quan biết tôi?” Mân-giả nói: “Thường nghe thấy cụ lớn tôi nói chuyện, lại có thánh-chỉ tuyên-triệu, cho nên tôi biết, ông cứ đợi đây một lát nữa, cụ lớn tôi đi châu qua đó, thì ông sẽ đón giá mà tiến-kiến cho tiện.” Tôi nghe lời ngồi đợi một lát, quả-nhiên thấy cụ lớn ngài đi ra, thì chúng tôi chạy rạt cả ra nín im thin-thít; giữa sân đặt một cỗ kiệu, những người cầm đồ nghi-trượng đứng thị-lập cả trước sau, trang-nghiêm lắm, tôi bèn bước dạo đến trước sân để bái-kiến, thì trên tòa vọi nói ra một tiếng, lính tranh nhau truyền cho chước miễn và vẫy tôi vào gần, quan Chánh-đường cười mà bảo tôi rằng: “Khởi-trình từ bữa nào, bữa nào tới kinh?” Tôi thưa hết đầu đuôi rồi quan Chánh-đường ngoảnh lại bảo khế một vị thiếu-niên tiểu-quan đứng thị-lập ở đấy mấy câu thì ông lên kiệu đi châu ngay, tôi chưa hiểu ra sao, thấy vị tiểu-quan ấy ra mời tôi vào trong nhà tư, tôi mới biết vị tiểu-quan ấy là cậu cả con quan Chánh-đường, xuân-xanh trạc độ trong ngoài hai-mươi, tướng-mạo đẹp như ngà ngọc. Tiểu-quan mời tôi cùng ngồi một chiếu, tôi chối từ hai ba lần mà tiểu-quan không nghe, sau phân hai bên chủ khách cùng ngồi, tiểu-quan nói trước ngay lên rằng: “Nghe cụ là một người hoài-tài bão-học, chỉ ưu-du trong chốn lâm-toàn, lấy cái thú cầm-tôn để tự-lạc, lại dốc một niềm về sự tế-nhân độ-thế, vẫn thấy gia-quân tôi thường thường khen-ngợi rằng: Kể trong y-đạo đời nay, không ai hơn cụ được. Tôi vẫn có lòng hoài-vọng đã lâu, mặt-đán

được thừa-nhan thế này, thực là tam-sinh hữu-hạnh.” Tôi từ-tạ mà rằng: “Kẻ sơn-dã sơ-cuồng này, đâu dám so với đời, mà Quận-hầu quá ban lời long-dự như vậy, tôi lấy làm e sợ quá”. Tôi nói thế rồi, Quận-hầu bèn gọi một tên dịch-mục lại mà bảo rằng: “Anh sang bên dinh quan Trung-kiên bắt những lính canh dinh ở đây quét dọn dinh-viện đi, rồi kê giường rải chiếu, một lát thì về báo cáo cho tôi biết, nhá?” Tên dịch-mục đi không đến một giờ thì về bẩm đã tề-chỉnh cả rồi, Quận-hầu nói: “Trong dinh này huyền-náo lắm, không tiện, có một chỗ bên nhà chú tôi, tuy không được rộng-rãi lắm, nhưng có vẻ thanh-u khả-ái, hiện nay chú tôi có công-vụ phải đi Sơn-tây-trấn, cho nên dinh ấy vẫn để không, vậy xin mời cụ sang nghỉ bên ấy”. Nói thôi Quận-hầu đứng dậy dắt tay tôi cùng đi qua nhà nội-sảnh-đường độ vài mươi bước, đi vào một cái cửa mạch, thì thấy nào nhà ngoại-sảnh, nhà trung-đường, phòng ăn, nhà bếp, rất là tề-chỉnh. Quận-hầu mời tôi vào nhà trung-đường, cùng ngồi nhàn-đàm với nhau. Lúc kỳ-thủy tôi vẫn tưởng y là bậc công-tử vương-tôn, sinh-trưởng nơi phú-quí, tập nhiễm thói phồn-hoa, kíp đến khi thấy con người học-vấn uyên-bác, thâm-hiểu cả mọi lễ kim-cổ thị-phi, nhân-tình thế-vị, hình như một người đã nếm trải cả rồi, vả lại phú-tính khiêm-nhường, tuyệt không có cái vẻ gì là kiêu-lận, tôi lại càng thêm kinh-phục lắm. Trời đã gần tối, Quận-hầu mới cáo-từ tôi mà về, tôi mới sai bọn tòng-nhân cất dọn đồ hành-lý vào, còn bọn trấn-binh đi hộ-tống thì cho hồi-trấn mà không nói đến việc ấy nữa.

Chương thứ II. Vào vương-phủ thăm mạch lần trước

Sáng sớm hôm mồng một tháng hai, tôi nghe thấy tiếng gõ cửa kíp lắm, tôi chạy ra mời vào thì thấy một người lính hầu vừa thở vừa nói, y là người dịch-mục của quan Chánh-đường cho đến bảo tôi rằng: “Có Thánh-chỉ tuyên-triệu cụ, quan Truyền-mệnh còn đang đợi ở nơi trú-sở của cụ lớn tôi, tôi thừa-mệnh chạy ra đây báo cho cụ biết và đã bắt lính bản-dinh đem võng đến đón ở ngoài cửa kia, mời cụ tới phủ để vào châu ngay lập-tức.” Tôi liền xắn khăn áo ra lên võng để đi vào trong phủ. Bấy giờ người dịch-mục đi trước hét đường, võng thì khiêng chạy như ngựa lồng, tôi bị nó làm sốc-sáo một mẻ nhọc mệt đến khổ. Vào cửa hậu rồi theo người đưa đi qua hai lần cửa nữa, theo con đường bên tay tả mà đi, tôi ngẩng đầu lên trông thì thấy tứ-phương bát-diện chỗ nào cũng những cây-cối rườm-rà, chim kêu dúi-dít, những đóa danh-hoa thì đang đua nở, gió thoảng đưa nhang; qua những dãy hành lang, câu-lơn khúc-chiết, bức nọ liền với bức kia, hai bên cân đối như một; những kẻ môn-nhân truyền-báo dộn-dã, người làm việc đi lại đông như mắc cửi, lính thị-vệ thì canh giữ cửa cung, ai ra vào phải có thẻ. Tôi nhân bụng bảo dạ rằng: Mình vốn là con nhà quan, sinh-trưởng ở chỗ kinh-hoa, một vùng cấm-thành chỗ nào mình cũng thông-thuộc hết, duy công-việc trong phủ chỉ được nghe tiếng, nay mới tới nơi, mới biết cái phú-quí của nhà vua chúa khác hẳn cả chỗ tầm-thường. Bèn ngâm một bài thơ để ký-sự rằng:

Đây là đệ-nhất giữa trời nam,
Nghìn cửa quân canh giáo sắp hàng.
Ngất trời gác ngọc cao ngùn-ngụt,
Dọi nắng rèm chân ánh sáng choang.
Vườn ngự xa-xa nghe tiếng vẹt,
Hoa cung thoang thoang ngát mùi nhang.
Quê-mùa chưa trải nơi ca-quản,
Chẳng khác Đào-nguyên lạ bước đàng.

Đi được độ vài trăm bước, qua mấy lần cửa ngăn mới đến cái điểm Hậu-mã-quân-túc-trực, điểm làm ở bên một cái hồ lớn, có những thứ cây lạ-lùng và những đá non-bộ kỳ-quái, kiểu điểm thì cột với câu-lơn lượn ra ngoắt vào xem có một cách kỳ-xảo. Quan Chánh-đường khi nào thoái-triều thì ra nghỉ-ngơi ở đấy để túc-trực; thấy tôi đến, ông bảo quan Truyền-chỉ rằng: “Chiều hôm qua tôi đã tâu rồi, Thánh-thượng ngự ban cho ông này vào châu và xem mạch cho đức Đông-cung thế-tử.” Nói thôi ông đi với quan Truyền-chỉ, bảo tôi đi tùy-hành và cho mấy tên tiểu-hoàng-môn đi theo, đi đến một cái cửa lớn, lính thị-vệ thấy tôi ăn mặc lạ con mắt thời giữ lại, quan Truyền-chỉ nói: “Có Thánh-chỉ tuyên-triệu,” họ mới cho đi. Đi sang dãy hành-lang mé tây qua một cái nhà rất cao-lớn rộng-rãi, hai bên bày hai cỗ ngự-kiệu, những đồ nghi-trượng thiếp vàng nuột cả; gian giữa kê một cái sập ngự thiếp vàng, trên sập mắc một cái võng điều, đằng trước sập và hai bên tả hữu bày tình những kỷ án và đồ chơi mà nhân-gian ta chưa thường thấy bao giờ. Tôi chỉ liếc mắt trông qua rồi cúi đầu mà đi. Lại qua lần bích-môn nữa đến một cái gác vừa cao vừa rộng, trong gác ấy bao nhiêu giường cột từ trên đến dưới đều sơn son vẽ vàng cả. Tôi hỏi nhỏ quan truyền-chỉ, ông nói: “Cái nhà đao góc vừa mới đi qua là Đại-đường mà đây là Tử-các, nay đức Thế-tử đến ở đây để ngự trà, cho nên gọi là phòng trà; vì kiêng gọi thuốc mà gọi là trà.” Bấy giờ ở trong phòng trà có đến tám chín người ngồi thị-tọa, thấy quan Chánh-đường đến thì họ đứng cả dậy, quan Chánh-đường truyền cho tôi ngồi

vào giữa hàng những người ấy, trước tôi chưa hiểu, sau mới biết là các thầy lương-y trong lục-cung lưỡng-viện, được dự vào thị-trà, ngày đêm túc-trực ở đó. Thấy tôi họ cứ nhìn nhau, có người lại ghé tai nói thầm. Quan Chánh-đường cười mà rằng: “Ông này là con ông Liêu-xá Đường-hào, vào ngự trong Hương-sơn, làm thuốc hay có tiếng, nay phụng Thánh-chỉ tuyên-triệu vào kinh đây.” Lúc ấy có một người trong bọn ngồi đấy, đầu đội khăn lượt tàu, cười mà bảo tôi rằng: “Cụ có biết tôi không?” Tôi thưa rằng: “Tôi là kẻ ở ngoài sơn-dã, có đâu được biết đến các Ngài là những bậc cát-sĩ đông-đức ở trên Thánh-triều bây giờ.” Người ấy lại nói: “Tôi ở An-việt Sơn-la đây, lúc ở nhà vẫn nghe tiếng ngài lừng-lẫy, nhưng chưa được tiếp bậ nào.” Tôi mới biết là ông giáo-quan tên là Chúc ở An-việt, nhân quan Thự-trấn là ông Nguyễn Kiêm ở Tiên-diền đề-cử vào làm thị-y, rồi được lĩnh chức Tham-đồng là thuộc-viên Binh-bộ. Tôi nói rằng: “Từ quý-cư đến chỗ tôi cũng không xa gì, vẫn muốn tới hầu, nhưng không tiện dịp.” Nói chưa dứt lời thì thấy quan truyền-mệnh đến nói nhỏ với quan Chánh đường cái gì không biết, quan Chánh-đường đứng dậy bảo tôi rằng: “Hãy lui ra ăn cơm sáng một lát đã.” Tôi theo quan Chánh-đường đi con đường lúc nãy về Hậu-mã-diếm. Quan Chánh-đường nói rằng: “Thánh-thượng đang ngự-hạnh ở đó, các bà phi-tần đứng chầu đông lắm, chưa dám tiến-kiến, nên hãy tạm ra.” Nói rồi ông san mâm cơm ra cho tôi ăn, thời thấy mâm cơm bằng bạc, chén bằng vàng, cùng tinh những thức trân-tu, mĩ-vị, ấy mình được biết cái phong-vị cửa đại-gia mới lần này là một. Ăn vừa xong, lại thấy một quan cận-thị chạy ù đến triệu, quan Chánh-đường bảo tôi đi theo đến chỗ phòng trà mà tôi đã đến trước, ông sợ tôi lạc lối, bảo tôi đi sát sau lưng ông. Chợt trông thấy một chỗ màn gấm mở ra, trong tối om-om, chẳng còn biết đâu là cửa-dã nữa. Màn gấm thì quấn hết vòng nọ đến vòng kia, mỗi lần lại thả một cây nến để dẫn-lộ, đi qua độ bốn năm lần trường gấm vào một cái phòng rộng, thấy một vị độ năm sáu tuổi mặc áo lụa đỏ ngồi trên một cái sập vàng ở giữa phòng, mỗi bên tả hữu có mấy viên đứng thị lập. Giữa thả một cái nến to cắm trên cây nến đồng; bên sập ngự kê một cái ghế long-kỷ sơn son vẽ vàng, trên giải một cái đệm gấm, gần bên long-kỷ che một cái màn cấm-xa ngăn cách đi. Bên hữu màn thì bọn cung-nhân đứng xúm-xít, bóng nến chiếu sang, áo thắm mặt hoa, long-lanh nhấp-nhánh, xạ ngát hương đưa, chắc là Thánh-thượng nguyên ngài ở cái long-kỷ đó, nay tạm lui vào trong màn cấm-xa để tôi được tiện mà xem mạch cho tường-tận. Lúc đó tôi nín hơi nín nghĩ, đứng nép vào một bên ngoài xa để đợi lệnh. Quan Chánh-đường truyền cho tôi ra trước, cúc-cung lạy bốn lạy. Thế-tử cười mà rằng: “Người này lạy khéo.” Quan Chánh-đường lại truyền-mệnh rằng: “Già yếu cho ngồi hầu mạch.” Tôi bèn lom-khom tiến đến trước Ngự-sàng ngồi xem mạch, xem xong nghe trong màn cấm-xa có tiếng nói nhỏ rằng: “Cho xem cả hình-trạng xem.” Thời một viên nội-thần đứng thị-lập ở đó tiến lên trước Ngự-sàng mà bẩm-thỉnh với Thế-tử. Thế-tử liền cởi áo ra đứng lên giường ngự cho tôi xem. Tôi xem khắp cả phúc bối chi-thể một lượt kỹ-càng, rồi quan Chánh-đường truyền-mệnh cho tôi lạy tạ mà lui ra, tôi liền đứng ra lạy được bốn lạy thì thấy truyền-mệnh cho một tên tiểu-hoàng-môn đưa tôi ra phòng trà ngồi nghỉ. Một lát nữa quan Chánh-đường mới ra, ông bảo tôi rằng: “Ông xem mạch-tình thế nào, nên dùng những thuốc gì thời nhất-nhất phải kê ra tờ *khải* để tiến nạp.” Ông lại bảo tôi rằng: “Bệnh đã nửa năm nay, trước gây lăm, bây giờ mới hơi có da thịt, cái đó thì biết là sở-bẩm khiếm-hậu, mà bệnh lâu lại không có tư-bổ, vì dùng dương-dược thời bụng nóng không thể chịu được, mà dùng âm-dược thì lại càng thêm cách-trệ lăm, nay phải uống đến những vị phát-tán mới xong.” Nói rồi ông sai Viện-tả-quan đem những đơn thuốc đang dùng đến cho tôi xem; nguyên ông cử tôi vào, cho nên ông có những lời lẽ đó là ý ông muốn đầu-cơ cho tôi, vì ông cũng có biết thuốc, nhưng biết chưa được thâm-thúy, hễ đàm-luận bao giờ là ông cũng có ý công-phạt. Ông thường nói rằng: “Có bệnh thì bệnh phải chịu, khi hết tà rồi sẽ bổ là chi-pháp.” Nhưng cứ ý tôi thì tôi cho là ở trong chỗ màn quây trướng phủ, ăn no mặc ấm quá nên tạng-phủ nó yếu-ớt đi, lại bệnh đã lâu thời tinh-huyết phải hao-kiệt cang-khô, nên mặt không có nhuận-sắc, rốn thời to, gân thời xanh, tứ-chi thời khăng-kheo, đó là bản-nguyên đã đòi-thương lăm rồi, thế mà họ cầu-công cứ thiên-dụng những cách khắc-bạc thông-lợi là vì họ không hiểu cái lẽ nó tiềm-tiêu ám-kiệt đi ở trong, đã hư lại làm cho hư thêm vậy. Vi-kim-chi-kế, không bổ không được, vì nay mình dùng cách chữa cấp-công thì tất-nhiên họ cơ-mi mình mà không bao giờ mình về chốn cố-sơn được; bất-nhược ta dùng phương thuốc hòa-hoãn, bất-trùng bất-viễn là xong. Tôi lại nghĩ rằng: Ông cha nhà mình mấy đời chịu ở nhà-nước, mình

phải hết lòng để kế cái trung-chí của ông cha mới phải. Nghĩ-ngợi cặn-kẽ rồi tôi mới nói rằng: “Tôi cúi xem thánh-thể thanh-sầu lắm, mà mạch-tức thì tế-xác là âm dương đều khuy-tổn, nay phải tuấn-bổ cho hai tạng từ vị để giữ lấy cái căn-bản của tiên-thiên và bồi lấy cái hóa-nguyên của hậu-thiên. Chính-khí đã đầy đủ ở trong rồi thì bệnh-thể phải tiềm-tiêu đi ở ngoài, không trị bệnh mà bệnh tự khử hết.” Nhưng quan Chánh-đường bấy giờ cũng vẫn còn phản-phức khai-dụ cho tôi mà tôi cũng cứ hiểu-đạo cho ông mãi. Sau ông nói rằng: “Ông đã lập-kiến bất-di như thế thời ông cứ viết ra thành phương thuốc và lời luận để tiến-nạp.” Tôi bèn y mệnh viết một tờ *khải* như sau này:

“(Lược)... Tiểu-thần: Lê Hữu-Trác phụng kê.”

Tôi viết xong đưa dâng quan Chánh-đường, ông xem kỹ một giờ lâu, hình như có ý ngần-ngại. Bấy giờ các thầy thị-y ngồi đó, đứng ra toan nhòm xem. Ông không cho xem dứt ngay tờ *khải* ấy vào trong tay áo rộng, rồi cười mà rằng: “Ông này kê phương lập luận khác với chúng ta nhiều.” Rồi ông trao ở *khải* ấy cho một viên nội-thần đem phụng-tiến. Một lát quan Chánh-đường đứng dậy bảo tôi theo về Hậu-mã-trú-sở, pha trà uống và nghỉ độ ít lâu. Ông bảo tôi rằng: “Ông đi xa-xôi vất-vả, hãy tạm về nhà trọ nghỉ-ngơi. Ví có thân-bằng mời-mọc cũng không được li-ngụ đi đâu, vì còn đợi Thánh-chỉ xem sao.” Tôi từ ông mà ra, lên võng về dinh quan Trung-kiên. Được độ trong tuần-nhật các thân-bằng trong kinh ai nấy đều đến thăm hỏi, đó là cái thường-tình xa cách nhớ nhau, bất-tất phải kể.

Quan Chánh-đường từ hôm ấy trở đi, phải phụng-thị ở trong phủ không được một khắc nào thư mà về nhà. Tôi cũng không biết cái đơn thuốc của tôi tiến lên thế nào. Quận-hầu thường đến chỗ nhà trọ chơi với tôi, đàm-tiểu suốt ngày, có khi đêm khuya mới về, tình-nghĩa với nhau rất là chu-đáo. Có một hôm thấy người dịch-mục của quan Chánh-đường đến nhà trọ tôi truyền-mệnh rằng: “Có Thánh-chỉ tuyên-triệu, ông phải lập-tức vào chầu.” Tôi liền sang dinh Quận-hầu mượn bốn tên lính hầu khênh võng cho tôi vào phủ. Đến Hậu-mã-trú-sở đãi-mệnh, hết một giờ chưa thấy truyền-báo gì. Một chốc nữa thấy một tên tiểu-hoàng-môn là người nhà quan Chánh-đường cầm nến tự trong cấm đi ra, vào trong bếp dọn bữa cơm chiều mà cùng ăn với tôi. Y bảo tôi rằng: “Cụ lớn tôi truyền cho cụ lang hãy về nhà trọ, sáng sớm mai lại vào đây ngay.” Y lại ghé vào lỗ tai tôi mà nói thầm rằng: “Tôi mừng cho cụ, Thánh-thượng đã chuẩn-ban cho hai-mươi suất chế-lộc tùy-hành-quân, ban cho quan Hộ-phiên câu-kê chiếu bổng-lệ thi-hành, sáng mai được nghe truyền-mệnh.” Tôi nghe nói mà phàn-nản trong bụng rằng: “Thế mà đề-cử vào là lý làm sao?” Ăn cơm xong, tên tiểu-hoàng-môn ấy đi lấy một cái thẻ dài hơn năm thước, hai đầu nạm bạc, thích hai chữ nội-sai là cái thẻ quân-phù đi đêm trong cấm. Đưa tôi ra khỏi cửa phủ, tôi nghĩ-ngợi thâm đê, nằm không nhắm mắt, là tự nghĩ rằng: Đã đề-cử như thế là thế nào cũng không buông tha mình ra, nếu mình mà thụ-mệnh thì sau không chối được nữa. Bất-nhược ta thác-bệnh không vào nữa là xong. Sáng mai tôi sai một tên gia-đồng đem một lá thủ-thư đến xin ông Quận-hầu cho người vào trong phủ bẩm với quan Chánh-đường rằng: “Đêm qua tôi cảm hàn, người sốt, nhức đầu, đứng ngồi run-rẩy, không vào chầu được.” Một lát thì Quận-hầu đến hỏi thăm tôi mà rằng: “Việc ấy tôi đã cho vào phủ bẩm với gia-quân tôi rồi, cụ đừng ngại, xin cụ cứ kiên-khem cho chóng khỏi mà vào chầu, tất sẽ được đặc-cách thăng-thưởng.” Tôi hỏi: “Sao Quận-hầu biết?” Quận-hầu nói: “Hôm nọ nhân có công-sự, tôi vào trong phủ thấy gia-quân tôi nói rằng: Cái đơn thuốc của cụ dâng lên, vì bọn viện-y trở-nghị lôi-thôi, nên chưa dám đem thuốc dâng ngự xơi. Còn bài thuốc trong tờ *khải* thì Thánh-thượng ngự-lãm rồi, ngài khen là “thâm-thông y-lý”, ngài đã chuẩn-định ban tứ cho.” Tôi nghe nói, lo cuống cả người ra. Quận-hầu vốn biết tôi không định ở, nên cười mà rằng: “Ý hãn cụ là bậc đại-tài không chịu đem con ngựa kỳ-ký để kéo cái xe muối, nên không bằng lòng hãn thôi?” Tôi đứng ngay dậy ra trước mặt Quận-hầu toan lạy. Quận-hầu cũng vội-vàng đứng lên mà rằng: “Từ khi cụ vào Kinh đến giờ, tôi được sớm hôm thừa-tiếp, tiến-ích được nhiều, có việc gì cụ cứ nói thực, tôi xin hết lòng giúp cụ.” Tôi nói: “Tôi vốn có chí hồng-nghe từ thừa nhỏ mà không gặp thời, phải về nương-náu chỗ sơn-cùng thủy-tận cho được dưỡng-nhàn. Nay tuổi đã sáu-mươi rồi, mắt hoa tai điếc, còn làm gì được mà cầu tiến nữa. Phương-chi vì mình lắm bệnh mà phải học thuốc, không ngờ cụ lớn nhất-đán đề-bạt cho tôi đến thế này, nếu Quận-hầu có lòng trông lại mà giúp tôi, túng-nhiên tôi chưa về được chỗ cố-sơn cũng làm thế nào cho tôi được thoát khỏi cái vòng danh-lợi, thì tôi cảm-ơn Quận-hầu vạn-bội.” Quận-hầu cười mà nói rằng:

“Cái bệnh nhiệt của cụ, không thuốc nào chữa khỏi, chỉ được một chén nước Hương-sơn để nội-phục với một phiến vân Hương-sơn để ngoại-đồ là tự-nhiên khỏi ngay.” Tôi cười mà rằng: “Thế ra Quận-hầu uống nước trên ao Thượng-trì nên trông thấy cả gan ruột người ta có phải không?” Nói thôi, hai chúng tôi cùng tùm-tùm mà giã nhau. Hôm sau Quận-hầu cho người đem đến cho tôi một cái tiểu-trát rằng: “Đã trình với đại-nhân rồi, nhưng chỉ cười mà không nói gì.” Và mật-báo cho tôi phải cứ nằm trên giường bệnh mà không được thư-từ lai-vãng gì với ai. Tôi cũng trả lời rằng: “Cẩn phụng giáo.”

Vài hôm sau Quận-hầu đến, tôi thấy mặt hớn-hở tươi-cười, tôi chắc mẫm trong bụng rằng: việc mình xong rồi. Quận-hầu nói: “Tôi đã mấy lần nói mà gia-quân tôi cứ ngần-ngại, sau tôi phải đem thực tình cố nài kêu cho cụ, thì gia-quân tôi nói rằng: Lúc trước ta không ngờ ông ta là người vô-tâm công-danh như thế, mà đã chót dãi bày hết cái học-thuật của ông ta ở trước mặt vua rồi, bây giờ cải-khẩu thế nào cho được. Vậy chỉ có một cách cáo là suy-lão mà thôi. Tao vào châu thì mày cứ báo cho ông ta ngày mai phải vào phủ đãi-mệnh.” – Tôi nghe nói mừng rỡ vô-cùng, cười mà bảo Quận-hầu rằng: “Chắc bây giờ cụ lớn cũng đã nghĩ đến cái tình tôi rồi.” Quận-hầu cũng nói: “Tôi xem ý gia-quân tôi nói thì tưởng thế nào cụ cũng lại được đĩnh-minh với những bày viên-hạc chốn cố-sơn chứ không ngại.” Tôi nói nhờ Quận-hầu cứu giúp cho, chắc thế nào cũng xong; trò-chuyện hồi lâu rồi Quận-hầu lại nhà. Sáng hôm sau tôi vào trong phủ đãi-mệnh, thì không thấy quan Chánh-đường, tôi hỏi bọn lính canh-túc thì họ nói: “Thánh-thượng ngự-hạnh trong Đông-cung, quan Chánh-đường đang phụng-thị ở đó.” Tôi bèn nhờ một người lính túc-trực đưa đường, đi từ cửa hữu phủ-đường quanh-co hơn một dặm, tinh những lâu, đài, đình, cách, rèm châu cửa ngọc, long-lanh từ mặt nước đến lưng trời; hai bên đường đi thì thuần những cỏ lạ hoa kỳ, hương bay ngào ngạt; những loại trân-cầm dị-thú, con bay con nhảy, chỗ hót chỗ kêu; ngọn cao-phong trót-vót nổi ở giữa đất bằng; cây cổ-thụ bà-xòa rợp một vùng bóng mát: dịp Cầu sơn ngũ-sắc, bắc qua dòng nước quán-quanh; đá hoa đủ các mùi, xây làm cầu-lơn chạy diều. Tôi vừa đi vừa ngắm, thật là một chỗ cảnh tiên. Thoạt đến cửa Đông-cung thì gặp quan Chánh-đường thoái-triều ra. Ông bảo tôi về trú-sở, pha trà uống xong, ông cười mà bảo tôi rằng: “Ông ở nơi lâm-toàn phóng-dật đã quen, từ ngày tiến kinh vào châu đến nay, gặp đêm chạy đêm, gặp ngày chạy ngày, lấy làm vất-vả lắm nhỉ?” Tôi đứng dậy mà từ-tạ rằng: “Tôi vốn lắm bệnh, nay lại già yếu, xin cụ lớn rủ lòng cứu giúp cho.” Ông nói: “Hôm qua tôi đã đem cái ý của ông mà tâu lên, xin cho cô-lưu ở ngoại-phiên phụng-thị, đã được ân-chuẩn-doãn rồi, ông cứ phải ở nơi nhà trọ, không được chơi-bời đâu xa, ví có đi đâu, tất phải chỗ thường, vì e bất-thời tuyên-triệu đến.” Nói chưa dứt lời thì quan nội-thần đến triệu quan Chánh-đường, tôi bèn tạ ông mà về nhà trọ. Quận-hầu đến hỏi thăm, tôi kể hết diên-mạt một lượt, Quận-hầu mừng mà rằng: “Lời rằng: *Hầu-môn nhất nhập thâm như hải*, phượng-chi gia-quân tôi với cụ, cái sự khứ-lưu của cụ bây giờ, gia-quân tôi không tự-do được, làm thế nào?” Tôi nói rằng: “Quận-hầu là một cái núi Thái-sơn của tôi, biết cho tôi có ông Quận, mà cứu cho tôi được cũng chỉ có ông Quận, sức người ta có thể hồi-thiên được, thì cái đường tiền-trình của tôi đã biết đâu không đạt tới.” Đàm-tiểu một lúc rồi Quận-hầu về.

Vài hôm sau, quan Chánh-đường thoái-triều về nhà, tôi vào tạ ơn, bấy giờ có mấy ông quan đang ngồi hầu quan Chánh-đường ở trong nhà khách, trong bọn các quan ngồi đó cũng có ông biết cả môn-đệ, tính-danh nhà tôi, quan Chánh-đường mới đem cái việc của tôi nói lại cho các ông nghe. Một ông cười mà rằng: “Ai cũng lấy sự được làm quan làm mừng, ông này lại lấy sự mất quan làm may, sao ông lạ đời thế? Cổ-nhân có chữ *“nham-huyệt”*, không phải là công-hầu có ở nơi nham-huyệt, là vì cái phong-lưu ở nơi nham-huyệt cũng bắt -giảm cái phú-quí của nhà công-hầu đó.” Tôi nghe nói, chấp tay lại mà thưa rằng: “Chúng tôi là kẻ tiện-sĩ ở chốn thảo-lai, may nhờ cụ lớn tôi tiến-bạt lên cho, nên nhất-đán trên Cửu-trùng biết tới, chúng tôi thực lấy làm thiên-tài-kỳ-phùng, tam-sinh-hữu-hạnh; nhưng chỉ vì tôi bây giờ già yếu, đi đứng đau đớn, không thể chịu được, cho nên tôi phải tự-cam ít phúc, không dám uống phí lộc trời, vẫn hồi-tích lắm mà không sao được.” Một ông quan nữa nói: “Ông này tôi trông mặt còn đồng-nhan mà có cái vẻ nghiêm-nhiên như tùng-bách lừng-sương, tất trong chỗ tu-dưỡng có sở-đắc nhiều, nhưng chỉ vì tiếc cái thú thanh-u, nên lánh tục đẩy thôi.” Lại một ông quan nữa nói: “Nếu ai cũng là Y, Chu, thì ai là Sào, Do.” Quan Chánh-đường cười mà rằng: “Sĩ các hữu chí chứ.” Một chốc thời đều lui ra.

Chương thứ III. Cảnh lữ-huống ở trong Kinh

Bấy giờ tôi trọ ở dinh quan Trung-kiên đã hơn một tháng, những thân-bằng ra vào thăm hỏi quẩn-quít suốt đêm suốt ngày, thường bị lính canh cửa bên dinh quan Chánh-đường họ ngăn giữ tra hỏi, ai vào phải có người nhận mới được đi. Tôi tự-nghĩ rằng: Trong dinh này ra vào khó lắm, mà ở lâu thì lương-thực tốn nhiều, bọn mình thầy trò đến hơn mười người, lấy đâu cho đủ mãi. Bữa nọ Quận-hầu có hỏi mình bao nhiêu từng-nhân đi theo, là ý quan Chánh-đường muốn ban lăm-cấp cho, nhưng mình đã không chịu vào cơ-mi người ta, cố kiên-từ mãi mới được miễn; vậy nay phải tìm ra ở ngoài để bè-bạn tiện đến chơi-bời mà phát thuốc để cung nhật-dụng. Tôi nghĩ ổn-đáng rồi, mới cho đến nói với Quận-hầu rằng: “Tôi lưu-lạc giang-hồ hơn ba-mươi năm nay, nhất-đán về đến Kinh, bà con ở trong Kinh nhớ-mong thăm-hỏi là một sự thường-tình, đêm ngày ra vào, nhiều khi phải đặng-đãi, vậy xin ra trọ ngoài cửa dinh cho tiện, nhờ Quận-hầu kêu với cụ-lớn cho”. Lúc mới Quận-hầu không muốn cho tôi xa cậu, tôi phải cố vật-nài hai ba lần mới được, bèn cho người nhà đi hỏi được một chỗ trong quân-dinh của đội Kinh-hữu, chủ-nhân tên là Biện-Đồng, anh ta đã có tuổi mà còn muộn-màng về đường tử-tức, thấy tin anh ta cho là lòng trời, thân đến mời tôi, tôi cho dọn gong-gánh sang trọ nhà anh ta, vợ chồng anh ta mừng-rỡ, cung-phụng tôi tử-tế lắm. Từ dinh quan Chánh-đường đến đó độ vài cung đất, Quận-hầu khi thì ba ngày, khi thì năm ngày một lần sang chơi trò-chuyện với tôi; kể cái tình thân-ái của tôi với Quận-hầu chẳng nói thì ai cũng đã rõ. Kể từ khi tôi tới Kinh chưa được nửa tháng, mà từ các quan lính tráng, đến những người phố-phường ở trong Kinh, ai cũng biết tiếng, kẻ thì xin thuốc, người thì nhờ xem mạch mà xin đơn, đêm ngày huyền-náo quá. Tôi mới tự-nghĩ rằng: Lúc mới chỉ định đủ cung nhật-dụng, bất-giác bây giờ lại được gấp mấy lần, nhưng mình thử-hành đến phú-quí còn chẳng thiết, nữa là còn chực cầu lợi hay sao? Đã vậy thì tội gì phải thù-tiếp người ta để đến mất cả ăn cả ngủ. Tôi mới định di-ngụ đi chỗ khác nhưng chưa tìm được đâu. Khi ấy có ông Hàm-Xuyên-hầu là quan Quản thị-nội tả-cơ nguyên lúc nhỏ theo nghề cử-nghiệp đã đỗ qua trường quận-tường, sau theo ông thân-sinh đi chinh-tiểu, có công được thăng chức về võ-giai, nhưng ông nhất-sinh lắm bệnh, vẫn đến xin thuốc của tôi. Ông thấy cái cách của tôi không chữa bệnh mà bệnh phải khỏi thì ông cho làm thần-dị lắm, khi có chứng nào nguy-cơ thì cũng nhờ tôi bảo-toàn cho. Ông bèn xin thu-nghiệp mà học thuốc tôi, tôi thấy ông là một người thành thực nên mới nhận lời. Ông biết ý tôi không muốn ở chỗ phiềnnáo, nên ông tự lẳng-lặng sửa-sang một chỗ cự-dinh bên bờ hồ gần dinh ông, có đủ các nhà ngoại-sảnh, nội-thất, phòng khách, nhà bếp, mà nhàn-tĩnh lắm. Dọn xong mới đến mời tôi. Tôi mừng lắm, cho dọn sang. Vợ chồng Biện Đồng không bằng lòng, tôi cho mở một cái cửa mạch ở chỗ sau tường nhà tân-ngụ để thông với cái nhà sau Biện Đồng, khuya sớm đi lại cho năng, vì hai nơi cách nhau có vài trăm bước. Từ khi tôi di-ngụ sang đó mới được thư-nghỉ. Có một đêm sáng trăng như ban ngày, tôi ngồi ngất-ngưỡng trước câu-lơn, lăm-bấm một mình rằng: Mình về Kinh đã hơn vài tháng nay, cố-hương chưa được về thăm mà dờn đi đâu một bước cũng không được; bấm đốt tay đã ba-mươi năm nay, vẫn tưởng không vào cái cuộc danh-cương lợi-tỏa, mà sao bây giờ lại phải chịu làm cái thằng Sở-tù thế này? Nghĩ như thế tôi bất-giác mà thở dài lên một tiếng, sai tên đồng đi pha nước ngồi uống một mình, rồi nằm thiu-thiu buồn ngủ. Chợt nghe thấy có một tiếng ở bên kia bờ hồ bay ra, tiếng đâu véo-von lạnh-lãnh như tiếng ve mùa hạ kêu sâu, thánh-tha thánh-thót như hạt sương mùa thu trong vắt; tôi giật mình giở dậy ra trước sân nghe xem thì ra tiếng sáo thổi ở bên tây-dinh vậy. Lúc ấy tôi chưa nguôi mối sầu nọ, lại thêm mối cảm kia, bèn ngâm một bài đoản luật để tả-hoài rằng:

Véo-von tiếng ngọc-địch,
Thêm cảm thừa đêm thanh.
Bóng nguyệt bay nghìn dặm,
Hơi thu tán khắp thành.
Nhà ai vui lại thú,
Khách lạ nào bao tình.
Lanh-lảnh đang lên bổng,
Trống lâu bỗng điểm canh.

Ngâm thôi đi tản-bộ trước thềm; đêm khuya mới đi ngủ, chiêm-bao luân-quần ở đâu quê nhà, mãi đến lúc vàng hồng ròm trước song chưa dậy, được-đồng tất-tả vào đánh thức, nói rằng: “Quận-hầu đứng đợi ngoài cửa đã lâu”. Tôi vội-vàng chạy ra đón, mời vào phòng khách ngồi chơi. Quận-hầu nói rằng: “Trước ở đằng kia có mấy gian quân-phòng chật-hẹp, cửa liền với đường, cai náo-nhiệt khó chịu, nay được chỗ này thanh-nhàn cũng đủ xứng-ý cho cao-nhân tĩnh-dưỡng.” Tôi nói: “Cảm ơn chủ-nhân đây có lòng tốt lắm.” Bấy giờ Hàm-xuyên-hầu nghe có Quận-hầu đến chơi cũng sang hầu, tôi đưa bài thơ “Nghe tiếng sao thối ban đêm” cho hai ông phẩm-bình xem, thì đều ngợi-khen cả. Quận-hầu nói: “Cái câu “vui lại thú” này là có ý sở-thích đây.” Tôi thưa phải. Hàm-xuyên-hầu nói: “Thái rồi có bĩ, thịnh lắm suy nhiều, lẽ thường như vậy, cho nên thánh-nhân có câu “*tôn doanh ích khiêm*” là nghĩa thế”. Chuyện-trò giờ lâu rồi tan. Sáng hôm sau thấy một người dịch-mục của Quận-hầu đưa năm tên kiện-tốt khăn áo chững-chạc đến, tôi trông thấy cứ tưởng có việc gì phải đi đâu xa, người dịch-mục nói rằng: “Ông tôi thấy chỗ tân-ngụ của ngài đây vắng-vẻ và vùng này thường hay trộm cướp những-nhiều, sợ xảy ra có sự gì chẳng, nên bám với cụ lớn tôi, ngài truyền lấy năm người lính tiền-quân của bản-dinh đến để ban ngày thì giúp việc, đêm thì canh giờ.” Tôi nói: “Cái thân tôi đây đã nhờ Quận-hầu có lòng trông nom cho nhiều lắm, ghi tạc không bao giờ dám quên. Còn việc này thì nhờ thầy kêu với ông cho tôi rằng: tôi xin từ-tạ.” Người dịch-mục không nghe, cứ để bọn lính đóng lại ở nhà ngoài. Nguyên mọi bận hễ tôi đi đâu thì lại đến mượn lính hầu của cậu Quận, còn các quan đến lấy thuốc thì ông nào cũng có cấp cho một hai tên lính tùy-hậu, được đến bảy tám tên, như: Thị-nội-tả-quân hai tên, Như-ơng-trung-quân một tên, Trung-kinh-quân một tên, Hậu-dũng-quân một tên, và Tiền-hùng-quân một tên, vân vân. Nhưng những bọn ấy nhiều kẻ lười biếng hay lẩn việc, duy năm người Tiền-dũng mới đến này biết sợ pháp-luật, công việc làm đều được như ý cả, tôi liệu chừng đó người cũng đủ sai khiến rồi, tôi mới gửi lời tạ các quan và cho những bọn lính trước về tất cả, chỉ lưu lại có một tên về Tiền-ninh-quân, một tên về Trung-kinh-quân và năm tên về Tiền-dũng quân là bọn lính sau, phát lương cho đủ mặt rồi, sai ở nhà dưới để làm việc.

Chương thứ IV. Hội tao-đàn lần thứ-nhất ở trong Kinh

Bấy giờ trong Kinh người ta nghe tiếng mà đến chơi với tôi nhiều lắm. Nguyên họ cử truyền-ngôn đi rằng: Tôi là một người mà đại-thần cử tri, Thánh-chỉ tuyên triệu, thì họ ngờ tôi có cái kỳ-tài gì ở nơi nham-huyệt; còn sự làm thuốc thì họ cho là cái nghề mọn có kể chi. Bởi thế các cậu tấn-thân-đệ-tử cùng các thầy nho-học-trung-nhân, ngày nào cũng rủ nhau từng bọn hỏi thăm đến chơi, người thì đàm-kim thuyết-cổ, kẻ thì luận lễ thấp cao trong y-đạo, thật là chè không vơi chén, khách vẫn đầy giường. Trong những khi đó tôi phải thù-tạc với đời rất là bận-bít. Có một hôm có bốn ông là: một quan Viên-hình Bật-trực, người An-toàn; một viên Giám-sinh tên là Hằng, người Nộn-liễu; hai anh em ruột quan Huấn-đạo, người Đông-điệp, một ông là Dự, một ông là Vụ; một thầy Giám-sinh nữa người Sơn-tây hiệu là Thanh-hồ; một thầy có chân hội Sơn-nam-thi-xã hiệu là Thúy-anh; cùng với mấy người dật-sĩ cùng đem đồ nhắm đến chỗ nhà trọ tôi giở ra các ông chén với nhau rồi hỏi tôi rằng: “Nghe Tiên-sinh đã thâm-minh về tính-mệnh-chi-học mà thơ lại có cái vẻ Lý Đổ phong-lưu, tất có nhiều bài hay; xin Tiên-sinh đừng tiếc lời vàng ngọc mà cho vãn-bối chúng tôi được ngó thấy cung-tường, nên chăng?” Tôi thưa rằng: “Thơ là để nói cái chí mình, chi phải hình ra thơ, túng-sử có trộm làm được một đôi bài vở nào thì cũng là lời thô nghĩa hủ cả, có đâu dám múa rìu qua trước mắt thợ, để các ngài cười.” Các ông ấy nói: “Tiên-sinh đừng nên quá khiêm, đạo-đồng ý-hợp với nhau, hà-tất phải kỳ nể.” Tôi bèn lấy bài thơ “Cảm hoài tự-tự ở dọc đường khi phụng chỉ phó Kinh” ra cho các ngài xem. Quan Viên-hình nói rằng: “Thơ này đậm mà có ý-vị, hòa mà kiêu, không nói chữ *quí* mà nói chữ *phú*, thật là ý tại ngôn-ngoại, mà nghe ra hàm-súc bất-tận.” Các thầy Giám-sinh nói: “Nhất mạch yên-hà khí-vị, thật là một bậc ân-giả.” Đến chiều tan tiệc đều về. Hôm sau mỗi ông cho một tên gia-đồng đem một phong thư lại, tôi bóc ra xem thì đều là những thơ họa lại, tôi chép đủ cả để làm lưu-chiếu như sau này. (Sau này những thơ họa, bài nào hay thì mới dịch cả toàn-đề, còn bài nào không được hay thì chỉ chọn lấy những câu nào sảo-khả mà dịch, để cho đủ số thơ của người họa mà thôi.)

1.– Lời dẫn và một bài thơ họa của quan Viên-hình (dịch 4 câu)

– Tiên-sinh vốn cửa trâm-anh, bỗng vào nơi lâm-toàn, đã bao niên-tuế, một người thức thời-vụ thế, tất có chỗ cao-trác hơn, nữa là lại tàng-tu du-lãm trong trời bể bấy lâu, thực là một bậc linh-tự sơn-đầu cho đời, vãn-bối tôi đâu kịp được. May nay được thừa-nhan tiếp chuyện, còn đượm mùi hương, vui mừng khôn xiết. Lại bấy lâu nổi tiếng cầm-đài (vì ông thấy tôi có cái đàn thất-huyền treo ở chỗ ngồi), cái phong-nhã khiến cho người ta cảnh-mộ mà không tự biết. Vậy xin nối điệu một bài như sau này, tiên-sinh dung-nạp cho là may.

Trút bỏ trâm-anh để luyện chân,
Cát vàng tuyết bạc phải đâu bần.
Một hòm quế-truật thu riêng vị,
Muôn trượng yên-hà rảnh chiếc thân.
Vãn-bối: Viên-hình Bật-trực bái-họa.

2.– Lời dẫn và một bài thơ họa của Giám-sinh-Hằng (dịch 4 câu)

– Quyển vàng lần giở chốn chi-đài, gió mát thoảng đưa ngày bán-hạ, ấy cái lạc-thú của ông là thế. Nay ông học càng cao, lại càng thêm cái chí cao-thượng, tôi may được hầu ông, ông cho xem một bài thơ thuật-hoài ở dọc đường của ông, kính đọc đôi ba lần, đủ hiểu cái lời cứng-cáp, cái cốt cao-siêu của ông. Nhưng tôi cũng hận cái hòn bạc-thạch, cái mây tử-hà ở chỗ cổ-sơn nó làm lưu-luyến cho ông vậy. Xin nối điệu phụng-họa như sau này:

.
... Cầm kỳ tục đoạn vui riêng thú,
Non nước thông-dong thỏa tấm-thân.
Những vị thâm linh trong tử sấn,
Nên đem điều-bổ giúp minh-quân.
Văn-bối: Nộn-liễu Lê-Hăng bái-thượng.

3.– Một bài thơ họa của quan Huấn-đạo anh (dịch hai câu)

.
... Bấy lâu rừng suối thanh nhàn,
Phút chốc kinh-kỳ đạo-đức thân.
Huấn-đạo Đình-Dự bái-họa.

4.– Một bài thơ họa của quan Huấn-đạo em (dịch 4 câu)

.
Thơm nức non Hương người mến cảnh,
Trong veo song nguyệt thú nhàn thân.
Cung-tinh lễ trọng không thường thấy,
Cầm-hạc vui riêng chẳng bán chân.
Huấn-đạo Đình-Vụ bái-họa.

5.– Một bài thơ họa của Giám-sinh Sơn-Tây (dịch 4 câu)

.
... Cổ-kim bát-trận tinh nhiều thể,
Thiên-địa tam-tài hộ một thân...
Nhấn bảo cụ Sào cùng cụ Hứa,
Tam-hoàng lại thấy thái-bình quân.
Sơn-tây Giám-sinh hiệu Thanh-hồ bái họa.

6.– Một bài thơ họa của một hội viên trong Cựu-thi-xã (dịch 4 câu)
(Lúc tôi còn nhỏ ở trong Kinh có kết với mười mấy người anh em bạn làm một thi-xã, nay trở lại thì vật đổi sao dời, chỉ còn vài người mà thôi).

.
Thăng luôn ải tía tha-hồ họ,

Thú mọn rừng xanh tự thích thân.
Trước sân phong-nguyệt người quen mặt,
Ngoài ngõ trần-ai khách mới chân.
Sơn-nam Đặng Huy-Trai đạo-hiệu Thúy-anh bái-họa.

Tôi xem khắp cả một lượt rồi tự nói rằng: “Ông Viên-hình này có cái phong-vị của nhà thi-gia; Nộn-liễu Giám-sinh với Sơn-tây Giám-sinh cùng hai quan Huấn thì ra cái khí-vị nhà nho, nhưng chưa thoát tục. Còn thơ của Thúy-anh thì bông-lông buồn cười quá, những cũng chép cả lại để xem cho vui.” Từ đó trở đi không ngờ cái bài thơ “Phụng chiếu đi đường tự-thuật” của tôi, họ sao truyền mãi đi, có khi ba ngày lại có một người đưa thơ họa đến, nhiều người không từng quen biết bao giờ cũng có thơ đưa đến họa, kể được nhiều lắm, nhưng chỉ chọn những bài kha-khá ghi lại mà thôi.

7.– Một bài thơ họa của quan huyện Cẩm-giàng (ông này là con quan Tả-binh Mai Sĩ-Uông đã về trí-sĩ) (dịch 4 câu)

... Chẳng có công-danh gì giúp thế,
Thà đem đạo-đức để yên thân.
... Bể đông quanh-quất, từng quen tiếng,
Song bắc thanh-nhàn tạm gác chân...
Vãn-sinh: Lan-nghị Ái-Liên-tử bái-cảo.

8.– Một bài thơ họa của Nam-sơn Giám-sinh (dịch 4 câu)

Thánh hiền Hiên Biển chung đồng đạo,
Bờ cõi Đường Ngu hệ một thân...
Lang-miếu giang-hồ tùy gặp-gỡ,
Giúp ngô-dân cũng giúp ngô-quân.
Vãn-sinh: Liên-đỉnh-tử Trần Nguyễn-Thuyên bái-cảo.

9.– Một bài thơ họa của quan cựu Thiêm-binh (dịch 4 câu)

Rồng may gặp-gỡ nay vừa hội,
Vũ tắc hiền-thần Thuấn thánh-quân.
Thiên-phúc-thị Thuật-traï bái-cảo.

10.– Lời dẫn và một bài thơ họa của quan Huấn-đạo phủ Tam-đới (dịch 4 câu)

– Bữa nọ, nhân đi thăm bạn, may được thừa-nhan, kính hỏi ra thì Ngài là một bậc trâm-anh hoa-trụ, toàn-thạch tiên-ông, trong nhà luyện linh-đan mà động đến cung-tinh xuống triệu; lại được xem một bài thơ dọc đường, không những cái thanh-phong cao-trí, đáng thán-tưởng thay cho thế-đạo, mà lời thơ lại đậm mà ý-vị, thật mà văn-hoa, thực là những bậc tao-ông trong rừng hàn-mặc cũng ít theo được. <https://thuyensach.vn>

vô-cùng, kính theo nguyên-vận một bài, gọi là múa rìu trước mắt thợ để bày cười vậy.

Hồi xuân non nước bưng đôi mắt,
Thợ thế sâm kỳ nặng một thân...

Văn-bối: Huấn-đạo phủ Tam-đới, Thìn, , bái-họa.

11.– Lời dẫn và một bài thơ họa của một người làng Thổ-khối (dịch 4 câu)

– Khách tôi một buổi sáng kia được đọc trộm đôi lời vàng ngọc, cũng đủ hiểu cái phong-vận rồi, hà-tất phải trông thấy người mới biết được cái cao-trí. Ôi! tuy thế nhưng chưa được mừng mặt một lần thì vẫn ân-hận là tạo-vật vô-tình vậy. Dù thế mặc lòng, chưa tiếp dong-quang mà trộm nghe tiếng ngọc thì cũng là may rồi, bởi cái tính ái-tài mà bất-giác càng thêm yêu mến. Vậy kính theo nguyên-vận nối một bài để tán-dương, vẫn biết âm-vận thô-quê, không đủ sánh với những khúc ngọc-hồ xuân-họa, mà tấm thành tưởng-vọng đến bao giờ không thể nín yên đi được. Cho nên không kịp so hay dở, xin Ngài xem đến lấy tình mà chiếu-tình cho, chớ đừng lấy cái sự công-chuyết trong thơ mà phụ lòng mới phải.

Con mắt anh-hùng nhận đã chân.

Như ngài vui đạo há lo bần.

Thừa nhỏ Hiên-Kỳ đà quyết chí.

Ngày nay triều xã đáng nên thân...

Thổ-khối, Tồn-khiêm-tử ảnh họa.

12.– Lời dẫn và một bài thơ họa của quan Vĩnh-ninh-châu (dịch 4 câu)

(Tôi có soạn 3 quyển sách “*Châu-ngọc cách-ngôn*”, không biết ai đưa cho ông này mà ông ấy đã kể ra ở trong lời dẫn này).

– Từ được đọc trộm sách “*Châu-ngọc cách-ngôn*”, bấy lâu vẫn thần đạo trên tờ giấy mà cảnh-ngưỡng là đường nào! Tự thẹn cái thân làm tôi-tớ cái hình, nên chưa được thừa-nhan, chỉ xa nghe đôi lời giáo-ích ở ngoài cho thư cái tình nhớ mến. Vậy gọi có mấy lời quê-kệch để tỏ nỗi lòng, nếu ngài hạ-cố mà dạy bảo cho thì may lắm.

Tùng trưa trúc sớm là xong việc,

Gió mát trăng trong tự-thích thân.

Mấy lời chân-ngọc còn ghi sách,

Một cửa Biên Kỳ sớm nhẹ chân.

Ninh-dương-phiên, Lương-nhụ bái-thư.

13.– Một hôm thị-nội Tả-quan thoái triều về, ra nhà trọ tôi chơi nói chuyện. Ông bảo tôi rằng “Cụ mức tiếng ở trong kinh-kỳ này, không những người xin thuốc, kẻ chữa bệnh, đến những hạng danh-gia tử-đệ cũng đều tưởng mến cao-phong của cụ, còn nhiều người mộ mà muốn đến hầu. Bữa nọ ở trong dinh quan Tiền-hùng tả-quân có thấy nói bài thuốc của cụ, ai xem lấy làm hay, tôi tuy là vũ-nhân bất-học, cũng biết lấy làm thích, vậy xin họa một bài bày cười cho vui”. (dịch 4 câu)

Phú dữ từ xưa vẫn tính chân,
Chứa-chan đạo-nghĩa phải chi bần,
Bầu trời cười-cợt thư đôi mắt,
Lũ trẻ an-nguy hệ một thân.
Hàm-xuyên-hầu báii-họa.

Tôi đọc đi đọc lại mãi rồi nói rằng “Không ngờ thơ của quân-hầu sâu diệu đến thế này, tôi từ nay biết thêm ra một cái phép làm thơ”. Còn đang cười nói với nhau, bỗng thấy quan Hùng-tả-quân đẩy cửa vào, vừa cười vừa nói rằng: “Hai ngài đang cao-ngâm lãng-tụng, thực thú lắm nhỉ! Tôi cũng có một bài thơ-chuyết xin đem đến hiến-tiểu đây.” Bèn rút ở trong tay áo ra, Hàm-xuyên-hầu nâng lấy xem trước. Nguyên Hùng-tả-quân là con nuôi Ngô Hoàng-giáp người Lai-thạch làm Thự-trấn Lạng-sơn mới qua đời, trước Hùng-tả-quân đã đi thi được cử làm Giám-sinh trường Quốc-tử, sau có việc “trần-ngôn” được xứng-chỉ, đặc-ban cho chức Hùng-tả-quân. Khi còn ở Hoan-châu ông có lai-vãng thư-trát với tôi mấy lần mà chưa tiếp nhau bao giờ. Lúc tôi tới Kinh, ông đã tìm đến thăm, nhưng vì có công-sự lại phải đi xa, nên nay mới đến chơi được. Hàm-xuyên-hầu xem xong khen nức-nở mãi, tôi lại nâng lấy mà xem, thấy lời dẫn với thơ mà giật mình lên nói rằng: “Ông xem thấy bài thơ tôi ở đâu?” Hùng-tả-quân cười mà rằng: “Tiếng tôn-thúc lừng-lẫy cả trong triều ngoài nội mà bài thơ ấy đến đưa cho trẻ con trong Kinh này nó cũng thuộc nữa là tôi.” Vì tôi với tiền Hoàng-giáp là chỗ thế-giao, ông xưng tôi là thúc. Tôi cười rằng: “Người này vẫn có tiếng hay thơ cho nên lời lẽ thanh-tân, thật là thi-gia phong-vị.” Sau khi câu chuyện vãn, ấm trà tàn, lò hương vừa nguội, tiệc khách hồ tan, nhân chép lại để ghi cuộc giai-thăng như sau này:

14.– Lời dẫn và một bài thơ của Hùng-tả-quân dịch cả bài

– Kể từ bên sông chia rẽ, chốc ngoai hai-mười năm trời, hạp mặt dải lòng, những mong chữa phi, bấy nay lật-đật, luống những mển trông, vậy xin kính theo nguyên-vận:

Từ nhỏ thân-giao ý-khí chân,
Mà nay đồng-bệnh lại đồng-bần¹.
Chút lòng lười nợ ã quen nết,
Cái bánh vẽ kia lỡ đến thân.
Bay cao nghìn nhận ông là phượng,
Theo hút trăm quan chán chặm chân.
Bao giờ về chốn Hương sơn cũ,
Hôm sớm cùng nhau chúc thánh-quân.
Người ngày nợ, Song-nam Giai-đình Nguyễn Ngô-Đặng Vu-ngạn báii-cảo.

Chương thứ V. Cảnh lũ-huống ở trong Kinh (Tiếp chương thứ III)

Một hôm có một người ở trong nhà quê Hương-sơn, hiện đang làm quan Huấn-đạo huyện Hà-hoa, đến chơi cáo-biệt với tôi để về trong quê nhà, tôi nhân tiện gửi ông đem về hộ một phong thư và mấy thức quà đồ kinh-đô. Ông lại nói với tôi rằng ông làm một chức quan nhỏ ở Kinh, tháng ngày lận-đận, mà lúc về không còn một đồng dính túi, hỏi vay tôi, tôi cho vay vài chục quan tiền, ông mừng lắm, tạ tôi ra đi. Đêm hôm ấy, tôi ngồi một mình, buồn tênh nói sao cho xiết, nhân sực nhớ đến vầng minh-nguyệt đang chiếu dọi trước song ở chốn cố-sơn, mà mối cảm-tình lại càng thêm lai-láng khôn hàn. Đêm đã khuya, mới lừng mới nằm ngủ xuống ở chỗ trong cửa sổ, nhưng cái sầu-hồn kia vẫn quanh-quẩn đâu bên gối mà không sao ngủ được. Bỗng nghe tiếng chim vừa bay vừa kêu ở trên không, giật mình tỉnh dậy, thì một ngọn đèn tàn vẫn còn lờ-mờ trên vách, bấy giờ mới gọi tên đồng ôm cây đàn đến, tôi lên dây rồi gảy một hồi lâu, thời nghe ra những tiếng thê-lương rầu-rĩ, thì lại thôi. Lại sai đồng đi quạt nước pha trà, uống được vài chén, thấy nhạt-nhèo vô-vị thì lại bỏ mà ra đi tản-bộ trước sân, cố gượng ngâm một đôi câu để mình lại tự-úy lấy cho mình. Thơ như sau này:

Bài thứ nhất:

Tỉnh ra vẫn chữa lại quên mình,
Kìa lại vầng trăng mọc trước màn.
Chim lạc canh khuya kêu nháo-nhác,
Hồ thu nước phẳng ánh long-lanh.
Mộng thường chơi nhỡn nơi sơn-thứ,
Thân vẫn y-nhiên chốn đế-thành.
Ai có kể gì ngu với trí,
Sao mình cứ giữ cái hư danh?

Bài thứ hai:

Có đêm ngồi ngẩn suốt canh thâu,
Văng-vẳng bên trời nhận gọi nhau.
Hồ trong vầng nguyệt in sâu xuống.
Cây cối bông hoa gượng lấy màu.

Uống cạn ấm trà thơ vẫn sấp,
Gảy xong đàn sắt² tứ thêm sầu.
Đêm đang vắng-vặc trăng sao sáng,
Gáy hoảng gà nào bỗng giục mau.

Một đêm kia, đã canh hai, tôi vừa đi nằm, thấy tên lính hầu vào báo rằng: “Ngoài cửa đi vào có hai cái đèn lồng dẫn một cái võng trần sang-trọng lắm, không biết là ông nào.” Tôi vội dậy ra đứng đợi thì thấy Quận-hầu vào, tôi giật mình vội mời ngồi mà hỏi: “Đêm hôm Quận-hầu đến chơi tất có việc gì?” Quận-hầu nói: “Thừa mệnh gia-quân cho tôi đến hỏi cụ một vị thuốc, vì ban ngày có người đệ khai tiến một bài thuốc, trong có kê một vị Thần-thảo, không biết khí-vị thế nào, đã tra khắp các sách bản-thảo cũng không thấy, nên cho tôi đến hỏi cụ để biết cách về mà bào-chế.” Tôi bèn lấy giấy bút viết tinh-tường, rồi đưa cho Quận-hầu, Quận-hầu cầm giấy không kịp uống nước mà cáo biệt ra về. Tôi nhân tự nghĩ rằng: “Từ khi mình lại Kinh tới giờ, lần nào vào yết quan Chánh-đường ông cũng lấy lễ trọng-đãi mình, nay hỏi một vị thuốc là cái việc tầm-thường mà ông bắt con kính-cần như thế, thời cái qui-kỳ của mình chưa biết đến bao giờ mà đoán được.” Tôi bèn đem hai bài thơ của tôi mới làm đưa đến để Quận-hầu xem mà biết cho cái tình lữ-tứ hương-hoài của tôi, may có đạo-đạt được đến cho tôi chẳng, vì từ bữa tôi được phép ra trọ ngoài đãi-mệnh, thời thường-thường nhờ Quận-hầu nói với quan Chánh-đường cho. Quận-hầu cũng cố sức trăm phương nghìn kế để cứu-giải cho mà không được. Nay Quận-hầu mới nhận đem bài thơ của tôi mà tiến trình quan-lớn và lại cố kêu cho lần nữa. Nhưng ông cầm thơ, phản-phức xem mãi rồi chỉ tùm-tùm mà thôi. Bấy giờ đã đến tháng năm, nhà tôi có ngày dỡ gia-tiên, tôi làm khai xin phép về cố-hương, mà thế nào cũng không được, bởi vì lúc đó tuy không dùng bài thuốc của tôi, nhưng có dùng bài thuốc nào cũng giao cho tôi xem xét, mà độ này bệnh Thế-tử đang kịch, tôi biết không li-ngụ đi đâu được, mới sắm-sửa hương-đăng đặt bàn để cúng ở nơi ngụ-sở.

Một bữa kia có một bà Quận-chủ bị bệnh lậu-thai, chồng bà là Phù-mã Cung con Quan Quận-công người đồng-huyện với tôi, cho người mời tôi và kể cả cái tình lân-lý. Tôi qua xem mạch xong thì ý muốn giữ tôi ở lại vài ngày, để điều-hộ cho. Tôi cáo có lời quan Chánh-đường dặn không được li-ngụ, còn phải đợi Thánh-chỉ tuyên-triệu. Bà không nói lại gì sốt cả. Hay đâu Quận-chủ đã sai thềm một con thị-tù chạy ù kêu trong phủ xin phép lưu tôi lại để chữa bệnh cho bà, ngự-phán rằng: “Người ấy già, yếu không dùng được.” Bèn sai ông Tán là chức Hữu-viện thủ-phiên đến. Phù-mã nói thực việc ấy với tôi, mới biết là quan Chánh-đường đã tấu đạt cái ý mình lên rồi, nhưng chỉ vì ông người vốn lắm bệnh không muốn cho mình về, nên mượn việc công mà giữ lại. Tôi mới đến nhà Quận-hầu mà nói rõ việc ấy. Quận-hầu nói: “Gia-quân tôi vốn lấy một lòng thành mà đãi người, thấy cụ thì mười phần kính yêu, mà không muốn xa nhau đó thôi, chứ không có ý gì cả, cụ nay đã không có bụng ở, thì lẽ nào mà chả nghe. Những bài thơ cụ mới làm hôm nọ, tuy gia-quân tôi không nói rõ, nhưng cũng ý ta-thán ngậm trong bụng rồi, thì cái kế qui-sơn của cụ, chắc nhất-định là xong.” Tôi mừng mà tự-thán rằng: “Cổ nhân ngâm thơ mà kinh-động được cả quỷ-thần, bây giờ thơ của tôi cũng cảm được đấng vương hầu, thời ra thơ có ích thực, chứ không sai.” Tôi lại đọc một bài thơ “Nhà trọ đêm mưa cảm-hoài” với một bài “Thấy trăng nhớ nhà”, mà tôi với ông bạn tôi là viên-hình-quan đã cùng nhau làm ra để Quận-hầu nghe. Hai người vừa ngâm thơ vừa đều nói chí riêng của mình, trong có thể nào tất hình ra ngoài như vậy. Lúc đó tôi như đờ đẫn đờ đại, thời thế nào mà Quận-hầu không phải thương đến tình tôi. Hai bài thơ rằng:

1.- Nhà trọ đêm mưa cảm-hoài

Mưa dồn gió đập bất thành-linh,
Quán khách càng thêm bối-rối tình.
Ngoài dãy cây xa mây kín mít,
Trước hồ sóng gợn nước long lanh.
Tổ nọ chim về vừa chập tối,
Chùa nào chuông đã báo tàn-canh.
Nào phải uống trà mà tỉnh ngủ,
Đêm nay vẫn biết mộng không thành.

2.- Thấy trăng nhớ nhà

Trăng kia nhận đích của Hương-san,
Sao bỗng đêm đêm chiếu đế-nhang.
Tựa lầu đàn hát đang say tít,
Kề nước đình-đài tự sáng choang
Chỉ biết mát thêm người giữa tiệc,
Nào hay sông lã khách trong hàng.
Di-chân đường ví đêm nay họp,
Tiếng oán đừng nên phả khúc đàn.

Quận-hầu hỏi: “Di-chân-đường là ở đâu?” Tôi nói: “Là một cái nhà của tôi làm vào nơi cây-cối tùm-bum mát-mẻ lã. Khi nào trời sáng trăng, cho gọi con cháu đến đây uống rượu bày vui. “Quận-hầu cười rằng: “Cổ-nhân có người nhớ mùi thuần-hức mà bỏ quan về, nay cái thanh-dật lạc-thú của cụ lại còn bằng mấy mươi thuần-hức, thảo nào mà chả khoái-khoắc chỉ muốn về.” Lại nói: “Cụ về viết tình-tả hai bài thơ ấy ra rồi cho gia-đồng đưa đến đây để tôi xem lúc nào tiện dịp, thì tôi sẽ đệ-trình cho.” Tôi tạ từ ra về nhà trọ, vội-vàng lấy bút giấy viết xong hai bài thơ liền đưa gia-đồng đem đến nộp ông Quận-hầu.

Chương thứ VI. Hội tao-đàn ở trong Kinh lần thứ hai

Nói về một ông anh ruột tôi, làm trấn-thủ Lạng-sơn, một ông em đường-đệ thì làm Đốc-đồng cùng tỉnh ấy, hai ông hẹn với tôi cùng hội nhau ở quê nhà mà mãi không thấy tôi về, nhưng hai ông còn phải ở nhà chữa lại cái nhà thờ, nên nay mới lại Kinh thăm tôi, lại hôm ấy người cháu gọi tôi bằng ông cùng bằng chú bác họ cũng theo đến chơi với tôi, ông anh tôi trông thấy trên án có một chồng thi-tập, ông giở ra xem với ông Đốc-đồng suốt mấy giờ rồi nói rằng: “Thực là một hảo-hội đây, có lẽ chúng ta lại chịu nín im hay sao?” Bấy giờ những cậu con cháu ai nấy đều xin họa, rồi lui về nhà trọ cả, vài hôm sau đóng thành một tập thi-cảo đưa lại, tôi xem lâu lắm, lấy làm mừng rỡ quá chừng. Bèn chép lại để ghi nhớ về sau này.

15.– Một bài thơ họa của quan Trần-thủ Lạng-sơn (dịch 4 câu)

Nước mây vui thú cần chi tiếng,
Chi truyệt cung nhàn rảnh lấy râu.
Vẻ-vang khô-cốc vàng tờ chiếu,
Quen-thuộc giang sơn nhận lột chân...
Ngân-hồ cư sĩ họa.

16.– Một bài thơ họa của quan Đốc-đồng Lạng-sơn (dịch 4 câu)

Duyên-hống đau thiêng nhà sẵn thuốc,
Suối rừng cảnh vắng thú nhàn thân.
Tiếng nước một vùng may-mắn dịp,
Bạc mừng muôn dặm đón đưa chân...
Đường-đệ Hào-khê cung họa-bái.

17.– Một bài thơ họa của quan Viên-hình (dịch 6 câu)

[]

Ở trên chiếu mệnh thớm-tho cỏ,
Bước cũ giang-sơn rức-rỡ thân.
Bác thời phóng-lăn mà nên việc,
Em vốn sơ-cuồng chịu lỗ chân.
Đồng-bệnh muốn theo người họa trước,
Nhưng tài em kém Nguyễn-ngô-quân.
Đệ Viên-bình Lê Đạm-Như bái-thượng.

18.– Một bài thơ họa của cậu Công-tử Mười là đường-đệ (dịch 4 câu)

[][]

Bầu Biển níp Hòa đà thuộc ngón,
Đơn Y vạc Lã sẵn tùy thân.
Đãi-trân vua trọng đôi hàng chiếu,
Y-quốc người mong một bước chân.
Ngọc-hồ cư-sĩ bái thượng.

19.– Lời dẫn và một bài thơ họa của quan huyện Ngự-thiên (dịch 4 câu)

- Phong-cảnh, Hoan-châu, nhiều nơi đẹp lạ, ngô-bá bốc-cư ở ấp Tinh-diễm, núi Hương-sơn, lấy nghề y để độ người, ẩn ở nghề đó cho được di-nhàn tính-mệnh, mà nơi rừng suối cũng thêm vẻ phong-quang, nay ngô-bá qua đây, nào tinh phần-tử, nào hội tân-băng, tưởng chỗ lâm-bác kia cũng không có thể cầm giữ lại được. Thánh-đức đã ban ơn bao-tướng thời cái qui-kỳ mà an-dưỡng chốn cố-sơn kia sẽ tới. Cháu đây xa nhậm một nơi ấp nhỏ, bữa nọ sẩy bị một chứng bệnh, nhờ ngô-bá cho bài linh-đan, thời được khỏi ngay, cháu lấy làm hân-hạnh không biết là chừng nào, vậy xin họa bài thơ làm dọc đường khi bị triệu, ngô-bá giáo-chính lại cho, cháu xin cảm ơn khôn xiết.

Sương tuyết sắc pha đôi mái tóc,
Rồng mây chiến giục dậm nghìn thân.
Ông chủ Hương-sơn lừng-lẫy tiếng,
Thầy lang Kinh-quốc nhẹ-nhàng chân.
Tiểu-điệt, Tri-Ngự-thiên Doãn Lê-thị Kính-chi bái-cụ.

20.– Một bài thơ họa của Giám-sinh họ Trần là cháu ngoại-sanh (dịch 4 câu)

Cỏ hoa đan-díu từ bao thừa,
Đạo-nghĩa đa-mang với một thân.
So bạn tấm-thân người khác vẻ,
Nhớ miền hoa-hạ hạc dừng chân.
Thượng-đường-sĩ bái-họa nguyên-vận.

Nói về vợ Quận-hầu có bệnh, mời tôi coi mạch, tôi đoán là có "nam-thai" đã ba tháng, tôi bốc cho vài chén thì yên: từ đó cả một môn nhà quan Chánh-đường ai cũng đều lấy thuốc của tôi. Trong bọn đó có quan Thự-trấn Quảng-yên là người tình-nghĩa rất thân với tôi, bà mẫu ông với người em gái có bệnh, tôi hết lòng điều-trị đều được khang-an cả. Còn các quan quân như là Tiền-ninh , Hậu-dũng , Nhương-trung đều đi lại quen biết thường xin thuốc-men, song đó là chuyện thường thôi, chẳng kể.

Có một hôm tôi hỏi Quận-hầu rằng: "Ngày hôm nào tôi được về?" Quận hầu nói: "Đã sắp có cơ rồi". Tôi lại hỏi: "Hai bài thơ trước đệ-trình lên, Tôn-ý có thương đến không?" Quận-hầu nói: "Già-quan tới xem đi

xem lại hai ba lần rồi khen mãi mà rằng: "Ý-thú ông này thực không phụ với cái cự-ước chỗ lâm-toàn, thời không nên ép tình người ta nữa, ta sẽ liệu cho." Tôi nghe nói như người được của, nở mặt nở mày, bèn ngồi pha nước đối-ẩm với ông Quận-hầu. Chợt thấy một người áo-mũ chững-chạc vào đứng ở bên tôi và nhìn tôi trừng-trừng, Quận-hầu cả cười, lấy tay trở hăn, lại trở tôi rồi, lại trở vào mồm, hăn cũng lấy tay trở tôi rồi giơ tay lên trán, lại lấy tay vẫy vẫy như chim bay, hai chân nhấc lên nhấc xuống như chạy ngựa, tôi giật mình hỏi: "Làm sao người này chẳng khác như si như ngốc là có gì?" Quận-hầu nói: "Nó cầm đũa, sấm đánh cũng không biết, không nói được tiếng nào, không biết một chữ gì, mà sao nó lại biết có triệu-mệnh mà đến đây?" Tôi hỏi: "Tay chân hăn giơ-giang thế là làm sao?" Quận-hầu nói: "Nó giơ tay lên trán là chỉ về vua, trở vào mồm là có chỉ triệu, tay vẫy là gọi đến, chân nhấc là đi." Tôi nghe cũng bật buồn cười, bấy giờ có ông quan huyện Cấm-giảng cũ cũng ngồi ở đấy. Quận-hầu bảo ông cùng làm một bài thơ với tôi để ký-dị, lúc đó tôi nhân đang hớn-hở vui mừng không kịp nghĩ-ngợi mà làm ngay một bài rằng:

Trời phú cho ai cũng vẹn tuyền,
Người này chịu thiệt lẽ khôn bàn.
Phép học Hàn-hầu cho dưỡng thọ,
Trung so Dự-Nhượng lại bền gan.
Lôi-đình chẳng chuyển lòng son sắt,
Phi thị không lay dạ đá vàng.
Việc đời qua trải đôi con mắt,
Chỉ trở trên tay chẳng hờ-hang.
Ông Cấm-giảng xem thơ mà rằng:

"Thi -tài của cụ nhanh chóng quá, không ai theo kịp, tôi đâu dám múa rìu để bày trò nữa." Quận-hầu cũng lặng yên rồi các ông chỉ khen ngợi mà thôi. Một lát thấy tên gia-đồng của tôi đến nói nhỏ rằng: "Có một ông nói là Tri-phủ với hơn mười người bộc-tòng đi theo, đến đợi ở nhà trọ đã lâu". Tôi bèn cáo biệt. Lúc mới trông chưa hiểu là ai, lâu rồi mới nhận ra là người cố-nhân của tôi, dắt tay vào cùng ngồi, chúng tôi cùng giải tình cách-trở nhớ mong nhau; ông nói ông có một bệnh đã lâu, cần đến xin thuốc, tôi hỏi tường-tận rồi bốc cho mấy thang và nói rằng: "Bệnh này còn dở chứng, thử uống mấy chén này xem giảm được thế nào rồi sẽ điều-bổ sau." Tiểu-đàm cùng khoản-đãi mãi đến chiều hôm ông mới về. Nguyên ông là một người cậu họ vợ tôi, người Nguyễn-xá, huyện Hoài-an, đang làm Tri-phủ phủ Tiên-hưng, tôi với ông rất là kính yêu nhau từ khi bình-tích. Mấy hôm sau ông cho người nhà đem một bài thơ đoán-luật đến và nói "Uống hết mấy chén thuốc ấy thì các chứng mười phần đã khỏi tám chín, chỉ còn chưa ăn được, xin cho thuốc kế-phục." Tôi bèn kê cho một đơn: "Cao hoàn chế pháp . Thơ của ông như sau này:

Ba chục năm xưa nghĩa cũ-càng,
Bấy chầy xa cách những mơ màng,
Vương-kỳ nay bỗng lừng danh tiếng,
"Phản-lão" may nhờ giúp một phương.

Một hôm thấy có hai người lính đến nhà ngoài chỗ trọ tôi hỏi những người lính hầu của tôi rằng: "Có biết cụ lang trong Nghệ, phụng-chỉ lai-kinh trọ ở đâu không?" Tôi nghe tiếng cho gọi vào hỏi lính ở đâu, hỏi ông lang ấy làm gì? Hai người lính ấy nói: Chúng tôi là lính Cấm-y-vệ thừa-lệnh quan tôi cho đi hỏi thăm xem ông cụ ấy trọ ở đâu. Chưa biết định xin thuốc hay là mời." Tôi cười rằng: "Ông lang là tôi đây, không biết quan-lớn về đây đã mấy hôm?" Hai người nói: "Đã năm hôm nay." Tôi nói: "Các ông về bẩm với quan-lớn rằng: ông lang ấy mời quan-lớn đến đây chơi ngay." Hai người lính vâng lời đi về. Vốn ông quan ấy là người bạn tâm-hữu lúc thiếu-thời của tôi, tương-biệt nhau đã ba mươi năm nay, chưa gặp lần nào; lúc tôi về đến Kinh, đã cho đi hỏi thăm ngay, nhưng ông có công-sự phải đi nơi khác, chưa hỏi được, nay ông về Kinh nghe tin tôi mới cho đi hỏi khắp cả.

Những người lính đi không được bao lâu quả thấy ông quan ấy đến, tôi ra cửa đón, dắt tay cùng vào, ông hơn tôi một tuổi, tuy tóc thì nửa đen nửa trắng, răng rụng hết cả mà thần-khí vẫn sáng-nhiên, chúng tôi ngồi với nhau cùng kể-lẽ hàn-huyên, mừng-mừng tủi-tủi biết bao là tình, sự đó bất-tất phải nói nữa. Lại hỏi thăm tất cả những việc ngày xưa thì mười phần đã vật đổi sao dời đến tám chín phần rồi; cổ nhân có câu:

Anh-hùng chẳng sá biệt ly,
Nghĩ người còn khuất lệ kia khôn cầm.
mà xụt-xùi thê-thảm biết là đường nào!

Tôi mới đem thơ vịnh ở dọc đường, với các bài thơ họa của tân-bảng ra để ông với tôi cùng bình-duyet cho đỡ buồn. Đêm hôm ấy một ngọn đèn mờ, vài chén trà loãng, cùng nhau bàn-luận cổ-kim, mãi đến gà gáy mới chợp mắt. Sáng sớm ông dậy nói: "Quan-quân của bản-vệ tôi, có sự lệ phải vào thị-triều." Rồi cáo-biệt ra đi, đến chiều hôm thấy ông cho người đem đến biểu cổ với một lá thư. Tôi mở ra thì là bài thơ họa bài "phó-kinh" như sau này:

Trót lười trễ giữ chút thiên-chân,
Chẳng kể chi chi sự phú bần.
Rừng sâu cụ Hứa càng kiên chí,
Chiếu giục thầy Nghiêm tạm khuất thân.
Bây hươu dan-díu ghi tình bạn,
Đám-lợi thờ-ơ lánh gót trần.
Thần-hạ khôn đem bày tặc dạ,
Hành-tòng xin đội đức minh-quân.

Từ đó khi ông lại chơi nhà trọ tôi, lúc tôi đến chơi dinh ông, cùng là người trong hai nhà đi lại biểu-xén đồ ăn đồ uống lẫn nhau luôn-luôn, bất-tất phải kể.

Chương thứ VII. Các công-khanh mời đi chữa thuốc

Có một hôm sáng sớm thấy quan huyện Cầm-giàng đưa bọn tùng-nhân đến nhà trọ tôi, nói rằng: "Có Vi-khiêm-công người Hoan-châu, làm quan Hiến-sứ Kinh-bắc ; nhân hồi-kinh nghe thấy tiếng ngài, muốn đến hầu ngài ở đây, nhưng sự phiền quấy nơi lữ-thứ, nên cho tôi đưa tùng-nhân đến để mời ngài và có một bài thơ cổ-thể xin đệ-trình ngài." Thơ rằng:

Lương-y với lương-tướng,
Hỗ dễ ai hơn ai?
Tình cũ tôi mời bác,
Hẹn này bác chớ sai.
Chuyết-ông là thẳng tôi,
Then hoa khép cửa sài.
Lãn-ông là quan bác,
Xe mây nhẹ gót hài.
Chuyết này được tiếp Lãn,
Mới biết là "an-bài".

Giang-sơn Chuyết-ông Đường-biên Hiếu-đức-thị báí-thượng.

Quan Cầm-giàng lại nói: "Quan tôi có lời nói xin ngài nghĩ tình đồng-quận mà đến chơi, đừng ngại." Tôi nói: "Quan-lớn là người đồng-quận với tôi, chỗ ở không xa gì, nhưng không có dịp nào mà đến yết-kiến ngài, nay ngài đã hạ-cố, tôi xin vâng". Bèn cùng với ông Cầm-giàng ra đi, mới đến cửa đã thấy ông đứng chấp tay ở trước sân nghênh-tiếp, tôi vội-vàng xuống võng, lom-khom đi vào, ông ngồi chủ-tịch, tôi với ông Cầm-giàng ngồi hồi-tọa hai bên tả-hữu. Ông nói: "Tôi có một bệnh cố-tật, chữa khắp các thầy không khỏi, tuy tôi với cụ thì ở đồng-quận, vẫn biết đại-danh, nhưng vô-duyên không được tiếp, hay đâu trời cho phương-tiện, được gặp nhau ở đây, chả phải là một miếng ăn miếng uống cũng đều có an-bài cả dư!" Tôi nói: "Kẻ ngu-dong nơi sơn-dã, gọi là biết chút tiện-kĩ này, đâu dám đương những lời thịnh-từ như vậy." Một lát rồi nhà bếp bưng cơm, nhà chè pha nước, rất là sang-trọng, tiệc rồi mới xem mạch mà đoán chứng, may được đúng cả; ông ta-thán rằng: "Thật là danh-hạ bất-hư, mà hận mình tương-kiến muộn quá!" Rồi hỏi xin thuốc, tôi nói: "Lập phương thuốc phải nghĩ cho thật kĩ mới được ổn-đáng, nay đang lúc ngồi chơi hấp-tấp, vậy xin để sáng mai sẽ đệ-trình." Ông Cầm-giàng nói: "Hôm nọ tôi đến lấy thuốc, cụ xem mạch hai ba lần rồi mới bốc, cẩn-thận như thế, không trách thuốc hay là phải." Bỗng đâu có Đổ Hoàng-giáp đến, chúng tôi đều đứng dậy chào và mời vào cùng tiệc. Đổ Hoàng-giáp hỏi quan Hiến-sứ rằng: "Ông này là ai?" Quan Hiến-sứ nói đùa rằng: "Hương-sơn ẩn-giả là ông này đấy." Đổ Hoàng-giáp cười mà rằng: "Ông Hải-thượng Lãn-ông đấy à?" Quan Hiến-sứ nói: "Phải." Đổ Hoàng-giáp nói: "Tôi vẫn nghe thấy tiếng ngài, chưa được tiếp lần nào, nay nhân tôi bỗng bị một nguy-chứng, muốn cho người đến mời lại sợ cụ không chịu đi xa, còn đang nghĩ-ngợi, may hạnh-ngộ cụ ở đây, nhờ cụ xin kê cho một bài thuốc điều-bổ" Tôi nói: "Thầy thuốc là kẻ giữ nhân-mệnh cho người ta, cần-lao là việc trong phận-sự, không thể từ chối được, nữa là lại dám lười-biếng trễ nhác hay sao." Đổ Hoàng-giáp bèn kể đầu đuôi, tôi cho hai đơn thuốc vừa tháng

vừa hoàn. Ông Cấm-giàng cũng mời tôi rằng: "Gia-nghiêm tôi cũng có một chứng bệnh đã lâu, vẫn không dám quấy-quả cụ, nay nhân nhà tôi ở liền bên tả đây, xin mời cụ hạ cố-sang chơi cho tôi được cảm ơn cụ." Đoạn, đều cáo-từ trở ra, tôi sang nhà ông Cấm-giáng vào xem mạch cho ông thân-sinh ra ông là Tả-binh-quan Sĩ-đoan, lúc ấy đã trí-sĩ, còn lưu lại ở trong Kinh; xem mạch xong, các cậu công-tử mời tôi ra chơi nhà thủy-tạ bên bờ hồ uống nước nói chuyện, tôi trông ra thấy một cái bình-hồ ước một nghìn mẫu trở lại, những thủy-điểu đang bay nhẩy rập-rờn trên mặt sóng, những du-ngư thì tranh nhau đớp cái lá rụng xuống dưới nước, bổi tần bên bãi, gió thoảng đưa hương, bông hoa nở lác-đác suốt ngày đêm; trước hồ trông ra, đắp một cái đê hình bán-nguyệt, trong đê thả tinh một giống sen trắng, bên đê thì cổ-thụ rườm-rà, hoa thơm sặc-sỡ, trước sân nhà thủy-tạ; mấy cây lão-mai ngả-nghiêng bên sập đá, ngoài cửa sổ mấy hàng lục-trúc, bóng rợp vào cả trong nhà; bên án-sách, con dã-hạc độc-lập co-ro; trăm hoa hình như đối nhau nói chuyện, càng ngắm càng xinh, nói không sao hết cái thú u-nhàn phong-vị chỗ ấy; bấy giờ các cậu công-tử đều mời tôi làm thơ. Tôi nói: "Các ông xướng lên trước, tôi xin họa sau." Nhưng không ai chịu làm trước, tôi bèn cất bút đề một tiểu-luật rằng:

Bên hồ đình lão tướng,
Đài tạ chiếm phong quan.
Song cao trắng chiếu rộng,
Thu muện sơn chưa tàn.
Hạc ngủ bên cây rợp,
Cá bơi đớp lá vàng.
Chè ngon khuyên khách cạn,
Cười nói ngọt-ngào nhang.

Bần-y, Lê-thị, biệt-hiệu Hải-thượng Lãn-ông đề.

Tôi đề xong, Lão-quan cho người ra lấy thơ vào, cụ xem mà nói rằng: "Thanh-tân khả-ái thay!" Rồi sai đem dán ở vách nhà thủy-tạ. Ông Cấm-giàng cũng họa lại một bài và lời dẫn rằng:

"Tiên-sinh là một bậc tuổi cả đức cao, có cái thủ-đoạn Hiên Kỳ và cái thi-tài Lý Đổ, mà nhã-chi dật-tình lại phiêu-phiêu-nhiên một nhà cao-sĩ, bao nhiêu văn-nhân tài-tử, cũng muốn xin đi theo hầu. Tặng tôi nhậm một ấp xa, đến yết Tiên-sinh chậm quá, may Tiên-sinh rủ lòng yêu, nào tặng câu giai-cú, nào cho bài linh-đan, nghĩa dày tình nặng, ghi nhớ xiết bao! Vậy xin thuật mấy lời rơm-rác, gọi là tục một bài như sau này:

Hạc đàn người khoáng-dật,
Mây nước thú thanh-quang.
Mắt xanh ơn hạ-cố,

Sen trắng thường thu tàn.

Thơ gọi khi đang ngủ,

Đơn cho đáng mấy vàng.

May được bồi xuân-tọa,

Trầm bay ngát khói nhang.

“Vãn-sinh, Tặng báí-phục.”

Đến chiều tối từ tạ về nhà trọ, các công-tử đưa tôi ra cổng đều có ý ngại-ngùng trong lúc chia tay.

Chương thứ VIII. Một nhà nữ thi-sĩ ở Thăng-long

Có một hôm quan Trung-hùng cho người đến xin tôi một bài thơ và nói rằng: "Quan tôi có một cái bông đi trên nước nhanh như ngựa chạy, nhưng hễ lúc bước lên ngồi, thì nó chòng-chành như người say, quan tôi thích cái tính nó khinh-khiêu, đặt tên cho là "Túy ông thuyền " đã được một vị tao-ông vịnh một bài thơ, nay lại xin ngài cho một bài nữa." Rồi đưa cả bài nguyên-thỉ ra trình tôi, thơ rằng:

Mặc sức nhà ai đảo với điên,
Thuyền ta say chẳng ta yêu thuyền.
Những phường chợ-búa khôn bày họp,
Mấy vật thô-quê phải chuyển-thiên.
Đặc-thú đòi phen đày chở nguyệt,
Cuồng-ngâm lắm lúc đáng nên tiên.
Ngang-tàng mà vẫn bền tay lái,
Gió táp mưa sa trải mấy niên.

Tôi xem rồi hỏi tên lai-nhân ấy rằng: "Ai làm bài thơ này?" Người ấy nói: "Thưa cụ, ông Đỗ Giám-sinh ở Kinh-bắc." Tôi nói: "Thơ này chưa tả rõ được cái tính của cái thuyền này." Người lai-nhân cũng nói: "Quan tôi cũng nói không tả được cái tên thuyền là lạc mất đề-ý." Nhưng lúc đó vì tôi đang một-hứng lắm, bảo người lai-nhân rằng: "Cậu về nói với quan-lớn, hôm nào thư-thả tôi xin đưa lại hầu." Vài hôm sau làm xong bèn đưa gia-đồng đem lại. Thơ rằng:

Há-vị ba đào phải đảo-điên,
Túy-ông ta đặt hiệu cho thuyền.
Kéo chuốc chén quỳnh không sóng-sánh,
Vẫy-vùng gót ngọc tự huyên-thiên.
Giữa dòng chở-trác vầng trăng tỏ,
Trên mạn ngâm-nga cuộc rượu tiên.
Ngang-tàng tính vẫn quen từ trước,
Cột đá rồi xem lúc vẫn-niên.

Thơ đưa đi rồi vài hôm nữa có cô Đặng Tiểu-thư đến chơi, cô thấy trên án có hai bài thơ, cô nói: "Thưa bác, thơ của bác tả rõ ra được cái ý sâu của đầu-đề, thật là tuyệt-cú thanh-tân, phiêu-dật vô-tử, nhưng thuyền với nhà là những cái để dung nhân mà lại đem tự-tử với cái sự điên-đảo thì con tưởng như không được tốt, con xin họa lại một bài có được không?" Tôi nói: "Cháu gái chú thử họa một bài xem." <https://thuyensach.vn>

Độ chớp mắt thì cô làm xong bài thơ thật, cô đưa tôi xem, thơ rằng:

Tơ-liễu lơ-thơ múa đảo-điên,
Túy-ông thừa-hứng bước lên thuyền.
Nghiêng bàn chuốc chén vui thù-tạc,
Hát gió chèo mây tự chuyển-thiên.
Non-nước tiêu-dao người dưới lái,
Yên-hà say-tỉnh khách trên tiên.
Cá đón bóng buồm khi ghé bến,
Khác nào ứng-triệu thừa đương-niên.

Xem thôi tôi nói: "Thi-tài của cháu gái chú mẫn-tiếp lắm, thực không phụ cái công giáo-hối của Tiên-quân".

Nguyên Đặng Tiểu-thư là con gái Hậu-mã-công , thừa ông còn sinh-thời, ông với Trung-chính-quan cùng tôi ba người kết với nhau làm "Dị-tính huynh-đệ", ba chúng tôi can-đảm, tương-chiến với nhau, sau quan Trung-chính đi binh-nam bị hại. Hậu-mã-công cũng bị bệnh mất ở Kinh. Khi tôi trở lại tới Kinh, có đến những chỗ cố-cư của hai anh tôi, rót chén rượu nhạt, khóc hai anh tôi một tiếng để tỏ tình với nhau. Từ đó Tiểu-thư ngày ngày đi lại thăm nom tôi, tỏ ra một cái chân-tình coi tôi như ông bố đẻ vậy, không khác gì.

Chương thứ IX. Cảnh lễ-huống ở trong Kinh

(Tiếp chương thứ V)

Một ngày kia Hàm-xuyên-hầu sang chơi bên nhà trọ tôi, trong khi nói chuyện có ý ngần-ngại, hai ba lần muốn nói điều gì rồi lại thôi, tôi giật mình hỏi rằng: "Quận-hầu với tôi ngày một thêm thân, tình-nghĩa chu-trí, nay có việc gì xin cứ nói đừng giấu, chớ sao lại có ý ngần-ngại như vậy, hay là tôi có điều gì làm-lỗi mà Quận-hầu không nở hở môi ra chăng?" Hàm-hầu nói: "Có lẽ nào thế. Tôi từ được đi lại với cụ, vẫn giữ cái lễ đệ-tử, nào đã có điều gì trái với đạo-nghĩa đâu, chỉ vì chỗ này là cái biệt-thất của anh tôi, nhân có việc về quê, mà bỏ không lại, vậy tôi mời cụ đến tạm ở cho tiện lối vào châu, sau thấy cụ thế nào cũng không được về, bất-nhật tất được ban-cấp binh-dân, lúc đó sẽ xin một miếng đất để lập dinh khác, bởi vậy hơn một tháng nay tôi đã cho dựng một cái biệt-thất ở chỗ khu đất để không của nhà tôi bên bờ hồ, vẫn định làm xong thì mời cụ dọn sang nghỉ tạm bên ấy, rồi mời anh tôi về ở đây. Ai ngờ bây giờ tôi lại phải phụng-mệnh đi giám khảo trường tập cho binh-lính tập bắn, công việc bận lắm, không lúc nào rỗi, cho nên chữa làm cái nhà mới ấy cho xong ngay đi được, thời nay cái nhà ngoại-sảnh ở bên dinh tôi cũng rộng-rãi, xin mời cụ sang đó để đợi cái nhà mới ở bờ hồ vài ngày nữa thì xong, không thì sang dinh quan An-quảng cũng nhàn-tĩnh lắm. Không biết tôn-ý nghĩ ra thế nào?"

Tôi nghe nói, cười mà rằng: "Đại-trượng-phu tương-kỳ với nhau, có làm gì cái sự nhỏ-nhặt ấy, để tôi xin liệ, ngài đừng ngại." Hàm-xuyên-hầu nghe tôi nói có ý mừng, tôi tự nghĩ rằng: "Cái ngoại-sảnh của ông ấy thì lính-tráng đi lại rậm-rịch không có thể ở được, mà bên dinh quan An-quảng thì có đủ nhà trong nhà ngoài, nhưng xung-quanh tường-nậm không có, ở đấy lại lắm trộm cũng không yên; ta có một ông tân-tri là Hậu-trạch-quan, ông có mấy toà nhà liền nhau bên bờ-hồ, và chỗ ấy lại cao-ráo sạch-sẽ, âu-là ta kíp đưa tin cho ông, nhờ một sở để ta dọn sang là xong." Bèn đưa thư cáo-biệt với Hàm-xuyên-hầu, ông nghe chuyện lấy làm băn-khoăn lắm, cho người đem lại một cái thư và một bài thơ như sau này:

Bấy lâu được nghe thịnh-danh như sét đánh bên tai, vẫn lấy cái sự không được hầu gần làm hận, bỗng đâu Tiên-sinh tứ-mã an-xa vào cửa khuyết, cho tôi được thân chịu những lời giáo-huấn, thực lấy làm may lắm, vẫn mong sớm khuya thừa-tiếp xuân-phong cho khỏi phụ cái duyên giải-cấu vong-niên kia vậy, bữa nọ anh tôi vắng nhà có một cái thảo-lư xin để tạm làm một nơi "thê-phượng", may Tiên-sinh có lòng chiếu-cổ mà cho tôi được chu-toàn bấy nay, thực là dằm-thắm. Nay anh tôi lại trở về Kinh, tôi lấy làm khó nói lắm. Tiên-sinh muốn dọn đi, thực không phải bốn tâm tôi. Tôi vẫn canh-cánh không muốn xa Tiên-sinh; như bên dinh quan An-quảng trống-trái không tiện thì xin tạm di sang cái ngoại-sảnh bên nhà tôi cũng được, cần gì mà phải xa vượt qua cái hồ sen kia, để cho tôi băng-khuâng như mất lạng vàng, đó là tôi xin nói thực-tình, nếu Tiên-sinh nghĩ lại, trong hai điều ấy, chọn lấy một điều, hăng cầu-thả tạm-lưu ít bữa, đợi trong tuần-nhật, tôi sửa-sang cái nhà mới để cung làm một nơi Tiên-sinh cao ngoạ; nói không hết lời, vậy mượn thơ để tả cái chân tình như sau này (theo nguyên-vận bài thơ thượng-kinh):

Non Thương người giả mà đây trần,

Đức cả niên cao đạo chẳng bần.

Vâng lĩnh lời vàng ơn hậu-ý,

Hẹn-hò trên đá găm tiền-thân.

Gầy béo đâu xa còn muốn chữa,

Bà con thung-thõ nữ dờn chân

Ân-hận xiết chi tình lúc ấy,

Tấm lòng xin phó mặc thiên-quân.

“Hàm-xuyên-hầu-thuật-hoài, khi đặng-trình, theo nguyên-vận để tự-tình và bá-thượng Hải-Thượng-ông tọa-hạ.”

Lại viết thêm mấy chữ rằng: “Đó là một việc bất-đắc-dĩ, xin lòng lại hiểu lòng cho.”

Tôi xem như cũng động tâm, không nữ cáo biệt, mà việc xuất ư bất-đắc-dĩ, chứ không phải bản-tâm của hầu, tôi bèn phục-bút và họa lại bài thơ như sau này:

“Lãn tôi bị triệu vô Kinh, nửa bên hành-lý, nay trọ chỗ này mai trọ chỗ khác, may được tôn-hầu thành-đãi, hơn mười tuần nay, gió mưa che chở đã nhiều. Lãn tôi vẫn tưởng bất-nhật gỡ xong việc đó, cầm kiếm lại về cố-sơn, hay đầu cơ-mi mãi đến bây giờ, lại phải xa cách nhau một lần, tuy trong gang tấc mà lòng hầu vẫn băn-khoăn khôn xiết, biểu lộ cả ra lời thơ, để cho Lãn tôi càng thêm cảm-thán, vậy xin có một “Đường luật” phụng đáp lại là:

Tình sâu nghĩa nặng tấm thiên-chân,

Chưa chút đền ơn chí những bần.

Chuông khuya trống sớm khua hồn khách,

Nay đó mai đây lụy chiếc thân.

Duyên với non xanh sao lại rụi,

Ai hay gác tía khổ chồn chân.

Tìm bạn tương-tri trong bốn bể,

Có chẳng chỉ bác Hàm-xuyên-quân.

“Bần-y Lãn báii họa”

Bấy giờ ở liền vách với chỗ nhà trọ tôi là dinh quan Trạch-ưu-hữu, ông có một bệnh phúc-lãnh, tôi chữa đã sắp khỏi, phu-nhân cũng bị một cố-tật đã mười năm, tôi chữa cho hai tháng thì yên, ông hỏi lại Hàm-xuyên-hầu rồi không nói gì cho tôi biết trước, cứ tự dọn-dẹp một cái nhà trung-đường ba gian, nhà ngói vách vôi, kê giường đặt ghế tề-chỉnh, sân trước có cây kỳ đá lạ, hoa cỏ tốt-tươi, ngoài ba gian nhà khách, một gian nhà bếp, quét dọn sạch-sẽ, bốn bên phân-biệt làm cửa trong cửa ngoài để ra vào cho tiện, thu-xếp đầu đầy rồi mới cho đến mời tôi, tôi cũng chẳng biết duyên-cớ gì, sợ phiền quấy người ta, chỉ cảm ơn không chịu dọn đến, hai vợ chồng ông cố mời đi mời lại mãi mà rằng: “Cụ không trông lại cái chân-tâm của vợ chồng nhà tôi, xin cụ hăng đến qua xem.” Tôi đến thì quả thấy phòng-ốc trong ngoài đã chỉnh-đốn cả rồi, tôi nghĩ vợ chồng người ta xử như thế, mình cự-tuyệt ngay sao phải, bèn di-ngụ sang. Hàm-xuyên-hầu biết chuyện, mừng lắm, cũng sang chơi. Nguyên quan Trạch-ưu là tổ-thúc Hàm-xuyên-hầu, nguyên phụng tiên-triều ban cho một khu quan-thổ, vì thế cả họ được ở, hai dinh liền nhau. Trạch-ưu-quan lại mở một cái cửa mạch để Hàm-xuyên-hầu đi lại cho tiện. Cái tình tôi với hai ông ăn ở với nhau sáng mặt tối dào, ngày càng thân-mật, Trạch-ưu-quan cũng nghiêm-cấm người nhà không được lai-vãng đến bên chỗ nhà tôi trọ, coi đó đủ biết cái lòng ông kính-đãi tôi là dường nào. Tôi từ được chỗ đó, lấy làm tâm-mãn ý-túc; có một tối vầng trăng vắng-vặc trước hiên, trông ra cảnh trúc gió rung, lơ-thơ bóng nhạt, bông hoa sương đọng, ngào-ngạt hương đưa, thật là một cảnh đáng yêu, tên trà-đồng pha nước, tôi đang ngồi dựa câu-lơn uống một mình, bỗng có quan Viên-hình là ông em rể tôi đến chơi để kể chút việc tâm-sự, tôi mừng quá,

hai chúng tôi cùng nhau uống nước vui-vẻ. Viên-hình-công nói: “Đêm trăng trong gió mát đẹp-đẽ đường này có phụ gì với chúng ta, mà chúng ta lại nhờ phụ sao phải.”

Tôi nói: “Ông nói phải lắm, ông với tôi, chúng ta cùng làm một bài thơ chơi.” Bèn ra đầu đề là “Đêm trăng uống trà nói chuyện cũ” mà lấy vần “canh, thanh, phan, kinh”. Tôi xưng trước lên rằng:

Chén trà in bóng nguyệt,
Trong suốt vẻ băng-thanh.
Mộng tỉnh thân nghìn dặm,
Ngâm đến lúc hai canh.
Bùi tai câu chuyện ngẫu,
Nhấp giọng ấm trà xanh.⁴
Thơ đọc sao như chuyển,
Toan ra cười cá kình.
Ông Viên-Hình họa rằng:

Trước hiên thêm trợ-hứng,
Vị có bóng trăng thanh.
Ngâm-nga dư vụn vận,
Thăm-thoắt đã ba canh.
Lòng khách như lò đỏ,
Trà chuyên nhạt nước xanh⁵
Tiếng cồng đâu vội mấy,
Vấn tưởng tiếng chuông kình.

Ngâm xong hai người thay đổi nhau đem những bài cổ-thi ra đọc rồi tự bình-duyet với nhau mãi đến khuya mới đi ngủ. Sáng mai ông Viên-hình cáo có việc bận phải đi, ông đi khỏi thì Nộn-liễu Giám-sinh đến chào tôi mà về Hoan-châu. Tôi nói rằng: “Ông với tôi cùng là cái bạn khách trọ ở Tràng-an này, ông thì đi nam về bắc, mà tôi thì như chim trong lồng cất mình không nổi, nay kẻ về người ở, thương nhớ biết sao.” Bèn ngâm một bài đoán-luật để tặng-biệt ông. Lời diễn rằng:

“Tôi với ông giao-tình tuy thiển, chân-nghĩa thực sâu, là vì đồng loại mà biết nhau, đồng-đạo mà tin nhau, một ngày vắng mặt xem bằng ba thu, phương-chỉ ông vó câu muôn dặm đường về, Lãn tôi không nhớ ông sao? Từ nay chốn khách-xá tiêu-diêu này, nào những khi gió sớm trăng khuya, trà xông ba chén, tôi biết cùng ai mà đàm-đạo nghĩa thơ; còn như ông những lúc dọc đường gặp nơi danh-thắng, dù ngâm dù xưng,

Ông thể nào quên tôi được, tình khôn xiết kể, xin tả ra thơ để giải ông hay.”

Lẳng-lặng khi tương-biệt,
Tình nhiều khó nói ra.
Ngàn liễu pha mùi úa,
Non Hương giải bóng Nga.
Trống khua trên động gác,
Khách ngán nổi quan-hà.
Đành ước đến đông-tiết,
Nhưng nay thu chữa qua.

Ông Nộn-liễu cũng gọi đem giấy bút để đáp họa ngay ở trước chỗ ngồi bấy giờ, lời rằng:
“Cổ có câu: “Một đêm chuyện hơn đầy bụng thơ”, chẳng tôi từ được bồi-tiếp phong-quang, cũng đã ghi nhớ bao lời đạo-đức, phương-chi lại thưởng cho được theo đòi chốn tao-bàn, tôi bất-giác cảm-động mừng-rỡ bấy lâu, vậy xin có vài lời quê mùa phụng-họa như sau này.”

Mùi hương vừa mới bén,
Cành liễu vội trao ra.
Ngần-ngại mái chèo quế,
Lẳng-lặng ngắm gương nga.
Tình cùng trong lữ-khách,
Thơ một giọng quan-hà.
Trùng-phùng tuy có hẹn,
Nay bằng sao cho qua.

Hai chúng tôi ai nấy đều cầm cái bài thơ đã tặng của nhau mà xem đi xem lại ba bốn lần, tình dường không hết, tuy trong khi đàm-tiểu đã cố gượng làm vui, mà cái lòng ưu-sầu chan-chứa kia cũng tự phát-lộ ra cả ngoài mặt, vài chén trà đoạn, thì ông cáo-biệt ra đi.

Đến hôm khác ông Viên-hình lại đến nhà trọ tôi nói chuyện việc xin thuốc men, trò-chuyện một lát, thì ông nói: “Hôm nọ tôi bị bệnh, người đang một-hứng, nên bài thơ họa ấy gọi là thảo-thảo cho xong, xin cụ đừng cười”. Tôi nói: “Thơ của bác liên-lạc như một dây núi, ngàn nọ liền với đồi kia, không chỗ nào đứt, tiên-tân như một vầng minh-nguyệt giữa trời, thực có một cái diệu-chỉ của thi-gia, còn nói khe vào đâu được”. Ông nói: “Cụ đừng quá khen làm vậy, xin cụ lại làm một bài nữa.” Tôi nói: “Đầu bài bằng gì được, tôi xin lấy cái ý bài thơ họa của bác để làm đầu bài.” Bèn xướng lên rằng:

Vượt qua bể học muốn cầu chân,
Đạo sợ bần, thân chẳng sợ bần.
Càng thêm cuồng lẫn vui cho nết,
Chi để công-danh bám đến thân.
Chiếu mệnh chín trùng ngàn dặm tuyết,
Anh tài bốn bể hội chen chân.
Xem thơ kính phục tay hào kiệt,
Trong đất, Hoan-châu có sứ-quân.

Ông Viên-hình xem rồi nói: “Cụ ôm đầy những cái lâm-toàn-khí-vị, thôn-thổ muôn trượng yên-hà, thật là dữ-xuất dữ-kỳ.”- Đang lúc ấy thấy một cậu Nho-sinh mặt đẹp như ngọc, áo khăn thanh-khiết, đưa một tên tùy đồng bưng một hộp đồ thời-vật đi theo, và một bài thơ đưa ra trình, tôi hỏi thì Nho-sinh nói: “Tôi là con quan tri-phủ phủ Hạ-hồng, người Đông-ngàn, Từ-sơn, Kinh-bắc, gia-nghiêm vì có bệnh, nên bỏ quan về học thuốc, nhân có tìm được một vài quyển *Tâm-lĩnh* của cụ, xem thấy đạo-lý uyên-nguyên, thời gia-nghiêm tôi vẫn muốn tìm đến chỗ cung-đường, nhưng chưa tiện đường, mới đây nghe thấy cụ tới kinh, lấy làm mừng lắm, đã mấy lần định ra bái-kiến, bất-ý lại bị bà tổ-mẫu tôi yếu nặng, nên gia-nghiêm tôi không dám đi xa, vậy cho tôi đem chút thời-nghi, gọi là thay mặt ra kính cụ trước, còn thì thư-thả gia-nghiêm tôi sẽ xin ra diện-yết cụ sau.” Tôi giật mình thầm trong bụng rằng: Mình với ông này không biết nhau bao giờ, cách nhau hàng nghìn muôn dặm, thế thời sách của mình soạn ra không biết len-lỏi đường nào mà đem đến chỗ ông này được, sự này phải đợi khi diện-hội thời mới biết chuyện. Tôi mới giở thơ ra xem rồi lại đưa cho Viên-hình-công xem. Trong thơ lời lẽ cũng y như Nho-sinh đã nói, mà lại có ý mừng cho tôi ngộ-thời đắc quân nữa, nên bất-đắc-bất-lục lại như sau này:

[]

Non Hương nghe tiếng chẳng xa gì,
Lại thấy đời nay có cụ Kỳ.
Quyền sánh trong triều tài quế phụ,
Kinh theo đạo cổ vị quy kỳ.
Trống mảnh biếng khua bên sấm nọ,
Đóm lòe then liệng dưới trăng kia,
Sơn thêm nhân mới thành tiên dạng,
Tứ-hiệu là đây chính phải thì.
Bắc-từ Cam-Bạch-tử bái-thượng.

Viên-hình-công xem rồi chỉ cười mà không nói gì. Tôi nói: “Thơ này nói được ý-tử cao-viễn lắm, có phải không, bác?” Viên-hình-công nói: “Khả-ái thay cho cái vẻ thanh-quang như trăng dưới nước, như hoa trong

gương.” Tôi biết là ông chê thơ nói tình những hư-ngữ, tôi cũng phải cười, tôi lại nói: “Nhờ bác trả lời lại hộ tôi nên chăng?” Ông nói: “Lại còn múa rìu trước mặt thợ để xuất-xử nữa hay sao?” Tôi bèn bảo Nho-sinh rằng: “Cậu hãy về nhà trọ sáng mai tới đây tôi sẽ có lời thưa lại.” Nho-sinh ra rồi, ông Viên-hình nói: “Cái đồ tục-vật như thế, còn biết thơ là gì nữa.” Tôi nói: “Nhân-phẩm có kẻ hay người dở, chứ ai cũng được như chúng mình được ư?” Viên-hình-công cáo về. Đến ngày mai Nho-sinh đến, tôi gửi một bài thơ họa và mấy lời khiêm-tốn đáp lại; thơ như sau này:

Nhân-sinh hà-tất tiếng làm gì,
Xuất-xử tùy tâm chứ chẳng kỳ.
Dịch nhiệm nên suy cùng thái-bỉ,
Thuốc hay nào cứ phải xâm kỳ.
Ông dặn tôi theo điều nghĩa ấy,
Tôi chờ ông dưới bóng chiều kia.
Vẫn biết ở đời duy có lợi,
Chót thề với núi thừa đương-thì.

Nho-sinh về không đến, trong tuần-nhật lại ra, kể cả những tình ông thân-phụ hoài-vọng tôi, nếu gia-sự được hơi khoan một chút thì ra diện-hội với tôi ngay, lại đưa ra một bài thơ và lời tựa rằng: “Đã một lần cuồng-lậu, lại còn bận nữa sao nên. Duy ở cuối quý-thư thấy có đôi lời phủ-chính mà tôi lấy làm sợ bụng ngài, tôi vẫn biết ở trước mặt một tay thợ cả thời múa rìu làm gì, nhưng cảm thấy lời thơ thuần-túy mà bất giác mừng hớn-hở cả người lên, vậy xin gửi một bài nữa, nhờ ngài chữa lại cho, xin cảm ơn.”

Năm việc chưa xong một việc gì,
Trách chi tất-tả kẻ tha-kỳ.
Thanh đạm đủ cung hương khí-vị,
Cam ôn biếng dụng bộ xâm-kỳ.
Sen chẳng chịu rây bùn đất nọ,
Xuân nào riêng với cỏ cây kia.
Chí-phẩm có ba người mỗi vẻ,
Vô-thiên bệnh ấy thánh-chi-thì.
Bắc-tử Cam-Bạch-tử bái-họa
Tôi cũng họa lại một bài rằng:

.
Biết đủ nào ai đã biết gì,
Mơ-hồ bởi tại tính đa-kỳ.
Tri-cơ đã sẵn trong kinh *Dịch*,
Hộ-mệnh thì không một vị kỳ.
Thời-lai mắt cá lòe ai đó,
Dương cực thân rồng chịu lỗi kia.
Thú cũ cầm tôn khi nguyệt tỏ,
Hương-sơn về đó biết bao thì.

Chương thứ X. Các công-khanh mời đi chữa thuốc (Tiếp chương thứ VII)

Có một ngày kia thấy hai người đem nhiều lính tùy-hành đến, hỏi ra thì một người là viên trợ-giáo trường Quốc-tử-giám, một người là quan cực tri-phủ phủ Tiên-hưng: hai ông cùng nói rằng: “Quan Tham-tụng tả-binh quan cho chúng tôi đến mời cụ.” Tôi mời vào trong nhà khách cùng ngồi, hai ông nói: “Cụ lớn tôi thụ-bệnh nặng đã hơn một tháng nay, mời khắp các thầy chữa không khỏi, bây giờ nguy-cấp lắm, xin cụ nghĩ tình “thân-hữu” mà đến thăm cho, đừng quản.” Vị quan Tham đồng-khoa với ông Thự-trấn Lạng-sơn là anh tôi. Tôi nói “Cụ lớn với gia-huynh tôi là chỗ đồng-khoa với nhau, tôi đâu dám từ.” Tức-thì mặc áo lên võng ra đi. Mới vào đến nhà ngoại-sảnh, đã thấy quan Tham-nghị Hải-dương ra mời vào nhà trong cùng ngồi. Ông kể hết bệnh-nguyên cho tôi nghe, được một lát thì mời tôi vào nhà tắm-thất xem mạch. Tôi thấy quan cụ đang nằm trên võng, người nhà vực quan xuống giường, tôi xem mạch thì thấy: tả tam-bộ vi-nhược lắm, hữu-xích như đục tuyết, hữu tam-bộ còn vượng, như sảo-án thì tán, trọng-án thì không thấy gì nữa, đến gần bên thì hơi nóng xông ra cả người ngoài, sờ vào thì chỉ hơi âm-ấm, hai chân lạnh, thỉnh-thoảng ợ hơi lên, hỏi ra thì nói như người ngồi trong đám khói đặc, mắt cay lắm cứ phải nhắm lại, trong ngực uất-nhiệt lên phải ợ hơi ra, đại-tiện táo-kết, tiểu-tiện xích-sấp, hung-cách nghẹn không ăn được. Rồi cụ lớn Tham bảo tôi rằng: “Tớ với bác là chỗ niên-gia với nhau, mệnh tớ thì không biết sớm tối thế nào, nếu tớ mà qua được thì cái ơn tái-sinh kia chép xương khắc dạ bao giờ quên được. Tôi từ-tạ rằng: “Bệnh này là một chứng thường, chắc không lo gì, xin ngài cứ yên bụng, độ trong tuần-nhật thì sẽ khỏi được.” Quan cụ nghe tôi nói mừng lắm, tôi bèn xin phép ra ngoài, quan Tham-nghị khê hỏi bệnh chứng cụ lớn Tham thế nào. Tôi nói: “Phần âm đã nội kiệt, dương không y lý vào đâu mà muốn ly-thoát, thể danh nơi rồi.” Tôi lại hỏi những bài thuốc đã uống trước, quan Tham-nghị lấy quyển ký-bạ ra cho tôi xem, thì thấy linh tinh những thuốc thanh-hóa, hóa-ngâm và trừ-thấp cả. Và ông này đã cao niên mà cô hầu ngổn-ngang cả trước mắt, vì người già thì chân-âm nó đã hư sẵn, lại hiệu-sắc dễ giáng mất tinh-khí đi, thời phần âm phải kiệt, thuốc lại không biết bồi-bổ, cứ tiêu-bại thêm khỏi nguy sao được. Tôi nghĩ trong bụng rằng: ”Mạch còn hòa-hoãn là vị khí chữa tuyết, lại tại thuốc làm hại chứ không phải tại bệnh khốn nên phải dùng hết sức mình thì họa chẳng mới có thể gỡ được.” Tôi mới nói với quan Tham-nghị rằng: “Nguy-cơ lắm rồi, không dám chắc, xin bốc một thang, hay dở thế nào sẽ biết. Nhưng tôi có một điều tâm-sự, nếu cụ lớn có ưng cho thì tôi mới dám bốc hầu thuốc ngài xơi.” Quan Tham-nghị nói rằng: “Có việc gì cụ cứ nói, có lẽ nào cụ lớn tôi lại không nghe.” Tôi nói: “Vì tôi suy-lão không vào châu-chực được, đã nhiều lần dâng *khải* xin cáo mới được ra tại-ngoại để phụng-thị thang-dược, các nhà quan sang có việc tìm đến tôi đều từ chối là già, nay cụ-lớn là chỗ niên-nghị với anh tôi, tôi không dám kiêu, nhưng Thánh-thượng ngày nào cũng cho quan đến vấn-an cụ-lớn đây, nếu có ban hỏi đến ai chữa thuốc, thì xin nói dối đi tên người khác cho.” Quan Tham-nghị vào bẩm, quan cụ sai ông trợ-giáo ra bảo tôi rằng: “Xin cụ hết lòng điều-trị cho, việc ấy ta đã định-liệu rồi, cụ không ngại.” Tôi bèn bốc một thang “Đại-tư-âm” dùng thực-địa với ban-long mỗi vị đến vài bốn lượng, dặn sắc đặc cho uống luôn cho hết; rồi tôi từ-biệt ra về. Sáng sớm ngày mai thấy ông trợ-giáo đến, mặt mũi tươi cười mà nói rằng: “Thật là thần-dược, uống một nước thì thấy mát ngay, uống đến hai ba nước nữa thì các chứng mửa phần giảm được ba bốn, cả nhà ai cũng mừng lắm, nay cụ-lớn tôi cho đến xin cụ chén nữa.” Tôi cứ bài trước bốc bội thêm lên mà gia nhân-sâm. Hôm sau lại mời tôi đến xem mạch lại, hỏi ra mửa phần đã giảm được bảy tám; đến bữa cơm, quan cụ thiết-đãi tôi tử-tế quá, cụ cầm tay tôi mà nói rằng: “Hận vì tớ vô-duyên, bị bọn dong-y nó làm khỗ, xuýt nữa không gỡ được, nhưng chỉ trách bác Lạng-trấn vẫn đến thăm tôi mà không nói chuyện bác.” Tôi nói vì trong chỗ anh em biết nói thế nào, xin cụ-lớn miễn-thứ cho; quan cụ nói rằng: “Cử-hiền thì cha con cũng không hiềm-nghi gì, nữa là anh em.” Tôi nói: “Chỉ vị tị-hiền đấy thôi.” Hai người cùng cả cười, tôi bèn xin lui ra chế thuốc, tôi xem bệnh cụ hư-hỏa còn thịnh, mới dùng một thang “bổ-hỏa” và gia những thuốc giữ vị-khí; xong rồi tôi cáo về. Quan cụ tiễn tôi hậu lắm. Từ đó vãng-lai biểu-sén những đồ thời-vật không biết đâu mà kể. Được độ hơn tuần-nhật, các bệnh của quan cụ lại phát ra, lại vội-vàng cho đến mời tôi, tôi nghe nói chẳng biết tại ra làm sao, hỏi

người lai-nhân thì hẳn nói: đích-thị là cụ lớn ngộ-phòng. Tôi đến thăm rồi dặn quan cụ rằng: “Phàm sau khi đại-bệnh, cửu-bệnh, khí-huyết không-hư, hể hơi bất-cần một tí thì bệnh lại khó ngay, cụ-lớn là cái thân vạn-kim, xin cụ-lớn phải nên nghĩ kỹ.” Quan cụ nói rằng: “Từ giờ điều gì cũng xin tuân lời y-huấn, không dám sai.” Tôi lại bốc thuốc “Cứu-bản” để điều-bổ các chứng lại đỡ. Lúc tôi về nhà trọ có người đến bảo tôi rằng: “Không nên dụng lực chữa cho cái ông quan ấy, nếu có khỏi được cũng tổn âm công.” Trong bốn năm ngày mấy người cùng nói với tôi như thế cả, tôi cho là cũng vì cái thói thường trong sự ân cứu, khi ông này cầm cân nảy mực trong Triều mà không biết cái lỗi của mình đấy thôi, thực cũng đáng buồn cười thay. Lại được độ nửa tháng nữa bệnh lại phát cả ra như trước, lại đến mời tôi, tôi hỏi nhỏ ra là vì ăn cơm nếp mà hóa ra như thế. Ông trợ-giảng nói vụng với tôi rằng: “Vị-tất đã ăn cơm nếp mà thế, khi bệnh phục-phá ra, không đi mời cụ ngay, còn nghe người ta nói ông thầy này thần-diệu thì uống thử một chén, lại nghe nói ông thầy kia hay lại uống một bài, chỉ trong một ngày đêm mà thay đổi đến bốn năm ông thầy, ý hẳn là ngộ-dược đó, xin cụ để bụng mà điều-bộ cho.” Tôi chữa được một hai ngày bệnh tuy giảm được một hai phần, lại biến ra chứng tiết-tả, tôi sợ lại biến ra chứng thoát-đoạn, phải giữ ngay lấy vị-khí thì chỉ ngay được chứng tiết-tả, nó lại biến ra chứng phiền-táo, tôi cứ cắt bài tư-âm để cho nhuận thời mới đỡ. Tôi về nhà trọ năm sáu ngày không thấy cho người đến lấy thuốc nữa, hỏi người ngoài thì họ nói: “Phụng sai quan Ngự-y ra chữa đã mấy ngày rồi, không ăn thua gì, nay mời khắp cả các thầy đến hội nhau cùng chữa.” Tôi nghĩ xa nghĩ gần, rồi tôi tự-thán rằng: “Ông này lấy thân thử thuốc, mà các thầy lang thì lập-dị tranh-công, mệnh ông hồng mất; đó là vì nhân sự bất-cần, chứ đã biết đâu là thiên-mệnh không cải được nữa.” Đến hôm sau lại thấy ông trợ-giáo đến mời tôi, rồi lại thấy quan Tham-nghị cũng cho con đến mời tôi và tạ lỗi vì nghe người ngoài họ cứ vật-nài kêu xin đến chữa; tôi nghĩ thầm rằng vì ngày nay chữa có đỡ thì ngày mai lại cải-đồ ngay, vả vị-khí đã bại rồi không làm thế nào được nữa, nên tôi không chịu đi; họ cứ cố mời, tôi mới kê cho một bài “Cứu-dương”. Vài hôm sau nghe tin ông đã qua đời rồi tôi ta-thán mãi, nhân nói hai câu cổ-thi làm thành một bài đoản-luật rằng:

Thuốc nào chữa được thân khanh-tướng,
Tâm ấy phô ra trước quỷ-thần.
Chỉ có danh thơm còn mãi mãi,
Ra chi phú quý cái phù vân!

Khi tôi còn ở trong rừng, vẫn tưởng những tay quốc-y quốc-thủ ở trong đế-hương đều là những tay học-thuật quán-thông, tinh-diệu nhập-thần cả, tôi thường phàn-nàn rằng mình vô-duyên không được gặp các ngài. Đến lúc tôi tới Kinh thì thấy cái cách của các ông chữa không cho là “phong-hỏa” thì cho là “thấp-đàm”, có khi biết là “hư nên bổ” thì cũng chỉ bổ khí bổ huyết qua-loa mà thôi, đến như “chân-thủy chân-hỏa” là cái gốc lập-mệnh, cái chốt cầu-sinh, thì tuyệt không trịnh-trọng đến chút nào; ấy cái y đạo của ta sao mà khó thế. Tôi còn nhớ một bậc tiên-chính nước ta ngày xưa có nói rằng: “Những nhà làm thuốc ở nước ta mà không tinh được là vì có hai cái bệnh: một là bọn nho-học trung-nhân ra học thuốc cầm đến quyển sách thuốc xem qua từ đầu đến đuôi, nghĩa nào cũng hiểu, thì tự cho ngay là không khó, kịp đến khi bốc thuốc thì [] suốt cái gì cũng là hốt-lược cả; hai là bọn chữ nghĩa dở-dang, khi ra học thuốc bất-miễn mập-mờ sai-suyễn, như người gương cung không gương nổi thì cho là cung cứng.” Điều đó thực là chí-đáng chí-luận vậy. Ôi! bất túc đã hồng, mà hữu-dư cũng hồng, thế có khó không? Nhân ngâm một đoản-luật rằng:

Lời xưa dụng dực như dụng binh,
Sinh sát trong tay chẳng phải khinh.
Quốc-thủ có khi không biết lẽ,
Phương chi cô-lậu đến như mình.

Chương thứ XI. Nhân đi chữa thuốc lại qua Tây-hồ

Có một ngày trời đã sâm-sẫm tối, thấy một viên tân-khoa Tạo-sĩ họ Vũ người Hà-hoàng đến nhà trọ tôi. Nguyên chàng là con quan Hiến-phó, lúc tôi tới Kinh thì chàng vẫn lấy cái tình cháu nuôi mà đi lại. Tôi hỏi hôm tối quan đến chơi có việc gì, chàng nói: “Cụ-lớn Quốc-sư Tào-quận-công bị bệnh ly, cho tôi đến mời cụ.” Tôi còn đang hỏi căn-vận chàng thì lại thấy một bà người ở cố-hương tôi là vợ quan phủ Duy-tiên trước, bà có họ ngoại với tôi, đến mời tôi mà rằng: “Phu-nhân của Quốc-sư Nguyễn Thượng-thư bị bệnh đã lâu, cho tôi đến mời cụ.” Tôi cười mà bảo hai người rằng: “Vì có bên tôn có bên ti thì lẽ mới có từng bề từng bậc, này hai bên đều là quan đương-quốc đại-thần, cùng đồng-thời cho đến mời, tôi không biết đi bên nào trước bên nào sau, xin quan tân-khoa với bà phủ xử-định cho.” Tôi với hai người cùng tranh-luận với nhau, ai cũng bênh về chủ-nhân mình; tôi nói: “Không phải thế, nhà y gia chỉ lấy sự hoãn-cấp làm trước sau. Hiện nay cụ Quận Tào bệnh-thể trầm trọng, lẽ phải nên cần, còn phu-nhân của Văn-quốc-sư, bệnh dai dẳng đã lâu, cơ còn hoãn được, tôi xin sáng mai đến đàng cụ Quận Tào trước, ngày kia sẽ đến đàng Văn-Quốc-sư.” Tôi lại bảo bà phủ rằng: “Bà về bấm đầu đuôi cho như thế, chứ không phải là tôi dám có trể-nải gì.” Bà nói: “Thế thì ngày kia xin cho người nhà đưa lính đến rước cụ.” Rồi bà từ-biệt ra về. Tôi bảo chàng tân-khoa rằng: “Dinh cụ Quận xa lắm mà độ này trời nóng-nực, phải đi từ gà-gáy mới được.” Chàng vâng lời trở ra để đến đêm đem năm người đến đón tôi. Nói chữa dứt lời đã thấy một người thuộc-viên đưa năm người lính kiện-tốt cầm thẻ “dạ-hành quân-phù” đến mời đi. Tôi bèn đăng-trình ra đền Trấn-vũ, theo mả tả-ngạn hồ Tây mà đi; gần trưa tới nơi, lính canh vào bấm, rồi cho mời tôi vào nhà tắm-thất để án-mạch. Tôi đoán cho cụ Quận là xơi phải đồ lạnh, rồi tôi biện-chứng lập-phương để cụ Quận nghe. Cụ than rằng: “Cụ thầy đoán bệnh không sai một tí nào, mà bài thuốc cũng thiết-đáng lắm.” Vì cụ cũng có biết thuốc. Cụ lại khen rằng: “Điển-quận là người tri-nhân thật, thật không phụ cái người mình sở-cử, như cụ lang mà thâm-minh y-lý thế này, nhất-đán được cứu-trùng biết đến, cũng không phụ cái sở-học của mình.” Tôi từ-tạ không dám nhận. Cụ Quận bèn sai con là Kiệu-hữu-quan mời tôi ra nhà khách hậu-đãi rồi tiễn tôi về. Tôi xin vào cám ơn thì cụ Quận truyền chước-miễn cho. Bấy giờ em cụ Quận Tào là cụ Bàn-quận-công lại mời tôi lại để hỏi thăm cái bệnh-thể của cụ Quận anh, tôi nói: “Mạch không còn vị khí thì cũng chả lâu được.” Cụ Quận em nghe tôi nói rồi chỉ thở dài mà thôi. Nói về khi tôi mới đến cửa dinh trông thấy có mấy cái quan-thuyền cắm ở bên bờ hồ Tây, tôi mới nói với cụ Quận Bàn rằng: “Hôm nay trời nóng lắm, đi bộ vất-vả quá, xin cho lĩnh một cái quan-thuyền để về cho tiện.” Cụ bèn sai lấy sáu người lính thủy-thủ chèo thuyền tiễn tôi về. Tôi từ-giã ngay rồi ra lên thuyền đi. Thuyền ra khỏi chỗ núi đá ở giữa hồ, trông ra nước biếc trời xanh, gợn sóng long-lanh choáng lộn, cò trắng bay từng đàn, yên ương đi từng cặp, rập-rờn cả ở bên kia cây. Về mấy chỗ mé đê thì bóng cây Ly-cung trùm-bum, phát phơ như rở như mờ, cái bãi nổi giữa hồ thì một dãy lâu-đài, cỏ hoa đang phô hồng khoe thắm, chà ai lạnh-lãnh, hát dưới bóng tà-dương; chuông chùa đâu boong boong, dồn theo vàng lạc-nhật; tôi ngồi ở trong thuyền, lấy làm hào-sảng không biết là đường nào! Chợt trông thấy một chỗ xa-xa có điện-các nguy-nga, cây-cối xanh tốt, tôi cho chỉ thuyền chèo sấn vào, đến gần, thì ra chùa Trấn-quốc. Tôi truyền nhà lái cầm sào vào bờ, tôi lên bờ, rồi đến ngồi lên trên một cái ghế đá ở dưới gốc cổ-thụ, trông ngang trông ngửa khắp mọi nơi, mà trong lòng thốn-thức ứa hai hàng nước mắt dòng-dòng; bọn môn-nhân hỏi vì duyên-cớ gì. Tôi nói: “Lúc còn bé, tôi ở trong Kinh này, có cùng với mấy người anh em bạn kết làm một thi-xã, ước nhau cứ đến mùa xuân mùa thu thì cùng ra Tây-hồ hành-lạc, khi đến thời đem đủ cả rượu và đồ nhắm rồi thuê ba bốn cái thuyền chài chở phóng-chạy ra giữa hồ để du-ngoạn, tiếng đàn hát râm-ran ra cả bốn xung quanh, khuya thì về ngủ ở chùa Trấn-vũ, có khi chơi đến bốn năm ngày mới về. Chao ôi! Tôi đau lòng thay cho chúng bạn tôi nhiều người đã là người cũ rồi, mà ngày hôm nay tôi kiến-cảnh hàm-tình ở đây, kia như mấy gốc cổ-thụ ở về mé tây kia với một dãy bụi tre ở bên bờ nước nọ, trước thì cái bình hồ, sau thì cái gác chuông, nhìn còn y-nhiên như cũ, tôi chợt trông thấy cảnh mà tôi sức nhớ đến người, túng-sử tôi có cái ruột gan như đá như sắt, cũng đến phải mềm ra. Nói thôi gạt lụy xuống đò, nhưng mỗi sần dằng-dặc muôn vàn khôn dứt, bèn ngâm một thiên để tả nỗi lòng như sau này:

.
Ba mươi năm cách chốn hồ Tây,
Rẽ sóng con thuyền lại tới đây.
Điện phật lâu đài nhô mặt nước,
Quần tiên cười nói vắng trên mây.
Chuông chùa Trấn vũ dồn liên tiếng,
Bóng xế Ly-cung nhạt sắc cây.
Phong-cảnh vẫn nguyên phong-cảnh cũ,
Âng-khuâng vắng những kẻ xưa ngày.

Đi đến Trấn-vũ-quán đổ bộ về nhà, hôm sau sáng sớm đã thấy bọn người nhà cụ lớn Văn cho đến đón, tôi cho bọn sai-nhân đó đi trước đưa đường. Đi qua mấy nơi dinh cũ của tiên-quân và tiên-thúc, thấy tình thấy cảnh mà thương, xuống võng ra xem, những thú hồ-sơn, vẫn y như trước, mà cỏ hoa ngày nọ đã về tay ai cả rồi! Tôi bèn ngâm bốn câu tứ-tuyệt để hoài-cổ rằng:

.
Phú quý là trò dối,
Huân-danh mới thực hay.
Chỉ có cái bìa miệng,
Để tiếng mãi sau này.

Lại đi được độ một cung đất thì đến dinh Quốc-sư, lính vào bẩm quan cụ cho con là Thiêm-binh-quan ra rước tôi vào nhà khách, rồi mời vào phòng chỗ phu-nhân nằm để coi mạch. Xem xong ra nhà ngoại-sảnh yết-kiến cụ Quốc-sư, tôi kể cả căn-nguyên bệnh chứng hầu cụ-lớn, điều nào cụ-lớn cũng bằng lòng rồi hậu tiến cho tôi về.

Chương thứ XII. Nhân đi chữa thuốc qua miền cổ-hương

Lại một hôm quan Thự-trấn An-quảng đến chỗ trọ tôi để mời tôi về làng thăm bệnh cho bà cố. Nguyên ông chơi với tôi thân lắm, ông mắc một cố-tật, nên không về Kinh được, đã mấy thứ cho mời tôi, nhưng tôi đang mắc dở phải cố sức chữa cái bệnh sản-hoạn cho người cháu dâu tôi ở Kinh; tôi đã thú thực với ông, nên ông cũng không cho mời nữa. Đến nay cái bệnh của người cháu dâu tôi đã thành thể nguy không dậy được nữa rồi, tôi mới giao cho người học trò trông coi thuốc thang hộ, rồi báo tin cho ông, vì bấy giờ ông có việc công về Kinh, còn ở lại vài tháng mới hồi-trấn. Ông mừng lắm, vội-vàng đến mời tôi ngay, tôi nói: “Đi thì đi, nhưng vương có một việc không biết có xong không.” Quan Thự-trấn giật mình hỏi có việc gì? Tôi nói: “Quan Chánh-đường vẫn thường dặn tôi không được đi đâu xa. Tôi về Kinh đã năm tháng nay, đường về cổ-hương chỉ có nửa ngày mà không được về thăm, phương-chi thử-hành vừa đi vừa về đường xa đến bốn năm ngày. Vậy ông phải đến quan Chánh-đường nói dối có việc cấp, van-vì nài kêu xem có được chăng.” Ông bèn từ tôi ra đi, giờ lâu trở lại, xem ra hớn-hở vui-mừng mà bảo tôi rằng: “Xong rồi, cụ lớn chỉ cho có bốn ngày cả khứ-hồi. Mời cụ sắp-sửa hành-lý ngay đi. Tôi đã cho người em tông-đệ đưa lính bản-dinh đi hầu đứng đợi ở ngoài cửa kia rồi”. Tôi bèn dặn người nhà và học-trò giữ nhà, rồi tôi cáo biệt với ông mà đặng-trình. Sang đò Nhị-hà, đến bến Bát-tràng, trời đã tối mịt, khó đi lắm. Sang canh hai đến làng Kinh-ky, xem chừng lính tráng đều mỏi-mệt, tôi cho nằm đỗ lại, sáng sớm mai lại đi. Trưa đến Nha-thôn, trông ra chợt thấy có sự đáng ngậm-ngùi, hình như một nơi mà mình đã am-thuộc từ bao giờ rồi. Tôi mới truyền bọn hành-nhân nghỉ lại. Tôi trông gậy ra du-lãm xung-quanh, nhận ra thì dân làng vẫn y như cũ; trước ngay ở đó có một cái vọng lâu, trước vọng-lâu có một cái u đất to là chỗ đại quân đóng đồn. Đi qua cái cầu bắc ngang con ngòi, đến một cái đống cao, dựa ngay lên đầu cầu có một con đường đại-lộ nằm ngang là cái chân lũy cũ còn lại. Tôi hỏi các ông cố-lão cũng đều nói như thế cả. Nguyên lúc trước giặc Tàu sang làm loạn, ông thân-hữu tôi phụng-mệnh đi đồng-nhung mà đóng quân ở chỗ này. Đang đêm giặc Tàu kéo đến vây thành, ông thân-hữu tôi nghĩ rằng quân giặc vừa đông vừa mạnh, quân ta thì vừa ít lại vừa yếu, nay giặc nó ở xa mới đến chưa yên sở, thì cái thế bên lao bên dật còn dễ, ta phải đánh vội ngay đi, nếu để trì-hoãn thì chúng với quả khác nhau, chỉ thêm rối-loạn mà khó địch nổi với nó. Ông bèn phân quân ra bốn ngả, đương khi trời tối-tăm đánh ập vào, hai bên hỗn-chiến, cái số chết với bị thương không biết đâu mà kể. Tôi còn nhớ ở đây là những cánh đồng bỏ cỏ cả mà nay chùa-miếu huy-hoàng, tiếng gà kêu chó cắn râm-ran trong làng, tiếng hát của những anh cày chị cấy véo-von khắp tứ phía; ấy sao mà hồi-phục chóng thế? Tuy vậy tôi cũng lại còn nhớ đến cái làng cổ hương của tôi kia nữa, binh-hỏa hai mươi năm trời, cảnh-vật điêu-tàn, nhân-dân ly-tán, nghe đâu bây giờ cũng đã trù-mật hơn trước rồi. Ôi! một mình tôi đây mà mỗi cảm-tình chan-chứa dường bao! Bèn ngâm một bài để tự hoài rằng:

Hồng-châu nhớ tự thừa binh-qua,
Máu lự thành này khách với ta.
Đầu lâu đà kín mờ thanh-chủng,
Chân lũy còn tro bãi bạch-sa.
Đêm vắng ào-ào hồn quỷ-khốc,
Ngày đi réo-rất tiếng nông ca.
Một cõi cổ-hương hồi-phục cả,

Làng Văn kia chính cõi nhà ta.

Hôm ấy đi suốt đêm, canh tư đến dinh quan Thự-trấn Hàn-giang, tôi còn nghỉ tạm bên ngoài, sáng ngày ra mới vào trong dinh xem mạch. Tôi nghĩ chỗ thân-tình, khi cáo-biệt xin vào làm lễ tạ tôn-phu-nhân là vợ quý Thự-trấn Hưng-hóa. Phu-nhân từ không nghe, và muốn giữ tôi ở lại chơi. Tôi nói: “Thử-hành đi có nhật-hạn, nên không dám lưu lại”. Bèn hậu-tặng cho tôi về; tôi từ-biệt đi ra, lại gặp ông em tùng-đệ quan Thự-trấn Hưng-hóa, trước ông ở Vĩnh-dinh có biết tôi; gặp nhau ông mừng lắm, dắt về nhà nhất-định không cho đi. Ngủ lại một đêm, trò-chuyện hàn-huyên, sáng mai tôi giã ông để hồi Kinh, tôi bảo bọn hành-nhân rằng: “Bữa nọ ta phải đi suốt ngày đêm là sợ có triệu-mệnh chẳng, nay trở về cho vừa đi vừa nghỉ-ngơi thông-thả.” Chúng nghe lời mừng lắm. Thong-dong kéo nhau đi hơn hai ngày về đến nhà trọ tôi. Quan An-quảng nghe tin đến hỏi. Tôi nói: “Mạch tôn-phu-nhân hòa-bình dễ chữa, Quận-hầu đừng lo.” Ông mừng lắm, bảo tôi rằng: “Toàn-gia tôi nhờ cả ở bác, nếu cố tôi được chóng khỏi thì dầu nghìn vàng cũng không phụ, tôi xin hết lòng hết sức để báo cái ơn tri-ngộ với bác.” Đàm tiếu với nhau một chốc thì ông ra về.

Chương thứ XIII. Một nhà Nữ-thi-sĩ ở Thăng-long

(Tiếp chương thứ VIII)

Hôm ấy tôi đến chơi nhà Đặng Tiểu-thư, thấy ở trong cháp cô có một quyển Quốc-âm thi-tập, xem ra thì là ba-mươi bài *Cung oán*. Tôi hỏi: “Ai làm những bài thơ này?” Cô nói: “Quan Tiên-ninh soạn ra đó.” Tôi nói: “Cô cháu xem ra thế nào?” Tiểu-thư nói: “Thơ này từ-điệu thanh-kỳ, nhưng nhiều những khổ-tứ lăm, chưa được tài.” Tôi nói: “Cô cháu nói phải, thơ quý ở ý, ý quý ở xa, để cho người ta phải nghĩ mới tới, chứ không toàn ở lời, thế mới là thượng-cách trong nghề làm thơ.” Tiểu-thư nói: “Thế mà ở trong Kinh này nhiều người truyền-tả, đã tuyền vào trong Nhạc-phủ rồi. Xin bác nghĩ một bài rõ tình-tứ hơn, chớ không để họ tranh tiên ta được. Nên chăng?” Tôi cười mà rằng: “Cũng vị-tất, nói thì dễ mà làm thì khó. Cô cháu xứng trước đi rồi chú sẽ họa sau.” Tiểu-thư vâng lời, xứng trước một bài. Tôi nói: “Thơ của cháu gái chú thật là hào-tứ thiên-nhiên không hổ làm một người con nhà thi-gia.” Nhưng tiếc cho cái bài của Tiểu-thư, sau rồi tôi đánh rơi mất, nên không chép vào đây. Tôi cũng họa một bài ngay bấy giờ rằng:

Sáu cung thăm-thăm lộn ngày nhàn,
Một tiếng cầm ve nhật lại khoan.
Mây ruổi chẳng kinh vàng nhật xế,
Xuân về thêm tiếc cánh hoa tàn.
Xiêm nghê luống vóc quên đường nhạc,
Khúc phượng ngừng tay lần dịp đàn.
Tự nghĩ Thượng-dương mai với tuyết,
Rạng còn mảng-tượng vẽ long-nhan.

Tiểu-thư nói: “Thơ của bác, ý tại ngôn-ngoại, đáng làm mô-phạm cho nhà thi-học, ngày còn thầy con, con vẫn thấy nói, ra có thể thật.” Tôi nói: “Chú ngồi đây, không được trông thấy anh chú, chú cũng đủ hả cái lòng vĩnh-biệt.” Tôi lại nói: “Lúc còn mồ-ma ông tiên-huynh tôi, ông chán sự thịnh-mãn muốn bỏ quan về làm ruộng, cho được ưu-du nơi toàn-thạch mà nhàn-dưỡng tuổi trời, ông có bảo chú làm mấy bài thơ, chú xin đọc để cô cháu bình-duyet cả lại xem.” Tôi mới đọc cho cô xem như sau này.

Một bài “thất-ngôn luật”:

Cởi mũ thâm ra dận dếp rừa,
Gươm đàn quấy thẳng néo vườn xưa.
Anh-hùng gánh nước dẫm rau cỏ,
Khoáng-sĩ câu trăng cuộc gió mưa.
Mời rượu trắng lông bên mặt nước,
Họa đàn hoa nở trước song thưa.
Chiều hôm tiếng địch chặn trâu thối,
Văng-vẳng đầu non dạo vó lừa.

Bốn bài “ngũ-ngôn luật”:

I
[]

.
Được nhàn là đủ thỏa,
Bất-tất suốt rừng dâu.
Tồn ích suy lời *Dịch*,
Tâm-thân ngấm lẽ màu.
Xem chim truyền trại rậm,
Thưởng cá lượn ao sâu.
Khách vào không tiếp truyện,
Thối sáo trả lời nhau.

II

.
Gần nay các cao-sĩ,
Đều chuộng sự thanh-nhàn.
Rượu hả cúc Bành-Trạch,
Cuộc đối cờ Tạ-An.
Thế-sự xem rửa-rửa,
Nhân-tình nghĩ dờ-dang.
Vong-cơ cười khúc-khích,
Âu-lộ bãi thênh-thang.

III

.
Sĩ mỗi người mỗi chí,

Tâm nhàn là thân vinh.
Vân-chương thiên-cổ trọng,
Khứ-tự nhất-thân khinh.
Rượu ngon bên cảnh đẹp,
Đàn ngọt dưới trăng thanh.
Mới hay thú u-dật,
Tránh khỏi thế-gian danh.

IV

Bốn mùa chơi bốn cảnh,
Thi-tử suốt năm giòng.
Mai nhật-thư gói nguyệt,
Sen man-mát giải nồng.
Ngạt-ngào hương khóm cúc,
Xoang xoảng gió cành thông.
Còn những chiều thanh-vắng,
Ngự ca tiếng nã-nùng.

Tiểu-thư xem rồi nói: “Thưa bác, Bác ở trong chốn Vân-hương đã lâu, trong bụng chứa-chan những cái khí-vị yên-hà, nên phát-lộ ra được những lời thanh-dật, tốt-tươi thú-vị. Thương thay cho phụ-thân con ở dưới cửu-toàn, có biết hay không?” Bấy giờ hai chú cháu chúng tôi đang bình duyệt từng bài từng vận với nhau, chợt thấy một tên gia-đồng của tôi đến báo có người nhà quan Vũ-hiến phó đưa một phong thư đến ở nơi nhà trọ. Tôi cho về lấy đem lại, xem ra thì là một bài thơ tặng tôi, tôi đưa cho tiểu-thư mà rằng: “Cô cháu thử xem xem.” Cô xem rồi nói: “Thơ này phóng-dật mà mềm-mại, thật là một tay lão-luyện.” Tôi nói: “Ông này là một người danh-nho ở Hoan-châu, thơ hay lắm. Vì có cậu tư con ông mới đỗ tân-khoa Tạo-sĩ, ông vào Kinh chơi đợi đón con về vinh-qui. Ông vốn có cựu-tình với quan Chánh-đường, mỗi bận tôi đến yết quan Chánh-đường thường cùng ông tiếp chuyện cậu Quận-hầu, bởi vậy ông gửi cho tôi bài thơ này.” Tôi bảo tiểu-thư rằng: “Cái kế qui-sơn tôi vẫn nhờ Quận-hầu giúp cho mà chữa xong. Nay ta cứ nhân nguyên-vận của bài thơ này mà họa ra một bài gửi đến.” Tôi bèn ngâm rằng:

Nước mây bao trở lại quê mình,
Gậy trúc đi ra khỏi đế-thành.
Phòng cũ năm canh ngâm-ngợi nguyệt,
Mộng thường muôn dặm thở than tình...

Tôi vừa ngâm được bốn câu thì bảo tiểu-thư rằng: “Chú bỗng sức nghĩ đến cái thú vân-yên mà nay phải lận-đận nơi nghịch-lữ thế này, thành ra không còn nghĩ được một chữ nào nữa, nhờ chú gái chú cứ theo

vận này làm nốt bốn câu nữa cho thành một bài thơ hộ chú.” Tiểu-thư trước còn giữ lễ từ chối, sau mới đọc nổi lên rằng:

Phương-tiện đưa người qua hiểm-trở,
Bao-hàm đem đức sánh Khôn-trinh.
Thiên tràng địa cửu còn ghi nghĩa,
Kết cỏ khôn đem tỏ tấc thành.

Tôi nói: “Thơ cô cháu làm lời-lẽ thật là tương-tiếp lắm.” Bèn cho vào phong-bì gửi lại đệ-trình Quận-hầu xem sao.

Chương thứ XIV. Nghĩa cũ tình ghi

Hôm ấy có hai bà sư già đến chỗ nhà trọ tôi nói rằng: “Chùa Huê-cầu có đúc một quả chuông to, công-quả lớn-lao, vậy đến khuyến-hóa ngài đây.” Một bà thì nói là sư trụ-trì chùa Yên-tử, một bà thì nói là con gái quan Sơn-nam Tả-thừa-tư người làng Huê-cầu. Tôi nghe nói giật mình kinh-ngạc, mời vào nhà ngoại-sảnh, khẽ hỏi thăm một sư cô đi theo hầu, nghiệm ra thì có một bà sư già đích là người tiểu-nhân của tôi trước, tôi tự nghĩ thầm trong bụng rằng: Người này không biết mình mà cố-ý đến đây thật là lạ quá, ta thử nói tính-danh ta ra để xem cái ý họ thế nào là tự biết. Tôi mới nói: “Tôi là người ở Liêu-xá, chạy loạn vào ở mẫu-quản Hương-sơn xứ Hoan-châu, chẳng may bị chiếu vời vào Kinh đây, chốn lữ-ngụ này tiêu-điều lắm, tuy có bụng hăng-tâm cũng không sao được.” Bấy giờ chỉ có bà sư-già chùa Huê-cầu có ý thẹn-thò lắm! Bảo bà sư già chùa Yên-tử rằng: “Chúng ta đi ra thôi.” Tôi giữ lại không chịu ở. Tôi mới đưa ít tiền ra cúng và hỏi rằng: “Hai sư già sẽ nghỉ ở đâu?” Hai bà nói: “Chúng tôi chưa định ở đâu.” Rồi cáo-biệt mà đi ra. Tôi vội gọi một tên người nhà lanh-lợi cho đi theo và dặn rằng: “Anh đi đến chỗ các bà ấy trọ rồi liệu hỏi những người ở bên xem rằng các bà ấy đến từ bao giờ, còn ở lại đây mấy ngày, nhưng phải kín đừng để cho các bà ấy biết.” Tên người nhà vâng lời ra đi, độ hai giờ trở về nói rằng: “Hai bà sư già ấy trọ ở chùa Liên-tôn mới đến đây được mấy ngày, còn ở Kinh khuyến-hóa lâu.” Ngày mai tôi gọi một người học-trò tôi tên là ông Tài đến mà bảo rằng: “Tôi có một việc này lạ lắm, ông phải hết sức giúp tôi.” Y nói: “Cần-lao là cái phận sự của kẻ đệ-tử, con đâu dám từ-nan.” Tôi mới nói với y rằng: “Lúc tôi còn nhỏ có giạm một cô con gái con quan tiền Thừa-tư tham-chính đã đi được lễ giạm và lễ ăn hỏi. Sau vì trở-sự, tôi phải từ-hôn vào ở trong Hương-sơn, được đến sáu bảy năm sau, tôi về Kinh nghe nói quan Thừa đã từ-lộ rồi, còn cô con gái ấy đến nay tôi lấy làm lạ lắm. Lúc đó tôi hỏi thăm có người nói chuyện rằng cô ta người kỳ-quái quá, nghe đâu trước có một cậu công-tử đến cầu-thân, đã đủ lục-lễ rồi, sau lại bất-hài. Cô nói rằng: “Đã có người giạm là mình có chồng rồi, vô-duyên mà chồng bỏ còn mặt nào mà lại đi hai lần đò.” Cô bèn phát-thệ chung-thân không lấy ai nữa. Tôi nghe nói tâm-thần kinh-loạn tự than thân rằng: Mình mưu-sự bất-cần, hữu-thủy vô-chung, để cho ai phải hàm-hận, thời cái tội hạnh-bạc kia theo mãi với tình, khư-khư mình buộc lấy mình vào trong, mà bao giờ gỡ khỏi.– Tôi bèn chạy về làng Huê-cầu hỏi thăm khắp cả, trong mười người làng thì đến bảy tám người nói y như cậu chuyện trước. Lại có người nói: Khi ông thân-phụ cô tạ-thế, người anh ép gả cô cho một chàng sinh-đồ ở trong làng để lấy tiền làm-ma, nhưng cô không nghe. Có người thì nói trò nhà quan khi thất-thế, cao không đến thấp không thông, vì thế phải ở vậy đến giờ. Tôi nghe chuyện trong lòng mới khoan-thai, rồi lại về Hoan-châu, nay gặp nhau đây, thấy bà cô khổ như thế, bất-luận cái tình có thể hay không, nhưng chả qua cũng là vì tôi mà xui nên, vi-kim chi-kế, chỉ có một cách là tôi xin bảo-dưỡng cho trọn tuổi trời, mới chuộc được cái tiền-khiên ấy của tôi. Nhưng nay tôi còn ở Kinh này thì phụng-dưỡng chu-cấp cũng dễ, nếu khi được cáo về cố-sơn, đường trường cách-trở, thì tư-trợ thế nào được nữa. Ví bà bằng lòng về Hoan-châu với tôi, trong lâm-viên nhà tôi có một nơi cũng u-tịch, có một mái già-lam của ông anh tôi dựng cũng đủ cung dầu hương, còn hè đông ấm lạnh thì xin ở tôi cả, như thế là để báo cái cao-tiết của bà, một là để chuộc cái tội-lỗi của tôi. Ông hỏi cái chuyện trước, rồi trần-tình với bà một lượt để xem bà có nghe không, cho tôi sẽ liệu. Tôi lại cho mang ít quà đến làm tin.” Ông Tài vâng lời đi, đến chiều hôm về nói rằng: “Tôi đến chùa Liên-tôn thừa-gián nói chuyện, bà xụt-xùi mà trả lời rằng: “Cám ơn quan có lòng tốt, tôi mà không gặp được người lương-nhân, phải cô-khổ một đời thế này, cũng là bởi cái số-mệnh của tôi, chứ có dám oán-trách chi ai, cái thân tàn này có tiếc gì. Chỉ nghĩ rằng trông trước trông sau không còn có ai là thân-thích, phần mộ của Tiên-nhân lấy ai coi giữ, có lẽ tìm đường ẩn nọ lấy một mình mà xa lánh nơi quê người đất khách hay sao? Xin ông về nói với quan cho rằng tôi tuy chưa chịu cái ơn rộng của ngài mà được đội một tấm lương-tâm của ngài như thế, cũng đủ an-ủi cho cái cảnh linh-lạc của tôi vậy.” Tôi nghe nói thương-hại thay cho bà không biết là chừng nào! Nhân giải lòng một bài rằng:

·
Vô-tâm mà hóa lữ người ta,
Trông mặt nhau nay những xót-xa.
Cảm-tình cười gượng rơi hàng lệ,
Bừng mắt trông mờ thấy bóng hoa.
Kiếp này hãy kết tình huynh-muội,
Kiếp khác xin hoàn nghĩa thất-gia.
Ai nữ phụ ai ai nữ phụ,
Vì đâu nên nỗi biết sao mà.

Từ đó thường đi lại hỏi-han nhau, bà có nói rằng trong Nghệ có nhiều những cỗ thọ-đường tốt, bà muốn dùng một cỗ, tôi cho đi dò-la ngay, nhưng chưa mua được. Lúc tôi được tha về, tôi có gửi một người tin của tôi nắm quan cỗ-tiền, để giạm mua hộ một cỗ thọ-đường tặng cho bà; thôi đó là việc còn về sau không cần nói nữa.

Chương thứ XV. Cảnh lễ-huống ở trong Kinh

(Tiếp chương thứ V)

Nói về một đêm kia vừa mới được rảnh việc, tôi đặt một tiệc rượu để cộng-âm với bọn môn-nhân, lúc đó giữa trời một vầng trăng sáng như bạc, hoa cỏ trước sân thì hạt sương dúi nặng, hương đưa ngạt-ngào, tôi tuy không hay rượu, nhưng cũng uống mấy chén để trợ-hứng, rượu đã ngà-ngà tôi xuất đề ngay một bài rằng: “Thu nguyệt dạ ẩm thuật hoài” lấy vần ngân, để cùng các môn-nhân làm chơi. Tôi xướng trước lên rằng:

Một tấm trăng treo sắc trắng ngần,
Thêm cho thế-giới vẻ thanh-tân.
Trong chén bóng in cây ngọc-quế,
Khi say thơm đấm cả toàn-thân.
Cùng nhìn nhau ở ngoài nghìn dặm,
Cùng chúc nhau nên cạn một tuần.
Này cuộc lễ-hoài tuy lão-thảo,
Mà giai-hứng cũng động thi-thần.
Bọn môn-nhân lúc ấy cũng có mấy bài nhưng không đáng lục vào đây.
Tôi lúc bấy giờ cảnh giục lòng thơ, thơ làm mối rượu, hứng-hoài phơ-phới, lại ngâm lên rằng:

Hiu-hắt gió thu hơi lạnh giá,
Văng-vặc trăng thu vẻ trắng ngần.
Trong tiệc chén vàng đang thẳng-thường,
Giữa trời thỏ ngọc nhớ đồng-quần.
Say kể lan-man tình cố-cựu,
Thơ dùng nhan-nhân chữ thanh-tân.
Lâm-toàn kia với nơi thành-thị,
Đáo-xứ đâu mà chẳng có xuân.
Tôi bảo người nhà rằng: “Chỉ cho nói những chuyện trong Kinh này mà thôi, còn không ai được rì rằng đến một câu nào về cảnh-vật chốn gia-sơn để ngăn-trở cái cao-hứng của ta nhé!” Đến mãi gần sáng mới đi ngủ. Có một ngày quan Vũ Hiến-phó thấy viên tân-khoa Tạo-sĩ chưa được phụng-lệ bán hứa vinh-qui, còn phải lưu lại ở trong Kinh chờ đợi, ông lại nhớ nhà nên ông sai người dọn-dẹp hành-trang để về trước, ông đưa cho tôi hai bài thơ và lời rằng:

“Đệ định đến mồng hai sang tháng thì cả nhà dọn về nơi biệt-nghịệp, nhân đang đêm gió vàng hiu-hắt, sột-sạt lá ba-tiêu, đệ chợt nghe thấy tiếng thu-thanh mà động lòng nhớ mùi thuần-hức, u-hoài nhường ấy, đệ biết ngộ cùng ai, nhân có vài bài thơ quê-mùa để tặng nhau sau này:

I

Từ tôi với bác biết nhau,
Giao-tình nào phải ai đâu mà rằng.
Đào Chu kia cũng chẳng bằng,
Họa là Quán Pháo có chẳng sánh tầy.
Tiếc tài lão-luyện đường này,
Nữ đem bắt-chước những bầy thiếu-niên.
Ngày xưa Quách Lý cùng thuyền,
Mà trong xuất-xử người thiên mỗi đường.
Đạo-đồng mà chí ngổn-ngang,
Chỉ thêm cho kẻ thế-gian chê cười.
Sẵn trà mời bác cứ xơi,
Sẵn đàn mời bác dạo chơi cần gì.
Mộng trần chẳng nghĩ làm chi,
Bao nhiêu thế-sự quăng đi ra ngoài.
Vô-vo sáo thổi lưng trời,
Con chim réo-rắt gọi loài đồng-thanh.
Khói mây sững mắt cho mình,
Cung cầm chén rượu thích tình tiêu-dao.
Xưa nay ai kém ai nào,
Tiếng thơm còn một cụ Đào Nguyên-Minh.

II

Bác xưa đã kết với bấy nai,
Nay bỗng đem thân lụy việc đời.
Mấy hàng trúc đã vây nhà cũ,
Một vệt mây còn vương suối ngoài.
Cương-tỏa thử đem xem những kẻ,
Rừng khe luống những then thay ai.
Chong-chóng trở về nơi biệt-nghịệp,
Hoa kia cỏ nọ đủ vui hoài.

“*Khế-đệ Lộc-nam-dật-tẩu , tự là Dĩ-phác báí-thượng.*”

Tôi xem thơ ngâm đi ngâm lại, buồn-bực không biết làm thế nào, tự nghĩ mình đã không còn bụng lợi-danh mà cứ ở mãi trong vòng cương-tỏa, để cho chúng bạn người ta chê cười, mình sở-ngộ như thế có tức không. Tôi mới đưa cả hai bài thơ ấy đến cho Quận-hầu xem, để Quận biế cho cái cảnh linh-lạc của tôi. Thôi không nói đến việc ấy nữa.

Nói về bóng quang-âm thấm-thoắt đã đến tết trung-thu rồi, trong kinh-thành nhà nào cũng sắp-sửa cỗ bàn yến tiệc, ai ai cùng sửa-soạn đồ đào-đỏ để đi thặng-du, tôi nghĩ rằng mình trọ ở nhà người ta, dầu có một vài lưng cũng không phải nơi cung-cấp, tôi mới cho bảo người thân-điệt là kếp Hào, nhà ở bên chùa Sứ-quán làm hộ tôi mấy mâm cỗ. Đến chiều tối hôm ấy tôi đến nhà kếp Hào dọn giường thờ, lên đèn hương để cáo với gia-tiên, rồi cho mời những người sở-thân, và những người mới nhập-học, tất cả hơn 20 người dự tiệc. Khi đang uống rượu tôi cũng phóng-hoài mà xướng ấ, bất-giác lòng thơ phơ-phới, bèn mạnh-đề rằng: “Trung-thu dạ-ấ thuật-hoài.” Tôi xướng trước rằng:

Đèn sáng trăng trong khắp đế-thành,
Kim-ngô chẳng cấm khách du-hành.
Sĩ-nữ giọng chơi đi lũ lượt,
Lâu-đài đàn hát suốt chung quanh.
Chè-chén có gì nơi quán khách,
Bạn-bè đông đủ thỏa lòng mình.
Gió thu đừng thổi canh khuya nữa,
Nghìn dặm người thêm nghìn dặm tình.

Tôi ngâm rồi bảo những người trong tiệc ai biết làm thơ thì họa lại, chúng đều vâng lời cầm bút ấ-ấ-ấ, một lát trắng xế mà một nửa chữ cũng không nảy ra được, hỏi thì nói lảng đi việc khác, có người thì chỉ

thở dài mà thôi, tôi cũng phải bật cười rầm lên, lại ngâm một đoản-luật nữa rằng:

.
Tha hương còn lặn-đạn,
Cổ-quốc chữa về đi.
Đêm nay gặp giai-tiết,
Nghiêng bầu đáp cố-tri.
Đèn ai nghìn vạn ngọn,
Soi tở mấy câu thi.
Đã say không muốn tỉnh,
Tỉnh lại như thẳng si.

Bấy giờ canh tàn tiệc mãn, chúng đều say quay ra ngủ cả, còn một mình tôi không sao chợp đi được, tựa-hồ có nghĩ-ngợi điều gì, đứng dậy ra cửa chùa đi nhàn-bộ, rồi làm mấy bài đoản-luật để cho đỡ buồn như sau này:

I

.
Trăng lặn đèn tàn người vắng-ngắt,
Mình còn chệnh-choáng chữa đi năm.
Bạn cười mình chỉ nhớ nhà hãn,
Chắc thế nhưng mà chẳng thế chẳng?

II

.
Trống lâu giục-giã đồng-hồ cạn,
Đi đứng loanh-quanh vẫn chữa năm.
Khách đến khuyên mình “an sở-ngộ”,
Khi nghe hiểu chuyện khách buồn chẳng.

III

.
Đứng chẵn sân chùa trông bóng nguyệt,

Gượng vào đi ngủ chẳng yên nằm.
Có người khuyên tớ nhàn vô-ích,
Nếu đến vân-hương cũng rửa chằng?

Đến sáng ngày ra tôi về nhà trọ viết đủ các bài ấy rồi đưa đến cho Quận-hầu xem để ông thấy cái tình-huống của tôi như thế, thương đến tôi, biết không ép được tôi, cố vật-nài với phụ-thân xin đồng-dạt lên mà buông tha cho tôi về.

Lúc đó có một ông bạn khuyên tôi cứ trốn về, cần gì phải van-vỉ mãi cho khổ, tôi cũng vâng, nhưng lại thưa rằng: “Người ta là một vị đương-quốc đại-thần, ví tôi có trốn về rồi người ta phát một mảnh giấy cho quan bản-trấn tìm bắt tôi thì có khó gì. Cho nên tôi bất-đắc-bất-ủy-khúc theo người ta vậy.” Bạn cũng gật đầu cho là phải.

Một ngày kia Quận-hầu mới dựng một nơi đình-tạ nhà ngoài, phòng khách đủ cả. Cậu xin tôi mấy đôi câu đối, ý cậu muốn làm cho ra lối phiến-hoa mà tôi thì quen cái khí-vị yên-hà thanh-dạt đi rồi, may sao có quan Thự-trấn Lạng-sơn nhân việc khâm-mạng về Kinh dụ-tế, tiện dịp ông đến chơi với tôi, tôi nhờ ông làm hộ, thời ông anh tôi nhận lời ngay, vài hôm sau ông cho người đưa đến:

I
Dán nhà thủy tạ:

,
,
Bên chiện thả mỗi câu, chẳng phải Xuân-sơn mà dật-khách.
Đầu cầu cầm quyển đọc, cứ gì Di-thượng có tiên-ông
(Còn năm đôi nữa lược đi).

II
Dán nhà khách:

,
,
Nhà sẵn có thầy, này thao-lược, này điển-mô, chông-chất mấy gian kinh sách.
Ngày vui với bạn, nào cầm thư, nào cung kiếm, ra vào chậ cửa cân đai.
(Còn mười chín đôi nữa lược đi).

Tôi tiếp được mấy đôi câu đối mừng lắm, cho ngay vào tay áo mà đến nhà Quận-hầu chơi, cậu xem rồi khen-ngợi mãi mà rằng: “Chữ nào cũng thanh-tân, thực là phun châu nhả ngọc, cái cầm-tâm tú-khẩu của cụ, ít ai kịp được.” Tôi cười rằng: “Không phải tôi đâu, Quận-hầu cứ xét cái văn-tử thì hiểu ngay không sai.” Quận-hầu gật mình mà rằng: “Thế thì lại còn ai?” Tôi nói: “Đó là ông đường-huynh tôi đấy.” Quận-hầu nói: “Nay ông ấy làm quan chức gì?” Tôi nói: “Chức trấn Lạng-sơn, sau được trừu-hồi phụng-thị, ở nhà rồi chỉ dạy học mà thôi.” Quận-hầu nói: “Nhác xem cái anh-hoa thì đủ biết cái tài-bộ là dường nào. Hiện nay Thánh-thượng đang cần việc dụng-nhân, gia-quân tôi đã phụng-chỉ được cử-thố hiền-năng, thì việc này dễ lắm.” Tôi nói: “Anh tôi tự nghĩ tuổi đã già, chỉ cầu lấy nhàn, mà không muốn ra nữa, đó thực là bản-nguyện của anh tôi, chứ có phải là lấy thế làm yên-trệ gì đâu.” – Sau anh tôi lại chơi hỏi đến việc những đôi câu đối ấy, tôi cũng nói thực thế. Ông nghe nói ân-hận lắm, bảo tôi rằng: “Nhà mình là cái nhà lũy-thế khoa-giáp, phụng lời bảo-huấn của tiên-nhân để lại, lấy việc su-viêm phụ-nhiệm là xỉ. Lúc đó tôi thừa-hứng chỉ định làm thay cho ông thôi, ai ngờ dục xảo phản chuyết, thành ra cầu cho người ta biết đến mình, mang tiếng tôi mãi-lộng tài-danh, để chực tiến-dụng.” Tôi nghĩ lại cũng biết là lỗi tại mình, chỉ xin lỗi là thô-suất mà thôi, không còn làm thế nào nữa.

Chương thứ XVI. Về thăm cố-hương

Một hôm ông anh tôi nói với những bà con họ-hàng ở trong Kinh bàn nhau cải-táng một ngôi tiên-phần [còn] lại, định ngày rồi báo tin cho tôi biết, tôi đến xin phép quan Chánh -đường để về quê, ông nghi tôi cáo-biệt rồi về luôn Hoan-châu chẳng, cho nên tôi đến mấy bận mà không cho dàn mặt, tôi tiêu-tụy lắm không biết làm thế nào. Quận-hầu bảo tôi cứ vào trong phủ mà chào, tôi vào trong phủ đến Hậu-mã-trú-sở ngồi đợi nửa ngày mới thấy ông ở trong Cấm ra, tôi kể đầu kể đuôi ông cũng không nghe. Tôi nói: “Tôi khứ gia-hương, li phần-mộ 20 năm nay, nghèo khó không lấy gì về thăm viếng, nay đội ân chiếu-mệnh, được trở lại kinh-thành đã quá nửa năm trời mà chưa được về qua, cái tình kẻ nhân-tử như thế sao đành, xin cụ lớn thương cho.” Lúc đó tôi vừa nói vừa ngất, quan Chánh-đường nói: “Việc thuốc thang nay hỏi đến luôn, nếu có chiếu-mệnh thì làm thế nào được?” Tôi nói: “Từ làng tôi đến kinh đô có nửa ngày đường, nếu có việc gì khẩn, thì khứ-hồi chỉ trong một ngày mà thôi, có ngại gì.” Ông nói: “Ông phải làm *khải* nói có việc cải-thổ xin phép 15 ngày về quê, lại ra kinh phụng-thị thang-dược.” Tôi xin một tháng. Ông nói: “Như thế có thu-xếp việc nhà, thăm hỏi bà con cũng đủ rồi.” Tôi cứ cố nài mãi, ông lại cho thêm 5 ngày nữa. Tôi biết thế không cưỡng được, bèn làm *khải* đệ vào rồi tạ-biệt ông mà về nhà trọ, mừng không biết là chừng nào, mới đi sắp sửa đồ hành-lý, mượn thêm mấy người lính đi tùy-hành, còn 5 người lính tiền-dũng thì để coi nhà. Sáng sớm ngày 16 còn trăng, chúng tôi đã đi ra cửa Ông-mạc, cửa thành chưa mở, lính canh thấy có thẻ hành-quán-phù mới mở cửa cho đi, đi đến bến Thanh-trì mới tang-tàng, tôi lên đó để sang sông. Khi ngồi trong thuyền, nỗi -niềm man-mác, nên một vài câu để tự-hoài rằng:

Ba mươi năm chẵn bước giang-hồ,
Bát-tràng bến cũ lại sang đò.
Nhị-hà đất rộng dòng man-mác,
Tam-đảo trời cao khí mịt-mù.
Nỗi cố niềm kim cang chán-ngán,
Hồn quê đất khách luống mơ-hồ.
Nay nhân chiếu mệnh về Kinh-quốc,
Vui với bà con cuộc chuyện-trò.

Thuyền đỗ bến Bát-tràng, xả-chu đặng-ngạn mà đi, suốt hai bên dọc đường làng mạc trì-thịnh, dinh chúa mái ngói đỏ san-sát, hàng quán bán nước bán rượu liên-liên nhau, tôi cứ đi bộ hơn một dặm thì cho tùng-nhân nghỉ lại, chống gậy ra du-lãm, bước đi một bước dây-dây lại dừng, sắp đến Liêu-xá là gia hương của tôi, đi qua cái cầu gạch xây, ở con sông trước làng, vào nghỉ ở trong chỗ dinh cũ của tiên-khảo tôi. Bấy giờ bác Lạng-sơn-trấn đã có cái biệt dinh ở trong làng, chỉ có bà chị dâu trưởng là vợ bác Tiên-thống-nhất-quan ở đấy để đèn hương nhà thờ, bà đã ngoài 70, tóc bác như tơ, mà tinh-thần vẫn sáng-kiện, thấy tôi bà vừa thương vừa mừng, xụt-xùi nói chuyện; trong khi lữ-thứ ấy tôi cũng lấy làm ngao-ngán vô-cùng. Sáng mai tôi ra chơi xem xung-quanh vườn để tế-nhận ra những cái cơ-chỉ này nọ, đến dưới gốc một cái cây to, biết là chỗ nhà tắm-thất của cụ tôi ngày trước, cái vườn cau bây giờ là cái chỗ nhà khách, nhà sảnh-đường; đằng sau là chỗ nhà tư-thất, bên tả là nhà bếp, bên hữu là nhà học, những cái dấu chân móng cũ, gạch ngói vụn còn có thể tìm ra được cả, đi đến một chỗ nào thì tôi lại bản-khoản một lúc, nghĩ sự đời biến-đổi mà càng thêm đau lòng về mấy câu thơ Thủ-ly. Dừng-dặng không nỡ dời chân, đến nửa giờ mới về nhà, chào

bà con họ-hàng. Đoạn rồi sửa một cái lễ một con sinh để làm lễ tại nhà thờ, người làng cũng đưa lễ đến mừng tôi, trong bọn già trẻ hơn mấy chục người, tôi chỉ biết mặt biết tên độ vài người, bèn tặng tiền lại và mời cũng uống rượu thảo bản với tôi. Từ đó có ai đến chơi với tôi thì có người phải kể cái tên cũng cơm của ông cha trước về chi-phái nào, tôi nghĩ mãi rồi mới hiểu, xót tình ly-biệt mà bất-giác òa khóc lên rằng: “Tôi từ xa cách quê-hương tính đốt tay đã 30 năm nay, về thăm thời vật đổi sao dời cả rồi, bà con đông đủ mà chẳng còn biết họ tên ai, tôi thực là một kẻ loang-toàng quá, bèn cảm hứng lên một đoản thiên rằng:

Cố hương về đến chốn,
Tình lại cảm thương hơn.
Nô chơi qua những chỗ,
Ngần ngại đứng đòi cơm,
Chùa mới cảnh cây đẹp,
Đình cũ cỏ hoa thơm,
Hỏi ông cha lũ trẻ,
Lẫn cả tên cúng cơm.

Hôm sau sắm vàng hương đi thăm tiên-phần và lễ các nhà thờ, làm lễ thần ở ngoài miếu làng, xong rồi tôi rủ các cậu công-tử là em đường-đệ ra chơi và nói chuyện ở cái cầu của làng. Nguyên làng tôi có một cái cầu đầm hình “hồ-lô”, làng có hai thôn: một thôn ở trong đầm, một thôn ở ngoài đầm, giữa bắc một cái cầu để hai thôn đi lại, trên mặt cầu dựng thành nhà, lợp ngói, hai bên cầu bắc sà, ngoài rìa đóng câu-lớn gỗ, để du-nhân nghỉ-ngơi, những đàn-bà ra bán chè rượu cùng quà bánh ở đấy. Lúc tôi còn bé thích chơi ở đấy lắm, không ngày nào không ra, cứ đến đầu mùa hạ, mưa to, nước sông lớn chảy vào mạnh, tôi thường cùng với ông Lạng-sơn-trấn là anh tôi ra đấy tắm, nào bơi, nào ngụp, đến khuya mới về; tôi còn nhớ bác Lạng-sơn có bảo tôi rằng:” Chúng ta còn bé nên chơi bời cho thỏa-thích, chẳng sau lớn đi làm quan, xa cách giang-hồ, thì còn được nô đùa gì với nhau ở đây nữa”. Thế mà nay anh tôi quả-nhiên đăng-đệ, tôi thì xa cách chốn giang-hồ, chả phải là một câu “sấm-ngũ” của trẻ con là gì? Bấy giờ tôi kể cả các chuyện cũ cho các công-tử nghe mà bất-giác lại động lòng hoài-cổ, bèn ngâm một đoản-luật rằng:

Những chỗ chơi khi nhỏ,
Nay càng ngán nỗi lòng.
Là vàng bay mấy độ,
Sóng bạc lại về trông.
Cây con nay đã cối,
Cầu cũ vẫn hình cong.

Giục người ngày tháng chóng,

Năm nọ còn ai không.

Các công-tử nói rằng: “Rò sen đỏ, đến năm nay lan khắp cả mặt hồ, hoa lá xúm-xít, hương bay ngạt-ngào khắp làng, thực là một cái diễm hiếm có, vẫn tưởng trong làng thế nào cũng có người được đăng Long-môn, nay thấy có bác phụng-chiếu về làng, ý-giả ứng vào cái diễm lành ấy đó.” Tôi cười mà rằng: “Phàm người ta xử thì bão-đạo, xuất thì trí-trạch, mới là đại-dụng, chớ như tôi là một kẻ khí-nhân, nay nhân cái việc yêu-hãnh, lấy làm thẹn lẫm, đâu dám đương vào cái diễm lớn kia được.” Các công-tử nói: “Bác đừng khinh việc thần-ứng mới được.” Rồi chúng tôi dắt nhau lên gác chuông để nhàn-vọng, các công-tử lại giục tôi làm thơ, tôi vừa đang hứng-chí liền đọc rằng:

Tiêu-diều những cảnh qua hồi loạn,

Nay đã trùng-tu đã rõ-ràng,

Giếng cổ trong veo ngâm tấm nguyệt,

Sen thơm bay mọc ứng diễm làng.

Lầu cao vang khắp tiếng chuông trống,

Thông vắng nghe ra dịp nhị đàn,

Bay mỗi chim kia nên nhớ tổ,

Lạc đàn lặn độn chốn tha-nhang,

Các công-tử cười mà rằng: “Thế ra chim bay kia đã biết mỗi rồi.” Tôi nói: “Du-tử bi cố hương, ai không bụng thể, phương chi cái cuộc truy-hoan nơi tử-lý của tôi đến nay đã là muộn rồi. Đường-thi có câu: “*Về làng sản nghiệp hết rồi, chiến-thành còn mà mấy người thân-tri.*” Thơ ấy thực trùng vào cái bệnh của ngu-huynh này đó”. Còn đang trò-chuyện, chợt nghe thất tiếng chuông lanh-lảnh. Tôi hỏi: “Tiếng chuông đâu ghẹo người làm vậy?” Các công-tử nói: “Chuông chùa Liên-xuyên đó.” Tôi nói: “Trụ trì ở đó là ai?” Các công-tử nói: “Thiền sư họ Thủy ở đó.” Tôi mừng mà rằng: “ngày xưa ngu-huynh cũng có bán-diện chi-giao với người”, bèn đi với các công-tử đến chơi. Mới đến thiền-quan đã thấy nhà sư chống gậy đứng ở bên sân Phật-đường, thấy tôi sư cụ mừng-rỡ lẫm, mời vào trong trai-phòng cùng ngồi uống nước nói chuyện, sư cụ nói ngay lên rằng: “vẫn nghe tiếng chổ cao-ngọa của ngài, nước trong núi mát, cảnh-trí rườm rà, loài viên-hạc đi từng đàn, bóng yên-hà rợp cả cửa, bần-tăng tôi vẫn muốn nhân “đầu-đà” đến đó, mà hận không biết đường.” Tôi nói: “Người được cảnh mà thêm hay, cảnh được người mà thêm thú, trong chổ viên-sơn nhà tôi cũng dễ chịu, ông anh tôi thích là nơi nhàn-tịch, có giùm một cái tiểu “già-lam” ở giữa những nơi cây rậm, ngoài cất một cái gác chuông để chiêu-mộ, thỉnh dăm ba tiếng cho sạch lòng trần.” Sư cụ nghe nói chấp ngay hai bàn tay lại mà nói to lên rằng: “Thanh-nhàn tư-vị như thế, nên đỉnh-chung cũng không đổi được lòng.” Lúc đó mặt trời đã sắp lặn, tôi toan cáo-biệt, các công-tử nói: “Chỗ kỳ-viên này tuy ở nơi thôn-quê mà cái cảnh nhàn-hoa u-thảo kia cũng đủ nên thơ sao bác lại khiết-nhiên như thế?” Tôi nói: “Xin đề một đoạn-luật ở thiền-phòng để lưu-biệt.” Sư nói: “Ngài đã có lòng cho thì còn gì quý-hóa bằng.” Liền đưa văn-phòng tứ-bảo đến tôi viết:

.
Nước mây làng tịch-mịch,
Hoa cỏ cảnh thiên-lâm.
Vô-trần lên giác-ngạn,
Bửu-vị nếm từ-tâm.
Trăng bề phô kim-tướng,
Gió thông gảy đạo-cầm.
Chuông khuya cùng trống sớm,
Dóng dả tiếng hòa âm.

Đề rồi giả sử ra về, bấy giờ gặp ngày giỗ cụ Thượng-thư là chú tôi, ông Đốc-đồng tuy đi làm quan xa đến ngày ấy cũng về. Cúng xong hôm sau quan Đốc-đồng đặt tiệc ở chùa Từ-vân cho mời tôi và với các ông công-tử đều đến dự-tiệc. Đến chiều các công-tử đem mấy bài thơ đề-vịnh của tôi ra bình-phẩm, quan Đốc-đồng thấy có bài Qui-tĩnh với bài Đề-kiều là hơn, ông cũng họa:

Họa bài Qui-tĩnh

.
Cô liêu đất danh thắng
Hào-kiệt dễ đâu hơn.
Đền thờ hiền ba vị,
Đầm uốn nước từng cơn.
Dân quen nền-nếp kiệm,
Đình mới lửa-hương thơm.
Người hay hay lắm vẻ,
Giấu gì tên cúng cơm.

Họa bài Đề -Kiều

.
Cầu này cùng đất ấy,
Qua chơi những chạnh lòng,
Vấn vũ đường đôi ngã,

Trước sau sóng nghìn trông.
Thơ bên cầu nhấm-nhấm,
Trúc đối ngọn cong-cong.
Xung quanh nhà lễ nhạc.
Mừng chẳng chỗ nào không.

Bác Lạng-trấn nói rằng: “*Câu: văn vũ đường đôi ngả, trước sau sóng nghìn trông*, khí-tượng rất là hoảng-viển, thực nên giai-họa.” Lúc ấy các cháu ngồi đông cả, ông Đốc-đồng nói: “Chúng bay còn nhỏ, không nhớ mặt cụ Quận nhà ta thì cứ trông mặt bác chúng bay đấy.” Tôi cười mà rằng: “Cụ tu-mi còn hùng-hậu nhiều, chứ tôi giống cụ thế nào được.” Các công-tử nói: “Nhìn kỹ không sai chút nào.” Chuyện-trò và uống rượu rõ say tít, đến khuya mới tan tiệc, các ông mừng cho tôi mới về quê chơi, không lấy gì làm vui, ông Đốc-đồng đưa giấy cho ông Viên-hình-quan là em rể dọn sẵn một cái thuyền rồi hẹn với ông Lạng-trấn, ông Viên-lễ-quan là em đường-đệ tôi, sắm-sửa rượu và đồ nhắm để làm cái hội đồng-chu với tôi, định phóng-chạy ra sông Hồ-lô thưởng-nguyệt, phú-thi và cứ thuận dòng nước đi chơi đến độ tuần-nhật mới về.

Đến hẹn, quan Viên-hình cho người nhà chèo hai cái thuyền đến, ông Đốc-đồng sai nhà bếp sắm-sửa để đến chiều xuống thuyền.

Chương thứ XVII. Vào chữa thuốc trong Vương-phủ

Mới quá trưa đã thấy tên dịch-mục của quan Chánh-đường đem sáu người lính bản-dinh đến, tôi giật mình hỏi có việc gì. Anh ta nói: “Chúng tôi phụng Thánh-chỉ cho tuyên-triệu ngài về, cựa lớn tôi truyền đi từ nửa đêm, đến gà gáy sang dờ, đi một mạch về đến đây, xin ngài về cho, không hoãn được nữa.” Tôi nghe nói tự-thán rằng: “Mình là thằng bị hình-dịch thật, nhưng tiếc thay ngăn-trở mất cái cao-hứng của mình, làm thế nào bây giờ?”

Lúc ấy tôi không kịp đi từ-biệt các ông kia nữa, chỉ đến chào bà chị dâu tôi rồi ngậm-ngùi đặng-trình, bệ-đạo đi, chiều đến trạm nghỉ ăn cơm xong lại đốt đuốc đi, trống hai đến bến Bát-tràng, bỗng nổi cơn sóng gió rất dữ, tôi bảo người dịch-mục rằng: “Cái đò ngang này thì nhỏ, khó lòng sang sông được, mà ví có bắt thuyền buôn thì cũng không vào được cửa phủ đâu, chúng ta hãy nghỉ lại để sáng sớm mai sẽ đi cũng vừa.” Bèn vào hàng cơm cho lính nghỉ-ngơi, gà gáy độ-hà, cuối giờ thìn tới dinh quan Chánh-đường. Tôi chỉnh-đón áo-mũ vào trong phủ, bấy giờ Thánh-thượng hạnh-túc trong Đông-cung, quan Chánh-đường thì còn nghỉ ở ngoài cung Thập-tự, tôi vào chào, quan Chánh-đường thấy tôi mừng mà cười rằng: “Sao về chóng thế?” Tôi nói: “Chúng tôi đi suốt cả đêm.” Quan Chánh-đường đuổi cả tả-hữu ra, gọi tôi lại gần, ghé tai bảo rằng: “Độ từ mười hôm nay Thánh-thượng ngự-hạnh cung Vọng-hà để xem thủy-quân đấu-chạy, nhân cảm-phong, và đã sáu, bảy năm nay ngài vẫn bị một cố-tật, nguyên khí nó suy-tồn sẵn, nên cảm một cái mà ra trầm-trọng ngay, ông phải hậu chỉ ở đây nhé.” Nói rồi vào cung, tôi ngồi đợi đến gần hôm tối, quan Chánh-đường ra bảo thăm tôi rằng: “bây giờ ngài đang lên cơn sốt âm-nhiệt, không vào được, ông ngủ lại ở đây, để sáng mai vào chào.” Tôi nói: “Tôi đi đêm sương gió, xin về nhà trọ điều-dưỡng, sáng sớm mai tôi xin vào ngay.” Được lời rồi tôi về nhà trọ sáng mai lại vào; lúc ấy bọn lính hầu khênh vồng cho tôi chạy hết sức, gặp người đi đường không kỳ sang hèn, họ cứ đánh giạt ra mà đi, đến cửa phủ tôi xuống vồng đi vào, đã thấy quan Chánh-đường đứng đợi ở dưới thềm bảo tôi đi theo sau ông, đến cửa cấm bảo tôi rằng: “Ông đãi-mệnh ở đây nhé.” Ông vào một lát thấy quan Nội-sai Thạch-trung-hầu ra truyền-mệnh đưa tôi vào, đi vừa qua một cái hành-lang độ 10 bộ lên một cái cao-đường, sau cao-đường ấy có một cái phòng rộng là nơi ngự-tắm, quan Nội-sai dắt tay áo tôi và vén trướng gấm lên, đi qua mấy lần màn trướng nữa, tới một chỗ trung-gian thấy Thánh-thượng ngồi ngự trên một cái sập thiếp vàng nuột, trên giải đệm gấm, về mé bên hữu sập ngự, có một cái ngự-sàng, quây một cái mùng cấm-sa bằng kim-tuyến. Quan Chánh-đường với quan Tham-đồng (người Việt-an) đang ngồi châu về mé bên tả sập ngự, thị-thần bấy giờ chỉ có Trạch-trung-hầu đứng thị-lập, cách ngự tọa có một cái trướng gấm mắc ngang, trong trướng nghe có tiếng người nói khẽ, ý-giả bọn cung-tần thấy có khách đến tránh vào đấy. Trước sập ngự thảp một cây sập to cắm trên cây nền đồng, bấy giờ tôi đứng im ở đằng trước sập ngự cách độ hơn 10 bước, tôi giơ tay lên trán toan lạy xuống, quan Chánh-đường truyền cho chức-miễn, Thánh-thượng trông thấy tôi, ngài ngoảnh mặt lại mà bảo quan Chánh-đường rằng: “Trông giống mặt thầy Liêu lắm.” vì thầy Liêu tức là chú tôi. Quan Chánh-đường truyền tôi đến bên sập ngự để hầu mạch, tôi lom-khom bước vào, quan Tham-đồng bảo tôi ngồi xuống, quan Chánh-đường lại bảo tôi ngồi giữa, tôi bèn đi men vào, quan Chánh-đường với quan Tham-đồng ngồi hai bên tả hữu tôi, tôi ngồi giữa, ba người ngồi liền vai nhau, sau lưng là vách phấn, vách cách sập ngự độ hơn hai thước, chúng tôi ngồi nép sát vào bên sập ngự. Thánh-thượng bèn xuống vồng ngồi lên trên đệm gấm, ngoảnh mặt về mé bên tả để tay lên chiếc gối bằng gấm, rồi ban cho quan Chánh-đường xem mạch, rồi đến tôi, xem xong đến quan Tham-đồng xem, bấy giờ tôi cách mặt ngự-tiền chỉ độ vài thước, tôi cứ phải cúi đầu xuống không dám ngẩng lên. Quan Chánh-đường bảo tôi rằng: “Sở-kiến thế nào cho cứ thực mà tâu bày.” Tôi thưa rằng: “Thần căn-án ngự-mạch về tả hữu quan-thốn đều hồng-sắc lắm mà lại huyền, còn tả-xích thì trầm-xác, hữu-xích thì tế-xác mà trọng-án đều vô-lực cả.” Ngự lại hỏi hai ông kia sở-kiến đồng-dị thế nào? Hai ông kia cùng tâu sở-kiến cũng như thế, nhưng không thấy có mạch huyền, rồi cho ra ngoài và truyền tôi phải kê phương thuốc tiến-nạp. Tôi với hai ông cùng ra ngoài cung-môn đến Thị-ky-điểm ngồi, quan Chánh-đường sẽ kể hết cái bệnh-nguyên và cái hiện-chứng cho tôi nghe và hỏi tôi về cái bệnh-thế thế nào. Tôi nghĩ trong bụng rằng hình-thế thì xấu-tước, cơ-phủ thì can-khó, tiểu-

thủy thì hoàng-trọc mà đại-tiện thì hoàn-cốc, hung-cách đầy, thỉnh-thoảng ợ hơi, lại có cơn sốt, miệng khát lưỡi nê, ho thất cả thanh đi, những chứng như thế là bởi tinh khô huyết kiệt cả, mạch lại cương-cấp, chỉ sợ cái vị-khí nó suy quá đi thôi, chứ nếu có phải tại các thầy chữa trước chưa biết tư-bổ mà không phải là tại bệnh, thì họa chẳng mới có thể vãn-hồi được. Tôi mới nói rằng: “Chưa dám quyết hay dở thế nào, hãy xin dâng một chén thuốc hễ thấy “lục-mạch” hòa-hoãn thì lại thời mới khỏi lo, hai ông giục tôi kê đơn, tôi kê rằng:

Tiểu-thần Lê Hữu-Trác căn-khải, kê ... (lược)...

Tư căn-khải.

Đến chiều hôm lại thấy quan Nội-sai Trạch-trung-hầu ra tuyên-triệu quan Chánh-đường, quan Tham-đồng và tôi vào châu mạch. Chúng tôi cũng lại xem như cách xem lần trước xong, Thánh-thượng ngự hỏi rằng: “Mạch đã hồng-sắc sao lại dùng quế phụ?” Tôi thưa: “Thần trộm xem thấy ngự-mạch vô-lực thời dầu có nóng sốt lắm cũng là giả-nhiệt, nay lại ban cho được xem lại, quả-nhiên thấy mạch-tinh là thượng-hư hạ-thực, thời bài thuốc tiến lên ấy thật là ổn-đáng.” Ngự lại hỏi: “Đã nhiệt thì sao hung-cách lại đầy mà cốc bất-hóa?” Tôi thưa: “Tôi trộm xem thấy trong phương-thư có nói rằng “hễ án-mạch thấy vô-thần là cái hỏa nó phù-du ra ngoài cơ-biểu, thời biết rằng ngoại-nhiệt mà nội-hàn, thượng-thực mà hạ-hư, cho nên thấy chứng trung-mãn và bất-hóa.” Ngự lại hỏi: “Nội-hàn sao tiểu-thủy lại hoàng-trọc?” tôi thưa: “Thần trộm xem trong Nội-kinh có nói rằng: hễ trung-khí bất-túc thời nước tiểu phải biến-sắc, chứ không cứ nội-thực mới là nhiệt.” Thánh-thượng nói: “Người này đã kiên-ngôn như thế tất có có định-kiến, thời hãy cứ y như bài thuốc ấy mà bốc thử một chén nhỏ xem sao.” Hai ông đều thưa rằng: “bài thuốc tiến ấy thực là ổn-đáng lắm.” Rồi ba người cùng bước ra nhà Thị-ky-điểm ngồi với nhau, quan Chánh-đường có ý ngần-ngại bảo tôi rằng: “Mạch đã hồng-sắc mà lại dùng quế phụ cho nóng thêm, ngộ không phải hỏa hư thì sao, mà ông kiên-thỉnh như thế, tôi sợ lắm.” Quan Tham-đồng nói: “Lửa cháy đổ dầu thêm, nếu không biết đích-xác thì sao dám liều.” Tôi nói: “Búa rìu kẻ đó, tôi lại không biết đích-xác thì sao dám liều, nhưng biết thế nào làm thế, cho hết cái ngu-thành của tôi; vả trước đã tiến lương-dược mà nhiệt không thoái lại càng đầy thêm, thời chắc là trung-hàn chứ còn ngại gì.” Quan Tham-đồng khen rằng: “Như thế thì có lẽ lắm.” Quán Chánh-đường cười mà rằng: “Thế bốc ngay đi.” Rồi sai Hữu-viện Thủ-phiên-quan đem hòm ngự-dược lại, chúng tôi công-đồng cân đúng từng đồng từng lạng một, xong giao Thị-dược-quan đem sắc. Hai ông cùng về trú-sở, tôi ngồi lại nói chuyện với quan Hữu-viện-y, bỗng thấy một người Mân-hoạn đứng ở chỗ núi non-bộ gần nhà quảng-đường, cách tôi độ vài mươi bước, lấy tay vẫy tôi, tôi đứng dậy đi ra, y bảo tôi rằng: “Phụng chỉ truyền của Thánh-mẫu cho bảo lão-sư vào thị-mạch, nặng nhẹ thế nào cứ thực mà thưa.” Tôi nghĩ một lát rồi nói rằng: “Tôi là kẻ sơn-dã, nhất-đán được châu-chực thiên-nhan, lấy làm run sợ lắm, mười phần không nói ra được một, tuy đã biết được mạch-tinh rồi, nhưng còn sợ biện-nhận chưa đích, xin cho dâng một chén thuốc rồi thế nào mới biết, vậy nhờ quý-hầu xét cái chân tình của tôi mà đồng-đạt lên cho.” Y vào trong Cấm, rồi tôi trở lại hỏi một ông quan thầy thuốc trực-nhật ở đó. Ông nói: “Đó là quan Nội-sai công-phiên Quân-thị-cán-quân Thân-trung-hầu.” Tôi mới ra cung Thập-tự xin phép về nhà trọ, quan Chánh-đường dặn mai phải vào sớm. Tôi ra về, đêm hôm ấy nửa canh năm tôi đã vào đến cửa phủ, cửa chưa mở, ngồi đợi mở cửa mới vào. Quan Chánh-đường thấy tôi, ông có ý vui mừng hơn-hở, tôi cũng mừng thầm rằng chắc quế-phụ không nhiệt hẳn! Quan Chánh-đường nói: “Thuốc ấy tiến ngự một nước cũng hòa-bình ngay, bớt ho, đến gà gáy lại cứ theo y như bài bốc một thang nữa tiến ngự, uống một nước thì nước tiểu lợi mà bớt vàng, nóng cũng lui.” Ông bèn bảo tôi theo ông đi, đến cửa Cấm, dặn tôi đứng đợi ở ngoài, ông vào trước độ nhoáy mắt thì có mệnh ra truyền cho tôi vào, lại ban cho xem mạch. Thánh-thượng ngự hỏi tôi rằng: “Uống thuốc ấy đã được thanh-thái, đã hơi muốn ăn, liệu thế nào?” Tôi thưa rằng: “Dược-lực còn thiếu, chưa kiến-công được, xin cho được chế một bài thuốc nấu thành cao nữa, cho nó khí thuần lực toàn, thì mới tư-bổ được”. Ngự ban cho quan Chánh-đường ra chế thuốc nấu cao ngay. Quan Chánh-đường cùng tôi rảo ra nhà Thị-ky-điểm, ông về trú-sở ăn cơm sáng, dặn tôi ở lại đấy mà rằng: “Sẽ được phụng-ban thời-phạn đấy.” Một lát thấy lính thị-trù bưng một mâm cơm đến, những đồ mỹ-vị bất-tất phải kể, từ đấy cứ ngày ba bữa được ban cơm. Tôi ăn xong, đến chiều quan Chánh-đường <http://thuvien sach.vn> đến Thị-ky-điểm

bảo tôi cần thuốc chế cao, tôi bèn chọn lấy những vị thuốc tốt, chọn xong, quan Chánh-đường giao cho quan Thị-trà giám-đốc việc nấu cao.

Lại thấy Thản-trung-hầu hôm nọ đến bảo tôi rằng: “Phụng Thánh-mẫu chi-truyền cho đến nói cho lão-sư biết rằng: “Ngài thấy Thánh-thượng ngự-trà đã được thanh-thái lắm thì ngài lấy làm mừng quá.” Ngài lại ban hỏi lão-sư rằng: “Ngài thường có cái bệnh hiệp-thống đã hơn năm nay, nay ban cho lão-sư điều-trị, thì có chóng khỏi được không?” Tôi nói: “Đó là bệnh thường không khó gì, còn chậm hay chóng thì phải đợi thị-mạch mới biết được.” Thản-trung-hầu đi, rồi lại thấy Trạch-trung-hầu từ trong Cấm ra vào nhà Thị-ky-điểm nói rằng: “Phụng chỉ ban-tứ cho lão-sư đây.” Quan Chánh-đường bảo tôi quì xuống, Trạch-trung-hầu đứng xướng lên rằng: “Cung-hi Thánh-chỉ ban xưng lão-sư nhập-thị tấu-đối tường-minh, thả am mạch-lý, nhưng ban thưởng Thái-ngưu nhất-chích, hựu dự ban lương-phục hậu-y, dĩ trọng nhập-thị.” Quan Chánh-đường bảo tôi đứng dậy, rồi nói với quan Trạch-trung-hầu rằng: “Xin bác chiếu-lệ cho.” Trạch-trung-hầu vào trong Cấm, rồi tôi không hiểu ra duyên-cứ làm sao, cứ hỏi căn-vấn quan Nội-viên nhất-thủ-phiên. Y nói: “Chiếu lệ là hễ khi có ban-tứ gì cho ai, thì lệ phải lạy.” Tôi hỏi: “Thái-ngưu là cái gì?” Y nói: “Thái-ngưu nhất-chích là chuẩn cho mười quan tiền.” Cái gì tôi cũng hỏi cặn-kẽ, thực đáng bật cười cho tôi là một anh chàng bất-am thời-sự. Đang nói giở thì nói về lúc bấy giờ có một chú “bắc-khách” tên là chú Bảy, xem thấy tôi bốc thuốc chú ta tự nói lên rằng: “Thánh-thượng giàu có cả trong bốn-bể, ngự-dược 6,7 năm nay mỗi đơn bất quá chỉ độ 3,4 tiền quý, nay nên ban đến 1000 quan tiền, thế mới là vương-giả dụng chớ”. Bởi vì chú ta vốn được sung-hạnh, cho nên bạo nói không sợ gì. Từ đó tôi với chú ta chơi với nhau, trong cung người ta đã có khẩu-hiệu là “mười bốn”, vì tôi là con thứ bảy, chú ta cũng tên là Bảy, 2 lần 7 vị chi đi 14. Tôi với chú ta ăn cơm cùng mâm, ngồi cùng chiếu, giao-tình rất hậu. Nguyên-lai có biết thuốc về lối vương-đạo, trước kia chú ta thường thấy Thánh-thượng ngự-dụng tinh những lương-dược và tiêu đạo-phẩm, chú ta thường cố sức xin uống về mặt tư-bổ, nhưng trái chứng nên không dùng, chú ta vẫn lấy làm tức lắm. Nay thấy tôi bốc tuấn-bổ, thời đạo-đồng ý- hợp, cho nên trong khi ăn ở bất-tất phải nói cũng đủ biết là thêm thân-mật lắm.

Quan Chánh-đường bảo tôi rằng: “Ông phải về ngay mà sắm-sửa lấy mũ áo để sớm mai vào chầu, ban-tứ là việc hệ-trọng, không coi thường được đâu. Nếu mai ông vào chầu mà còn ăn vận thế này thì cho là bạc-thị-quân-ân, sẽ phải tử-tội đó.” Tôi sắp ra đi ông lại dặn hai ba lần nữa. Tôi nói: “Xin vâng.” Rồi tôi đi về, Ý-giả quan Chánh-đường biết cái bụng tôi vẫn không lấy sự ban lộc làm vinh-hạnh, và ông tiến tôi vào cho nên ông phải để ý trông nom như thế, mà tôi cũng bụng bảo dạ rằng mình đã không có cái bụng xé áo sen đốt quần ấu như ai thì ở đây họ cho mình là kẻ chực treo mũ giải mà chốn cũng là phải, tôi mới phải cho người đi mượn áo mũ chỗ thân-bằng. Đến chiều hôm ấy thấy người dịch-mục của quan Chánh-đường đem 10 quan tiền lại nhà trọ tôi, canh hai lại thấy bọn lính thị-trù khênh một mâm cơm ngự-soạn đến ban-tứ, xem những người lính có ý sợ hãi nói rằng: “Chúng tôi đi tìm khắp mọi nơi cho nên mới chậm đến bây giờ, xin ngài miễn-chước đi cho.” Tôi cũng cứ y lệnh cho họ tiền, nhưng họ từ-tạ không dám lấy mà về. Sáng mai tôi đóng bộ mũ áo vào trong phủ, quan Chánh-đường trông thấy tôi ra phết quan-dạng có ý mừng lắm, bảo tôi rằng: “Chiều hôm qua Thánh-thượng đã cất cơn sốt, hung-cách đỡ dầy, nước tiểu đã trong, đêm nay lại tiến-ngự ba lần thuốc cao.” Tôi nghe thấy cũng mừng thầm lại đi với ông vào thị-mạch, lúc ấy Thánh-thượng ngự ở trên võng giải nệm gấm, ngài cười mà bảo quan Chánh-đường và quan Tham-đồng rằng: “Hôm nay cử-động đã khinh-sảng lắm. Y-giả nhờ cái sức quế-phụ mới được kiện-vận như thế, bụng đã thấy đói, nếu cứ dùng bậy lương-dược như trước chả là làm dư.” Quan Chánh-đường tâu rằng: “Chúng tôi thấy dùng quế-phụ thực là hãi lắm, biết đâu rằng giả-nhiệt hễ thấy quế thời mát.” Thánh-thượng nói: “Chắc người ta đã kinh-dụng lắm, người ta mới dám dùng chứ.” Quan Chánh-đường lại tâu rằng: “Con vốn lắm bệnh tự mình tìm thuốc, mời khắp các thầy, đến khi con phụng-mệnh vào Hoan-châu mới tương-thức được người này, người nhà quê, ăn nói thô suất, nhưng đến cái uyên-áo trong y-lý thì tương các y-sĩ trong thiên-hạ bây giờ cũng không ai hơn được.” Bấy giờ tôi nghe thấy quan Chánh-đường nói mà tôi dợn cả tóc gáy lên, tự khiêu-khổ trong bụng rằng mình thật là gột lá khế cũng không thoát khỏi được nữa. Tàu xong lại đưa nhau ra Thị-ky-điểm. Ông Hầu-Châu là Tri-binh-quan cầm lấy tay tôi mà rằng: “Tớ hôm nay mới

cổ ra từng khúc ruột một.” Ông Hầu-Giệm là tri-hộ-quan thì kỳ-kèo quan Chánh rằng: “Có người như thế sao bây giờ mới tiến vào?” Quan Chánh-đường cười mà rằng: “Đã cử vào châu Thế-tử hai tháng trước, nhưng không dùng đấy chứ.” Nói thôi cùng vào Thị-ky-điểm ngồi chơi. Lúc đó tiếng tôi đồn rục trong phủ, lúc ngồi thường thường thấy người đến nhòm ghé. Đến quá trưa thấy quan Nội-sai đến truyền-chỉ ban cho tôi vào châu Thế-tử, và truyền cho quan Chánh-đường rằng: “Từ nay chỉ cho lão-sư thị-dược, còn không được dùng một tí thuốc nào của ai nữa.” Quan Chánh-đường vâng mệnh đưa tôi vào trong cung để đến chỗ tắm-thất ông Thế-tử. Tôi đi qua mấy mươi lần lầu gác tới nhà tắm-thất của Thế-tử thì cũng ở gần kề bên tả chỗ ngự-tắm, tôi theo quan Chánh-đường vào thị-mạch. Lúc đó thấy Thế-tử hình-thể gầy-guộc lắm, bụng to, da thì bóng, gân xanh, rốn lõm hơn một tấc, hơi thở âm ạch, mạch thời trầm-tế vô-thần, tôi tự nghĩ lúc trước mình mới trông thấy Thế-tử thì còn có xương thịt, mạch còn hồng-huyền, bây giờ đến thế này thì không sao được nữa. Cổ-nhân cho tứ-chứng là khó, chính là đó, nhưng chỉ nói là “cam” chứ không dám nói là “cổ” vì phải kiêng. Tôi xem rồi bái lạy lui ra, Quan Chánh-đường bảo tôi ra cung Thập-tự, ông ghé tai tôi nói thầm rằng: “Ông xem thế nào?” Tôi nói: “Tinh-thần suy-kiệt lắm rồi, thế không qua được đâu.” Quan Chánh nghe tôi nói phát phiền thở dài một tiếng rồi nắm vật xuống sập. Tôi biết ý vì Thánh-thượng trạc-dụng ông lên, đái ông làm tâm-phúc, lấy ông làm vũ-dực là chỉ định thác-cô đó thôi. Nay ông bỗng nghe tôi nói mới sinh ra cái quang-cảnh như thế. Ông lại hỏi: “Như thế mà dùng hết sức ông thì có khả-vọng được không?” Tôi nói: “Hoặc giả vì uống những thuốc khắc-tước đã lâu đến khô kiệt cả tinh-huyết đi là tại thuốc chứ không phải tại bệnh, nay cắt bỏ cũng như cừu-hạn-phùng-cam-vũ, độ trong mấy ngày mới biết hay dở được.” Quan Chánh-đường nói: “Thế thì ông đi chế thuốc ngay đi.” Tôi mới đem cái bài thuốc đã tiên-đệ ngày trước bội thêm lên. Chế xong, quan Chánh-đường đưa cho Phó-a-bảo Tri-hộ-quan cứ theo phép đem sắc thành cao. Chiều tối tôi xin về, quan A-bảo nói: “Cụ đã am-tường cách chế-tạo thì cụ phải ở đây mà phụng-thị”. Tôi nói dối tôi có bệnh yếu dạ, ở đây đi ra ngoài không tiện, quan A-bảo nói: “Thầy thuốc mà kêu có bệnh thì ai tin, ở đây có tiểu-thủy-điểm ở bên rìa bờ thành kia vắng mà sạch, trước có một cái ao, ra đó tiện lắm.” Tôi cứ xin đòi về, để người môn-nhân là Hồ Tuy ở lại giám-tạo, quan A-bảo mới ưng cho. Tôi về nhà trọ sáng mai lại vào. Từ đấy cứ mỗi lần vào xem mạch cho Thánh-thượng thì lại đến thăm cho Thế-tử, tôi thấy thuốc của Thế-tử đã sắc thành cao rồi mà chưa tiến-ngự, là vì có người thưa với bà Chánh-cung rằng: “Xưa nay thuốc của Thế-tử ngự-dụng, không dám dùng bạch-chuật với thực-địa bao giờ, vì chuật thì bế-khí mà thực thì trệ-tỳ, nay bốc đến 3, 4 lượng, thực đáng ghê quá, nếu uống vào thì đến đại-tiểu câu-bĩ chứ chả sai.” Vì thế bà Chánh-cung cho triệu người bắc-khách là chú Bảy vào hỏi, nguyên chú Bảy là một kẻ gia-thần của bà, vợ hắn là đứa thị-tỳ rất tin yêu, được tự-do ra vào trong cung-cấm, nên bà Chánh-cung mới triệu vào mà hỏi. Chú khách ấy thưa rằng: “Uống lắm cái thuốc tiêu lợi mà cái bụng càng to, thì thực là bệnh phúc-chướng đó, nay dùng thuốc bổ, chính là cái phép lấy bổ làm tiêu đấy chứ, ý thần cũng thế, xin cứ tiến ngự không ngại gì, nếu vạn nhất có xảy ra việc gì, thần xin chịu tội cả nhà.” Bà Chánh-cung nghe chú Bảy nói mới dám tiến-dụng. Chú Bảy đến Thị-ky-điểm nói chuyện đầu đuôi với tôi, tôi lấy làm bất-bình, gắt rinh lên với các thầy Viện-y rằng: “Thế-tử thật là người trời, thật là gan vàng dạ sắt, một năm uống bao nhiêu là thuốc mà thần-sắc vẫn y-nhiên, giá con nhà thường ta thì không thọ được mấy ngày, phải biết rằng bệnh phát ra không hư thì thực, thuốc chữa bệnh không công thì bổ, dùng công-phạt lâu rồi mà bệnh không đỡ thì rõ là hư, hư thì phải bổ, khắc-phạt đã không được mà tu-bổ lại không dụng thì còn dùng cách gì; vả một năm nay sức mình đã cùng rồi, không gỡ lại được thì còn ghen-ghét gièm-pha vào làm gì nữa. Phàm con nhà nghề làm thuốc phải lo sự hoạt-nhân, thế thì cái lòng trung-ái của kẻ thần-tử ở trong nhân-thuật của họ ở đâu?” Các thầy lang nghe tôi nói cứ cười nhạt, nguyên kẻ sàm-nhân đó vẫn cậy mình được sủng-hạnh, bình-nhật không coi ai ra gì, nay thấy tôi hơi khá một chút thì bất-miễn sinh ghen-ghét, khinh-miệt cái lời tôi nói, nên ai cũng oán. Chú Bảy nói: “Tôi nghe thấy Thánh-thượng có ý hối về những thuốc hàn-lang, nếu cụ thầy mà chữa được rồi thì những kẻ bốc khắc-phạt sẽ phải cái tội chết đó.” Rồi tôi với chú Bảy đều nói rằng chắc có lẽ thế. Khách Bảy lại nói: “Thế-tử uống thuốc cao và hôm nay, nhị-tiên đã thông-lợi, bụng mềm đã biết đói, cho nên cái tiếng vui mừng râm-ran ra cả ngoài.” Lúc đó khách Bảy đặc-ý hơn-hở ăn nói rất một giọng xâm-chọc, anh kia xem ra then lắm, cáo bệnh không vào châu nữa.

Khách Bảy nói thầm với tôi rằng: “Bà Chánh-cung mừng lắm, định ban trọng-thưởng cho cụ đó”. Tôi e bệnh không vượng hẳn lên được thì vị-tất đã thành-công. Bèn nói thực với chú khách rằng: “Nhờ chú hết lòng bấm lên cho tôi rằng hễ khi nào công đã vạn-toàn rồi thì tôi mới dám nhận cái trọng-thưởng ấy.”

Lại nói về bây giờ Thánh-thượng ngự tiến thuốc cao đã được 6,7 ngày rồi, các bệnh như đi đâu mất cả, chỉ còn không ăn được, tứ-chỉ thì rời-rạc, biếng nói. Quan Chánh-đường hỏi thầm tôi rằng: “Bệnh lui mà sao tinh-thần lại càng mỏi-mệt?” Trước tôi còn lờ-mờ không dám nói, ông loại hỏi gặng 2,3 lần. Tôi nói: “Trong phép 7 ngày thì ngũ-tạng truyền khắp một lượt, khí-hậu đi một vòng, đáng lẽ khỏe hơn mới phải, nay bệnh đã đỡ rồi mà như thế ý-giả khắc-tước lắm, nguyên-khí bại mất rồi, trong sách thuốc có nói rằng: “Vị-khí đã bại thì thuốc nào cũng hư”. Quan Chánh-đường nghe tôi nói, sợ hãi rùng-rờ, bảo tôi rằng: “Làm thế nào bây giờ?” Tôi nói: “Vi kim chí kế hẵng phải tạm hoãn thuốc cao lại mà cứu ngay lấy vị-khí đi.” Ông giục tôi đi kê bài, tôi bèn kê bài để bốc đem sắc. Được vài ngày nữa bệnh lại phục lại cả, cái hai hôm sau là ngày 11 tháng 9 thì Thánh-thượng lên chầu trời. Tôi cứ theo như mọi ngày vào thị-dược trong Đông-cung. Hôm sau Thế-tử lên nối ngôi ra thị-triều ngoài phủ-đường để các quan văn-vũ vào lễ mừng. Lúc đó cũng ban cho tôi vào hàng Thị-tùng điều-trị. Thế tử đang bệnh, còn phải kiêng nắng gió, mà phải ra ngoài bị phong-hàn cảm vào, về đến trong cung lại gây-gấy rét, triệu tôi vào xem mạch, tôi bốc thuốc tiến ngự, các chứng đỡ cả, lại đâm ra chứng xuyên nặng lắm, các bệnh trước lại té ra, tôi biết cái thế không sao được, bèn xưng bệnh không vào chầu. Được ba ngày lại cho hỏi bài thuốc.

Chương thứ XVIII. Từ đế-kinh về nơi sơn-thự

Lúc ấy may có một thầy lang ở Sơn-tây mới tiến vào, tôi mới được thư một tí, tôi tự nghĩ rằng mình phải kiến-cơ mà bước mới được, liền vào dinh quan Chánh-đường nói dối tiếp liền được mấy cái thơ trong nhà quê đưa ra nói người nhà có bệnh nguy-cấp lắm giục về, nhưng chưa dám rí rằng, nay sự-thế đảo-đầu rồi, xin cụ lớn thương tình cho. Quan Chánh-đường có ý còn ngần-ngại, tôi lại nói: “Xin cho tạm về thăm xem sự-thế thế nào lại xin ra ngay.” Ông nói: “Sự- thế như bây giờ thế này mà ông lại bỏ mà đi dư? Thôi ông cứ vào trong phủ mà xin phép với khắp cả các quan cố-mệnh, rồi vào bái-tạ vua đã mới được về.” Tôi cứ y như lời ông, vào thì các quan cố-mệnh, người thì ưng người thì không ưng. Tôi tự nghĩ rằng phần ưng quá bán-số thì ta cứ về, bèn vào trong cung-cấm bái tạ, đến cửa cung gặp chú khách Bảy, hấn cầm tay tôi mà rằng: “Cụ thầy về nhà quê xa để tôi sớm hôm mong mỏi.” Hấn lại nói: “Bọn dong-y kia không làm cái gì được, chúng ta phải cố sức họa chằng có gỡ được không.” Tôi nói tôi về bất-nhật ngày lại ra ngay. Chú Bảy cười mà rằng: “Đã đi còn về gì được.” Tôi cười mà rằng: “Sao chú nói càn thế?” rồi dắt tay nhau đi vào, tôi thấy quan Phó-a-bảo đang bế ông vua con ở trong lòng, tôi lạy xong bốn lạy, ông vua con nói rằng: “Trẻ của thầy già ngọt lắm để uống, ta muốn uống.” Tôi nghe nói tự than thầm trong bụng rằng: bị lắm thuốc khổ-hàn làm hại nên xui ra như thế. Bèn bước rảo về bái-biệt quan Chánh-đường, ông phát cho tôi 50 quan tiền hành-lý, tôi tự chỉ lĩnh có 10 quan. Rồi đến chào ông Quận-hầu, hai người cùng kể nỗi nhớ-nhung và cùng đưa thuốc-men quà-cáp tặng lẫn cho nhau, chuyện xong trà cạn, tôi đứng lên cáo-từ đi ra. Quận-hầu bước xuống bần lầy để đưa tôi ra ngoài cửa dinh, cậu biết tôi không trở lại nữa, cầm tay tôi mà rằng: “Tôi với cụ bao giờ lại gặp nhau?” Rồi hai chúng tôi cùng nhìn nhau trừng-trừng, châu rơi lã-chã. Tôi sợ đi đường có sự gì trở-ngại chằng, mới về nhà trọ chào chủ-nhân là Trạch-ưu-quan rồi dọn vụng sang nhà người cháu là kếp Hào, đóng gong đóng gánh xong, cho người đi mượn mấy người lính của những nơi thân-bằng để đi hộ-vệ, còn những ông bạn thân nào ở trong Kinh mà tôi không đến chào được thì tôi có viết thư đưa tạ cả. Tôi nói phao lên rằng tôi đi đường bộ, nhưng tôi sai vụng người đi thuê một chiếc thuyền đón ở bến Tràng-tín. Bấy giờ những chúng bạn ở trong kinh như quan Trạch-trung, quan Kiên-hữu, quan Trạch-ưu và quan Tả-nhuệ, vân-vân, các ông biết tôi đã dọn vụng sang chỗ trọ khác đều thân đến tiễn tôi cả. Ngày 12 tháng 10, sáng sớm tinh sương chúng tôi đi bộ ra Đình-ngang, đấy có toán lính của Thị-nội Tả-quan đóng để coi cái khúc thành ở đấy, tôi vào chào ông, xem ra ông có dáng bùi-ngùi với tôi, ông đưa tặng tôi một bao trà ngon và một bài thơ, lời tự rằng:

“Tôi từ ra đóng chốn Cẩm-thành này bấy lâu, không biết lấy gì kính tặng cụ được, tôi thực lấy làm không nguôi lòng chút nào, nay có một cân “bạch-hào” xin phụng-đệ, gọi là một chút trước khi gửi cảnh mai sau này, xin cụ tiểu-nạp cho.”

“Thơ rằng:

Dầu-dãi đêm đông sương lạnh-lẽo,
Nhớ ai luống những nhớ-nhung hoài.
Chia phôi muôn dặm lòng ngao-ngán,
Mây kéo chiều hôm khuất núi Đoài.”

Rồi chúng tôi ra đi đến bến chùa Tràng-tín thì xuống thuyền xuôi. Tôi ngồi trong thuyền trông lên ngắm xem cảnh-vật tứ bề, vừa pha trà uống vừa chuyện-trò hớn-hở, chằng khác chi cá thoát lưới, chim xổ lồng, hồn về vùn-vụt như tên bay, hăng ngẩng cổ trông lên những chỗ núi non đen dầm như mực về mé tây kia, hễ thấy chỗ nào cây cối ăn vào thăm-thăm thì lại ngỡ là chỗ gia-sơn của mình bèn ngâm một bài để tự-hoài rằng:

Bái-biệt lâu rỗng lạnh-lẻo ra,
Gươm đàn vội giã chốn kinh-hoa,
Ngựa chạy thẳng dong quen lối cũ,
Thuyền khôn trở lại giữ dòng xa.
Mây cũng vị tình che bóng nắng,
Núi nhường hiểu ý mỉm cười ta.
Ngàn tây muôn ngọn xanh xanh biếc,
Hai ngọn kia như núi của nhà.

Bấy giờ nước sông chảy xiết, thuyền nhẹ buồm xuôi, quá trưa đến tuần Lĩnh, tôi xả-chu đăng-lục, vào chơi chùa Nguyệt-đường. Chùa ở trên núi, từng-quan kề bên đường cái, qua cổng tới cái ao bán-nguyệt, xung quanh bờ ao cây-cối tum-bùm, thông reo liễu rủ, rồi vào đến dãy tường hoa, có cửa thông vào trong chùa. Hai bên sân cửa chùa có hai quả núi đất, mỗi bên núi dựng một cái gác chuông, giữa là Phật-cung, còn những điện, đường, đình, các, tòa, nào cũng cao lớn rộng-rãi, tứ-phương bát-điện đều là một vẻ kim-bính huy-hoàng, đường đi diểu hành-lang hàng mấy trăm cửa, tay đây đối nhau, áp-giai bằng tinh một thứ đá trắng, ngoài câu-lơn đều những hoa thơm đua nở, tôi đi du-ngoạn hồi lâu rồi than rằng: Kể các nơi chùa-chiền không đâu hơn đây được, thực là danh-hạ bất-hư, nhưng cái cuộc nhân-lực hữu-hạn thì có bao giờ bằng cái vẻ thiên-nhiên vô-cùng được, cho nên những bậc tao-nhân, mặc-khách đều hay yêu mến những cái khí-vị lâm-toàn là vì thế, bèn để một bài thơ lên trên vách chùa rằng:

Qua ao bán-nguyệt tới thiên-quan,
Xan-xát lâu-đài ngất trước làng.
Dãy trúc la-đà theo khúc-hạ,
Đường hoa quanh-quất diểu hành-lang.
Tháp chín tầng cao đèn sáng quắc,
Chuông hai gác đối tiếng kêu vang,
Cảnh cũng u-nhàn chùa cũng tĩnh,
Quả dăng sao vắng vượn từng đàn.

Đề rồi tôi sang Hiến-nam-dinh chào quan Thư-ký, ông là người Hoan-châu có quen tôi, trước đã làm việc với quan Chánh-đường ở bản-trấn. Ở lại đây vài ngày để cân thuốc bắc và sắm ít đồ tầu, rồi mượn 6 người lính trấn-binh đưa đi đường. Ngày 16 tôi về làng Nguyễn-xá, huyện Hoài-an để hỏi thăm chỗ họ-mạc về bên tiện-nội. Sáng 18 thì tới Nguyễn-xá, tôi mới sắm lễ một con sinh đem cáo-yết ngoại-đường, rồi tự-tình với bà con thân-quyến. Bấy giờ tôi tính cái số người nhà với lính vệ-tùng đến 20 người, mà kể đường chính-sứ đi từ Kinh ra đến đây chỉ có một ngày, vì tôi sợ có sự gì trở-ngại nên phải đi quanh-quẩn đến 7, 8 ngày, tiền lương sắp cạn, không thể ở lâu được nữa, ngày 19 mới chào bà con ra đi. Nguyễn những phong-

cảnh về một dọc con đường mà tôi đang đi đấy là lúc tôi còn bé về ở quê ông bố nuôi vùng đó, ngày nào cũng du-ngoạ khắp cả, các động về mé nam như Hương-tích, Giải-oan, Tiên-am và Tuyết-sơn; các núi về mé tây như: Hương-đài, Hương-chân, Vân-mộng và Tiên-sơn, đều là những nơi danh-lam thắng-cảnh tuyệt-phàm, mà chỗ nào cũng có vết chân tôi cả, nếu đi đường thủy thì trông xem được hết, tôi mới mượn một chiếc quan-thuyền của quan phủ làng Nguyễn-xá để xuôi ra đình Hà-xá, đấy là làng ngoại-gia của tiên-khảo tôi, nay con cháu đã suy-đồi cả, ví tôi có đến cũng không biết nói với ai được, nên phải đỗ thuyền vào bên đình, trông lên chỗ tiên-phần mà vọng-bái mấy bái, rồi lại nhổ sào đi từ làng Trinh-tiết đến làng Phù-viên, ước 4,5 dặm, hai bên bờ sông xanh-xát những cảnh vui chùa đẹp còn y-nhiên như xưa, chỗ nào mà lúc tôi thiếu-thời đã có chơi qua, dù xa dù gần đều có thể tế-nhận ra được, nhưng quan-cảnh hàm-tình, khiến cho tôi lại phải động lòng nhớ đến những người ngày nọ bây giờ còn ai? Đang khi thở vắn than dài bỗng nghe chuông chùa Mãn-nguyệt văng-vẳng mấy tiếng, càng thêm bồi hồi, bèn ngâm một luật giải chút tình-hoài rằng:

Ba mươi năm cách chốn giang-thôn,
Nay dạo qua xem cảnh vẫn còn.
Hoa nở bên Hà vàng rực tối,
Cò ăn đáy Đặng trắng phau cồn.
Ngọn núi Tuyết nhô làn nước lạnh,
Bóng chùa Hương áng lúc chiều hôm.
Sư biết khách thuyền ngâm-ngợi khổ,
Đừng cho nghe thấy tiếng chuông dồn.

Tối hôm ấy đến làng Châu-cầu, đỗ bộ vào hàng trọ, sáng mai dậy đi, từ hôm ấy cứ đi suốt ngày đến tối mới nghỉ, vài ngày đến Vĩnh-dinh, tôi vào yết quan Thự-trấn, kể nỗi cừu-biệt cùng ông.

Nói về bọn lính vệ-tùng mỗi-một lăm, tôi lại mượn thêm mấy tên lính nữa đưa về. Mồng 2 tháng 11 đến nhà, vợ con ra mừng, kể nỗi hàn-huyên; hôm sau tôi cho bọn lính vệ-tùng tùy-tiện kẻ về nhà, người phó-Kinh, rồi sửa một con sinh làm lễ cáo gia-đường và cho mời làng xóm chúng bạn đến chơi giải tình mong nhớ. Đó cũng là thường chẳng kể chi nữa. Mới được độ vài hôm nghe thấy nói quan Chánh-đường bị hại mà toàn-gia tan nát cả. Tôi than rằng: “Đền vũ-tạ, thú ca-lâu, nhất-đán thành nơi nhện giăng giế khóc, mà phú-quí thực như một đám phù-vân.” Tôi lại mừng cho tôi rằng mình ẩn-thân nơi nham-huyệt, cùng với thông chẳng nghĩ chi chi, nhất-đán bị-triệu, phải lợm-khộm chốn Kinh-kỳ, gần một năm trời, trăm van ngàn ni, mới được tha ra, ví bằng cái sơ-tâm kia không kiên được mà đi mang lấy chức quan gì đó, thì ngày ni danh chưa thành mà thân đã bị ngục rồi, ăn-năn sao kịp, may mà vẫn giữ được lời thề-thốt với chốn cố-sơn, tuy ở trong đám lợi-danh mà không bị cái lợi-danh nó làm mê mình được, mình cứ tự ngông-nghênh mà đến, rồi lại cứ tự ngắt-ngưỡng mà về, cố-sơn hạp mặt cùng ta, ngả nghiêng trên đá dưới hoa một mình. Đang khi mơ-màng phảng-phất, chợt nghe thấy xào xạc câu chuyện trên kia, giật mình tỉnh dậy, tự nghĩ bụng rằng mình không đến nỗi để cho thiên-hạ mỉa-mai cũng chỉ vì không tham đấy thôi. Sau nhân khi cung cầm chén rượu dư-nhàn rồi, bèn cầm bút chép đầu đuôi việc ấy làm một thiên ký-sự để làm gương sáng cho con cháu sau này biết đường xử-thế phải tùy duyên thủ phận, tri túc tri chỉ, mà lấy chữ “bất-tham” làm vinh-hạnh hơn hết.⁶

Hoàng-triều Cảnh-hưng năm 44 quý-mão tháng trọng-đông.

Hải-thượng Lãn-ông ký

NGUYỄN TRỌNG-THUẬT *biên-dịch*

HẾT

Một nhà danh-nho và danh-y của nước ta ngày xưa - Cụ Lãn-ông

Ở cái đời tân-học đang mở-mang thịnh-vượng như ngày nay, mà khảo đến những cái học-thuật tư-tưởng của một nhà cổ-triết nào thì phải bình-tĩnh, phải tĩnh-tâm mà bóc vạch ở trong cái rừng bác-tạp trùng-lũy lâu đời kia, để xét tìm lấy những cái chân-lý, những lời vi-ngôn mà nhà cổ-triết ấy đã sở đắc riêng ra được, rồi đề-xướng lên, phát-huy lên, mong có ngày lan khắp ra mà bổ-ích cho thiên-hạ hậu-thế, thì mới là biết cái cách “dụng-cổ” vậy.

Xem như bên Âu-châu ngày nay, nhất thiết những sự sở-học, sở-hành, đều là những lẽ tân-tri, tân-sáng; độ-việt cả các đời vãng-cổ, dầu gọi cho là Âu-châu của nhà tân-học, cũng không là quá; thế mà xét đến những lịch-sử của một khoa học nào, cũng đều có tự một cái uyên-nguyên rất sâu-xa, để qui-công cho tiền-nhân: như cái học “thiên-diễn” thì nối tiếp xa mãi từ thượng-cổ, bởi một nhà danh-hiền Hi-lạp xướng lên; cái khoa hóa-học thì cho là nhân ở cái thuật luyện-đan đời trung-cổ, vân-vân. Người ta sở-dĩ nghĩ như thế không những là có cái mĩ-ý không vong-bản mà chính là mở ra một cái diệu-quyết để cầu-tân vậy.

Nước Việt-Nam ta có cụ Lãn-ông quật-khởi lên ở cuối đời cận-cổ, cụ là một nhà kiêm cả đại-y-học, đại-văn-hào, đại-thi-hào và đại-cao-thượng; cái học-thuật, cái tư-tưởng của cụ so với cái học-thuật, cái tư-tưởng của các nhà tiên-triết Thái-Tây thế nào, đã có sự-nghiệp ở trong lịch-sử sau này, độc giả tự hiểu, tôi không dám đoán trước, nhưng tôi chắc rằng cái học-thuật của cụ là cái học-thuật muốn cầu-tân, mà cái tư-tưởng của cụ là cái tư-tưởng cực siêu-mại, nay phân làm hai phương-diện mà lược bàn ra đây: là phương-diện về y-học với phương-diện về đạo-đức văn-chương; hai phương-diện ấy cũng đều khả-dĩ để làm mô-phạm cho đời sau, mà nhất là cho cái xã-hội ta đang lúc cách-cổ đĩnh-tân này.

Về phương-diện Y-học.— Khoa này là một khoa dụng-công nhất trong sự học của cụ, một sự-nghiệp rất lớn-lao trong học-giới nước ta; từ cụ về trước, nghề Y nước ta chuyên-dụng sách Tàu, tuy có sách cụ Tuệ-tĩnh, nhưng là sách “bản thảo” sơ-lược về thuốc nam mà thôi, chưa thành ra khoa học. Cụ nổi lên mới dung-hội cả bách-gia, gia-công trước-thuật, lập riêng ra một khoa Y-học-đại-toàn. Lúc kỳ-thủy tôi mới trông thấy thuốc tây, khí-nghe thì xảo-diệu, chế-hóa thì tinh-vi, mà trải-nghiệm thì xác-thực, so với thuốc của cổ-nhân ta hơn kém nhau một vực một trời, tôi ngờ rằng cái lẽ làm thuốc của cổ-nhân ta không còn có cái gì là có thể dung-hợp được với thuốc tây bây giờ; sau xét đến căn-nguyên thì thấy có nhiều lẽ tương đồng, đan-cử mấy vị thuốc thường dùng như sau này:

1) Quế (*cannelle*), thuốc tây trong sách Mi-Ghê (*Mémorial de l'infirmier annamite*) nói: “Quế uống cho được bổ sức, khai tỳ, giáng hỏa vào khi bệnh nặng mà hao tổn kiệt sức”, mà thuốc ta trong sách *Lãn-ông-được-phẩm* cũng nói: “Quế chủ trị lao-thương mà bổ-trung ích-khí, trị tỳ vị hư hàn...”

2) Đại-hoàng (*rhubarbe*), thuốc tây trong sách *Cổ Minh-thịnh* người Tàu nói: “Đại-hoàng giúp sức vận-động cho hạ-bộ đại-tràng để bài-tiết những chất vô-dụng ra ngoài” và nói: “Đại-hoàng chỉ dùng về bệnh tiện-bí mà thôi...” sách Mi-ghê cũng dùng đại-hoàng làm thuốc tẩy, mà thuốc ta trong sách *Lãn-ông-được-phẩm* cũng nói: “Đại-hoàng tả các chất thực-nhiệt bất thông-hoạt địa-tiện bí kết.”

3) Ngải (*absinthe*), sách *Mi-ghê* nói: “Ngải lợi kinh thủy, chữa sốt, lại dùng rượu *absinthe* chữa bệnh thổ tả *choléra*”, mà sách *Lãn-ông-được-phẩm* cũng nói: “Ngải điều kinh, trừ ngoại-cảm phong-hàn, chỉ hoắc-loạn chuyển cân.”

4) Bạc hà (*menthe*), sách *Mi-ghê* nói: “Bạc-hà đỡ bệnh kinh-phong, thổ-tả, đầy-bụng, ăn không tiêu”; mà sách *Lãn-ông-được-phẩm* cũng nói: “Bạc-hà tiêu thực, hạ khí, trừ kinh-đản, định hoắc-loạn.”

Coi đó thì biết thuốc tây ngày nay sở-dĩ tinh-diệu hơn thuốc ta, tuy có nhiều cái mới phát-minh ra mà cũng nhiều cái nhân cái cổ-học mà khéo biến-hóa đi đấy thôi. Thế mà cái môn cổ Y-học của Á-Đông ta ngày xưa, người sáng-kiến thì có ít, mà kẻ manh-tòng thì có nhiều; gián-hoặc có người phát-minh thì cũng không ai biết mở rộng ra được, nên chi đến phải liệt-bại như kia là phải. Hiện nay Nhật-bản đã cải học thuốc tây mà nổi danh trong hoàn-hải rồi, Trung-quốc cũng đã đang thí-nghiệm; nước ta nhờ có Đại-Pháp khai-hóa,

sớm muộn rồi cũng theo được một công-lệ như người, nhưng tôi chỉ ước-ao rằng sẽ có người nổi lên ở giữa cái giao-giới tân Y-học và cực Y-học thay đổi nhau này, đem cái trí-thức mới mà khảo-nghiệm bộ sách *toàn-thư* của cụ Lãn lại một lần thì chắc thế nào cũng có ít nhiều chỗ khả-thủ để mà dung-hội với các nhà đại-y-học Đông Tây bây giờ, thì cụ Lãn sẽ vẫn là một vị đại-y-tôn ở nước ta, mà dân-tộc ta sẽ tỏ ra là một dân-tộc đã từng có học-thức kinh nghiệm.

Và không những thế, cụ Lãn lại có một cái công đáng làm mẫu-mực cho hậu-nhân ta là cụ sinh trước ngày nay mà đã biệt-lập ra được một môn-hộ để tranh-hùng với các nhà y-học Á-Đông, vậy sinh sau cụ mà ở vào cái thời-đại y-học của thế-giới đang tinh-tiến này, tất cả phải thâm-thủ, nghiên-cứu thế nào mà dựng lấy một lá cờ ở trong tân-y-giới toàn-cầu, thì mới không thẹn với cái gương sáng của cụ nhân minh ngày nọ.

Về phương-diện đạo-đức văn-chương.— Cụ Lãn ghé vai gánh lấy cái gánh đạo-thuật cho đời, mà tự cam-đạm-bạc, lúc thuốc-men thông-thả, đem cái ngòi bút thiên-tài, để giải nỗi lòng, mà khích-dương đời một cách rất nồng-nàn, nay đọc đến những thơ những văn bằng chữ Hán của cụ còn để lại, thì những cái cao-ngâm dật-hứng, những cái kính-tiết thanh-phong của cụ vẫn còn mờ-màng phảng-phất ở trên tờ giấy, khiến cho những kẻ đang chìm-đắm vào trong cái bể tham-ô du-nọa, nghe thấy mà biết phẫn-nhiên tự-lập, để mà mở mặt ra với non-sông xã-hội; vậy thì cụ lại là người có quan-hệ cho nhân-tâm thế-đạo đời sau là dường nào!

Hai phương-diện trên ấy, về phương-diện y-học thì xin đợi các ngài yêm-bác trong tân-y-giới sau này, còn về phần tôi thì xin tạm đem cái ngòi bút non-nớt quê-mùa, trước kính làm truyện và biểu-trưng ra những cái đại-yếu có đặc-sắc bất-hủ về hành-trạng của cụ, rồi sẽ dịch những thơ những ký là về phương-diện đạo-đức văn-chương, mà cụ đã tự soạn ra, để cống-hiến cùng quốc-dân, mong có tí-ích gì cho phong-hóa đôi chút chẳng, nhất là mong cho trong tân-y-giới nước ta ngày nay, sẽ có nhiều ông Lãn-ông mới khác, văn-phong mà hưng-khởi lên, thì xã-hội ta may lắm! đường thực-học, thực-nghiệp ta may lắm!

Thân-thế và đức-nghiệp của cụ Lãn

Cụ húy Trác họ Lê, tức là Lê Hữu-Trác, tự hiệu Lãn-ông, nghĩa là một ông lão lười biếng, đó là ý cụ tự-trào rằng cụ đối với cái công-danh phú-quí ở đời, thì cụ là một người rất lười biếng, nhưng xét đến học-vấn sự-nghiệp của cụ, thì cụ thực là một người cực sốt-sắng chuyên-cần.

Cụ là con thứ bảy quan Thượng-thư họ Lê, làng Liêu-xá, huyện Đường-hào, tỉnh Hải-dương (bây giờ thuộc về huyện Yên-mĩ, Hưng-yên), tục gọi cậu “Chiêu Bảy”, sinh ở đời vua Giụ-tôn nhà Hậu-Lê, ngang lịch tây năm 1721, thọ ngoài 70 tuổi, chưa tưởng mất năm nào. Thừa còn bé đã có chí lớn, khi Tiên-Đại-phu đang làm Thượng-thư tại Triều, cụ học tập ở kinh-đô, đã nổi tiếng hay chữ, có kết với mấy người thi-nhân làm một thi-xã, lúc thừa-nhàn rủ nhau tiêu-dao đê-vịnh trên Tây-hồ (Hà-nội), đến tuần “cập-quán”, Tiên-Đại-phu từ-lộ, cụ phải đình-gian về quê.

Trên nhà thi-lễ, vừa mới vắng âm-dong; ngoài cửa lý-dào, bỗng nổi cơn binh lửa. Số là đến cuối năm ấy là cái năm cụ Thượng cố mới nhất, về thời Cảnh-hưng sơ-niên (vua Hiến-tôn nhà Hậu-Lê mới tức-vị), bốn phương nổi loạn.

Ấy chính là cuộc loạn đó đã từng khiến cho cụ Lãn một hồi hơn mười năm trời đương độ thiếu-niên, làm một người trong cuộc, trước còn điên-bái lưu-ly, sau ra tri-khu xung-đột, rồi sau nữa thì thành ra phân-vân ngậm-ngùi, muốn thôi không nữa thôi, muốn làm như ai không nữa làm, mà muốn làm cho ra làm, thì lại chưa tiện làm, thật là một cuộc loạn có quan-hệ đến trong tâm-sự, trong thân-thế của cụ mà đào-luyện nên cái đức-nghiệp, cái tư-tưởng cho cụ vậy.

Nguyên-lai nước Đại-Việt ta từ lúc nhà Hậu-Lê trung-hưng đến đời cụ Lãn đã hơn hai trăm năm, quốc-thế vẫn phân làm hai, là từ nam-ngạn sông Gianh dĩ-nam là cái đất tân-cương của nhà Lý, nhà Trần và nhà Tiên-Lê đánh nước Chiêm mà khai-thác ra, rồi đến các đấng Tiên-vương Bản-triều ta mở rộng thêm ra, thì thuộc về quyền tự-chủ của Chúa Nguyễn. Còn từ bắc-ngạn sông Gianh dĩ-bắc là cái đất Tổ-quốc của cụ Lãn, tức là cái đất bản-hộ của nước Đại-Việt thì thuộc về vua Lê chúa Trịnh, nhưng vua Lê chỉ còn có cái

hư-vị mà thôi, chính-quyền chuyên ở một tay nhà chúa Trịnh, chúa Trịnh truyền đến đây là Trịnh Sâm, xử với tôn-thống nhà Lê lại càng nhiều việc gian-bạo hơn các đời trước, nên-chỉ những kẻ quật-cường, nhân cơ đó mới kích-động nhân-tâm mà phiến-biến, như Hoàng-thứ-tử Lê Duy-Mật thì chiếm-cứ một vùng ở Thanh-hóa, những bọn loạn-dân thì khởi lên khắp cả các châu-quận, có đảng thì chân-tâm, có đảng thì giả-danh mà đảng nào cũng đều lấy cái tiếng “phù Lê diệt Trịnh” để làm thanh-thế, nhất là về Hải-dương là cái chỗ tử-phần của cụ, có tướng Cừ, tướng Hèo đều khiêu-dũng khác thường, mà cái vạ binh-đao lại càng khốc-liệt hơn các nơi khác. Ấy cái thế tam-phân tứ-khởi lúc bấy giờ đại-khái như vậy, mà cụ Lãn thì sẽ đối-phó với cái cuộc loạn ấy như thế nào?

Cụ vốn là một vị thiếu-niên công-tử, sinh-trưởng trong chỗ đình-chung, dùi-mài ở nơi đèn sách, mắt chưa từng trông thấy ngọn lửa, tai chưa từng nghe thấy tiếng súng ở chỗ sa-tràng bao giờ, thì dẫu có cái thiên-tài hùng-vũ còn ẩn chưa lộ ra thế nào mặc lòng, mà thốt-nhiều gặp cơn binh-lửa tới nơi, thì cũng không khỏi phải bàng-hoàng bôn-tẩu, tìm chốn ẩn-thân như mọi người thường. Sau cực chẳng đã, cụ bèn phẩn-nhiên mà rằng: “*Can-qua mẫn mục, nam-nhi hà tất lão thư-song.*— Trông ra bề bọn can-qua, nam-nhi hà-tất chết giả thư-song.” Bấy giờ mới quyết đi dạo chơi các nơi phương-ngoại để rộng tìm lấy những chi-sĩ mà kết-giao; cái chi bốn phương “hồ-thi” nó thúc-giục cho cụ phải xếp bút nghiên mà rấn thân ra cái bước phong-trần từ đây.

Trông vời trời bể mệnh-mang,

Thanh gươm yên ngựa lên đàng thẳng giông.

May đâu gặp Vũ tiên-sinh là một nhà xử-sĩ ở làng Đặng-xá, huyện Hoài-an, trước đỗ hương-tiến (cử-nhân), không muốn ra làm quan về ẩn-cư ở bản hương, đã tám-mười tuổi, rất tinh về “thiên-nhân chi học”. Vũ tiên-sinh mới dạy cho cụ Lãn những phép binh-thư và cái thuật nhâm-độn; cụ nghiên-cứu ít lâu thì tinh: bấy giờ mới cặp gươm ra đầu vào đảng quân Chính-phủ đi chinh-tiểu, để thí-nghiệm cái học của mình.

Cho hay những bậc anh-hùng xưa nay, lúc còn ẩn-phục ở nhà, thì nhu-mì ôn-nhã, chẳng khác chi cô thiếu-ngải đang ngồi đọc sách ở trước song-the; đến khi đã xuất-hiện ra với đời rồi, thì nhanh-nhẹn hùng-cường chẳng khác chi con mãnh-hổ đang thét gió gào mây ở trước cửa rừng. Cụ Lãn từ vào làm việc trong quân, bao nhiêu những sự lâm-nguy lý-hiểm đều coi như không; những lúc vận-trù quyết-sách cũng đều được ứng-nghiệm cả, thường thường trận nào cũng được phần hơn người, quan Thống-tướng tin yêu lắm, đã định chờ dịp mà đề-bạt lên cho cụ, nhưng cụ tuy cái thân ở chỗ hàng-trận, lúc làm ông tham-mưu trong duy-ốc, lúc làm viên dũng-tướng ngoài chiến-tràng mà hằng đem cái nhõn-quang của kẻ nhân-nhân để quan sát cả toàn-cục:

Gẫm từ đây việc binh-đao,

Đống xương vô-định đã cao bằng đầu!

Cụ càng kinh qua cái tấn kịch tham-tàn của người đồng-bang bao nhiêu, thì đối với cái cuộc nộ quách dâng công của bọn cò nhờ nước đục kia, thì lại càng thêm khả-ố bấy nhiêu, cụ càng trông thấy giọt máu đào của người đồng-bào lai láng ra bởi tay người đồng-bào bao nhiêu, thì cái bụng thương nòi xót giống lại càng chan-chứa ra bấy nhiêu. Ôi! Tranh nhau cũng vị hơi đồng, giết nhau vị miếng đình-chung của trời, cả một cái chiến-cục tương-tàn tương-sát nhau trong đồng-loại, đang ồn-ào sôi-nổi, mà kỳ-thực bên nào cũng đều không có cái chủ-nghĩa gì chân-chính, cái mục-đích gì công-minh, như thế thì còn tri mà làm chi, dũng mà làm chi, thẳng-trạc cùng hiền-hách nữa mà làm chi; bởi thế cụ đối với quan Thống-tướng đáng lẽ là một người ân-nhân tri-ngộ, nên tỏ ra lòng săn-sóc dường nào, mà cụ là xử ra ơ-hờ lạnh-nhạt, ấy cái sự-nghiệp cường-chủng thọ-thế của cụ sau này, mà truyền để được đến muôn đời, cũng là phát-quang ra từ cái đám máu rơi thịt nát lúc bấy giờ, rồi phản-chiếu ra đó. Không thế thì sao đang đường-đường một vị thiếu-niên tướng-quân, chỉ thanh long-tuyên đi đồ-thành hãm-trận, uy-danh lừng-lẫy trong quân, mà bỗng quay ngay ra làm một ông thầy thuốc, đeo bầu quấy níp, lang-thang đi cứu-dân độ-thế làm gì?

Tuy-nhiên, cụ Lãn sờ-dĩ không hoan-nghênh cái thịnh-tình của quan Thống muốn đề-bạt cho mình, là vì cụ cảm thấy một cái tranh đoan lúc đó, là một cái tranh-đoan đều vị tư-lợi, nên chỉ trong lòng bất-giác sinh ra chán-ngán mà thôi; còn như nhà quân là cái chốn sinh-hoạt của đảng anh-hùng, việc quân là cái việc gốc

yên dân giữ nước, cụ là một đấng anh-hùng muốn hết lòng vì dân vì nước, mà không lợi-dụng lấy cái sức mạnh của nhà quân, để trừ-tàn khử-bạo, thì làm thế nào được, cho nên cụ vẫn cứ trừ-trừ lưu-luyến, chưa nỡ chia-phôi. Nay đọc mấy bài thơ thuật-hoài về khi cụ đã thành một ông lang già rồi, mà còn có những câu như: “Gươm thiêng bỏ xết, anh-hùng già-nua”. và câu: “Câu thơ tráng-chí bặt lòng lúc say”, thì đủ chứng rằng cái hùng-tâm của cụ vẫn bứt-rứt về việc vát-loạn đến già chữa thôi.

Cụ đang ở trong quân, bỗng có giấy “phó-cáo” ở nhà quê đưa lại nói rằng: “Ông anh thứ năm cụ về nuôi mẹ ở quê ngoại Hương-sơn (Nghệ-an), quan-sơn nghìn dặm, nay bị bệnh mất rồi”. Gia-vận gặp cơn sa-sút, trên thì mẹ già bảy-mười tuổi, chân chậm răng long, dưới thì năm ba đứa cháu bồ-côi, ngây-thơ măng-sữa. Cụ phải vội-vàng bẻ tên cởi giáp, chạy về Nghệ-An để thu-xếp việc nhà; ai hay chính cái ngày hôm cụ Lãn tạm từ nhà quân mà về thì lại thành ra cái ngày cụ vĩnh-biệt nhà quân, để cái cái nghề “thị-sát” đi mà làm cái nghề “hiển-sinh”, thì còn biết đâu mà đoán trước được.

Loạn nước chữa bình, việc nhà thêm rối, cụ Lãn một mình kinh-doanh gia-kế không lúc nào ngơi, mà thử đem tính lại cái hiện-tình trong toàn-quốc lúc đó, thì cái thế tam-phân tứ-khởi kia, chưa biết ngày nào liễu-kết, dân-sinh còn lăm nổi lăm-than, và trông về trung-nguyên là cái đất Tổ-quốc, nay dù đang khi hỗn-loạn thế nào cũng không có lẽ bỏ mà đi đâu, mà muốn vì Tổ-quốc lập-công, thì sự-thế như ngày nay, chỉ có một cách là lại phải tuốt lưỡi gươm thiêng ra, xông-pha bách-chiến, lấy nước làm trọng, lấy mình làm khinh-sở-ngộ cái gì có lợi cho dân cho nước thì để, cái gì có hại cho dân cho nước thì trừ, thì mới có thể giải-quyết được những cái vấn-đề trên nọ mà mong cho nước nhà được tràng-trị cửu-an, dân-sinh được an-cư lạc-nghiệp. Nhưng lại ngặt vì còn chút mẹ già yếu đuối, như ngọn đèn trước gió, chưa biết phó-thác cho ai; trải xem các đấng trung-thần từ xưa, đều là những người hiếu-tử, nước tuy không phụ, nhà đâu nỡ quên, phải liệu sao cho hiếu trung đều vẹn, mới là trượng-phu. Vì thế cụ Lãn còn phải nấn-ná lại ở nhà, hễ được lúc nào gia-sự sảo-thư, thì lại cứ đem sách ra coi, đem gươm ra múa, cái khí “hồng-nghe” bằng-bằng muôn trượng, chưa biết thôn-thổ vào đâu, cụ có ngâm thành một bài thơ ngũ-ngôn bằng Hán-văn như sau này:

,
,
,
,
,.

Nay dịch ra việt-văn thể lục-bát rằng:

*Mười năm mài một lưỡi gươm,
Hào-quang sáng quắc phi-thường ai đang.
Ngất trời sát-khí mớ-màng,
Nghiêm-uy chuyển-động tuyết sương nghìn trùng.
Tìm đường về Hán chưa xong,
Sang Tần thì việc đã không nên rồi.
Bể hồ trôi-rạt đôi nơi,
Cho người tráng-chí ra người cuồng-ngông.*

Một bài thơ ấy thực đủ tả hết cái tâm-sự của cụ lúc bấy giờ bối-rối là nhường nào! Hay đâu chí nam nhi chưa toại, việc gia-sự đã mang, lao-lực lao-tâm quá mà nhiễm-thành một chứng bệnh nặng, mời khắp các thầy chữa hai ba năm không khỏi sau phải sang bên huyện Thanh-sơn, trọ ở nhà ông y-sĩ họ Trần để nhờ ông chữa cho.

Lạ thay cho một cái bệnh dai-dẳng đến mấy năm trời làm ngăn-trở mất cả cái tiền-đồ may-mắn của một tay hào-khiet thiếu-niên, đang hội phong-vân, ở người ta thì thực là một cái bệnh rất ác-nghiệt đáng nên thù ghét là dường nào, mà ở cụ Lãn thì lại phân-thành ra một cái bệnh rất có công-ơn đáng nên kỷ-niệm, là vì cụ nhân có cái bệnh ấy, nó bách-thiết đến thân mình, để cho mình tỉnh-ngộ ngay ra được rằng ở đời còn có nhiều cái sự-nghiệp rộng lớn, không phải khu-khu cốt luyện lấy lời văn cho hay, hay là mài lấy thanh gươm cho sắc, mà dù thoát được mọi khổ-ách, cầu được mọi cái hạnh-phúc cho loài người. Và cụ sở-dĩ biết được cái môn-hộ nhà y, rồi trút bỏ mọi việc, chỉ chuyên-tâm chí-ý để phá tan lấy cái cỏi thiên-hoang cho

nhà y họ Việt-Nam ta được, cũng là nhờ có cái bệnh ấy nó làm môi-giới cho vậy. Cụ đi lại nhà ông Trần y-sĩ đến gần một năm. Ông là người ở Trung-cần, huyện Thanh-chương, bác-học đa-văn, vốn là một tay văn-chương cự-phách ở Hoan Diễn, đỗ hương-tiến, rồi tuyệt chí công-danh, về ẩn cư ở Thành-sơn, làm thuốc đã có tiếng, có một hôm cụ Lãn nhân thông-thả mới đem bộ sách *Phùng-thị-cẩm nang* là một bộ sách thuốc của Tàu ở nhà ông ra xem, phàm những chỗ uyên-áo ở đâu cũng đều hiểu thấu cả. Trần y-sĩ lấy làm lạ, bèn khuyên cụ Lãn nên lưu-tâm đến nghề làm thuốc để mà bảo-thân tế-nhân, và hứa sẽ đem tất cả cái học của mình mà truyền-thụ cho. Và trong cái chí trách-nghiệp của cụ Lãn lúc bấy giờ cũng đã thể-nhận ra được cái tôn-chỉ của khoa y-học là một cái học cách-tri rất bao-la, rất thâm-áo và rất mật-thiết. Mà trong học-giới của Á-Đông ta ngày trước, nói đến cái nghĩa tri-trí cách-vật, cũng chỉ có một khoa học này là lược-bị mà thôi, nghĩa là trước phải nhất-quán cả thiên địa nhân, phải hội-thông với cái triết-lý trong kinh *Dịch*, rồi sau phải khảo-nghiệm và điều-nhiếp chế-hóa cả các tinh-chất của vạn-loại trong vũ-trụ, để dùng làm cái tài-liệu hộ-vệ cái phúc-thọ-khang cho nhân-loại, thật là một cái học rất quan-hệ cho nước cho dân, cho nhân-quần xã-hội, cho nên cổ-nhân thường cho cái trách-nhiệm của một ông thầy thuốc cũng bằng cái trách-nhiệm của một ông tế-tướng. Phương-chi người Việt-Nam ta, đối với khoa-học này từ trước đến bấy giờ, cũng chỉ mới biết học mò cái cách làm thuốc của Trung-quốc mà thôi, thực chưa có ai biết tự thí-nghiệm để biệt-lập ra được một nhà danh-gia bao giờ, nay ví đem cái tài yêm-bác, cái lòng cao-thượng, cái bụng bác-ái, cái chí kiên-nhẫn như cụ Lãn, mà hết sức nghiên-cứu lấy một khoa-học này, thì học-nghiệp lo gì không thành-tựu, sự-nghiệp lo gì không phát-đạt, mà cái đạo-thuật truyền đi đến muôn đời, lại chả còn hơn cái huân-danh chỉ rực-rỡ được có một lúc hay sao? Cụ Lãn nghĩ như thế cho nên cái sự thụ-nghiệp ở Trần y-sĩ, vì mắc việc thì lại thôi, mà cái chí học thuốc của cụ thì đã nhất-định rồi. Xảy có quân loạn-đảng ở ngoài Bắc, bị quân Chính-phủ đánh thua chạy vào hạt Nghệ-An, nên quan Hải tướng-quân (ông này trong bài tự của cụ Lãn không nói rõ tên, nhưng chắc là ông Phạm Đình-Trọng người Hải-dương đuổi đánh giặc Hèo) là chủ-súy quân Chính-phủ kéo vào vây đất Bào-giang (về hạt Nghệ-an), những người thân-bằng của cụ ở Nghệ-an ra đi tòng-quân cũng nhiều, có người nói với Hải tướng-quân mà đề-bạt lên cho cụ. Hải tướng-quân cho chờ lệnh về tận nhà mời, cụ mới phải ra yết-kiến trước viên-môn. Hải tướng-quân vốn có bụng ái-tài, nay xét thấy cụ Lãn là người thực quả có tài, thì tin-dụng ngay, bèn mật sai cụ đem quân việt-hiếm qua Cao-châu lên ra đằng sau giặc mà đánh chặn đường viện-binh của nó; tướng-quân lại dụ cụ rằng: “Trận này thành-công thì được bá-tướng phong-hầu ngay.” Đó là cái chân-tình của Hải tướng-quân như vậy, nhưng có biết đâu cái chí cao của một đảng trượng-phu đã quyết-định làm việc gì mà đã đình-ninh trong dạ rồi, thì dầu tôn-hiến phú-quí đến thế nào, cũng không di-dịch đi được, nữa là một cái công nhật bã mía đi sau voi, thì có làm gì? Cho nên cụ nghĩ ngay trong bụng rằng: “Cái đám lợi-danh mình đã phó theo với phiến nhân-vân cùng dòng lưu-thủy kia bao lâu rồi.” Bèn cáo-từ có mẹ già không có thể đi xa được, tức-thì trở về Hương sơn dùm mấy gian thảo-dưỡng ở dưới cửa rừng, dốc trí học thuốc, thu-tập khắp cả các sách bách-gia, đêm ngày kê-cứu, không dám bỏ qua một chút thì-giờ nào. Song cái chỗ cụ ở là một nơi ngõ hẹp hang cùng, trên không có ai là minh-sư, dưới không có ai là lương-hữu, để mà cậy trông, chỉ tự nói tự bàn, tự hỏi tự đáp, lẫn mò tưởng-tưởng lấy một mình mà thôi. Duy ở Đổ-xá là một làng gần miền, có một thầy lang cũng họ Trần, học-hành cũng khá, cụ đi lại rất thân, cũng có bổ-ích đôi chút. Mãi hai ba năm sau cái trí-thức về y-học cũng đã mở-mang ra nhiều, mà cụ vẫn còn lấy làm ngờ, chưa dám tin cái sự suy-trắc của mình là phải. Đến năm Cảnh-hưng thứ 17, lại ra kinh-thành tìm thầy, nhưng thầy thì nhiều mà hay thì hiếm, rủi thay cho cụ không gặp được ai là bậc cao-minh lại phải trở về cố-sơn, tạ-tuyệt những bạn trúc-tùng, đóng cửa xem sách, tấm-lì dần-dà, mấy năm nữa rồi mới ra chữa, thì thấy kiến-hiệu nhiều. Trong huyện-hạt người ta đều gọi là một ông thầy thuốc, cụ mới tự nghĩ rằng: Mình đã chót nhận lấy làm một ông thầy thuốc, thì phải làm thế nào cho hết cái năng-sự của mình, là phải trước-thuật cho rộng, để dựng lấy một lá cờ xích-xi ở trong y-giới, dù có ai cho là phô-trương cũng không ngại, chỉ ngại rằng cái lẽ làm thuốc thì cực rộng, sách làm thuốc thì cực nhiều, môn này mục nọ, tản-mạn vô-cùng, mà những chỗ các đấng hiền-triết tiên-bồi, luận-bệnh lập-phương, cũng còn nhiều điều chưa được đích-đáng lắm, thế-tất bây giờ phải hội-thông cả bách gia lại, mà lập ra thành một bộ sách riêng thì mới được. <https://thuvienash.vn>

rằng: “Cái sự trước-thư lập-ngôn không phải là dễ, ngàn-ngữ có câu rằng: *cho đơn hơn cho thuốc*, nghĩa là thuốc chỉ chữa được một người mà đơn thì cái ơn không bao giờ hết; song nghĩ cho kỹ, nếu trong đơn mà có một vị nào chưa đáng, thì bao nhiêu người sẽ phải hàm-oan. Phương-chi là sách đã thoát-cáo ra rồi, câu nào cũng phải nhất-định bất-di, nếu có một chữ nào sai-lầm thì di-hại lại bằng mấy mươi cho đơn vậy... (lược)... Coi đó thì ai là người mà không phải hàn-tâm”. Bởi thế cụ muốn nói mà chưa dám nói, có chí mà chưa dám làm; sau đó có một hôm gặp một cái bệnh biến-ảo vô đoan, phải tra bao nhiêu sách, phí bao nhiêu công, nghĩ-ngợi mới chữa khỏi. Ông Thạch-trai tiên-sinh là anh cụ, thấy thế mới khuyên cụ nên dụng lực về sự trước-thư để truyền-thụ cho đời sau, cụ bấy giờ mới dám quyết làm trong mười năm, thành một bộ sách thuốc sáu-mười-nhăm quyển, nhan là: “*Lãn-ông tâm-lĩnh*”, Sách của cụ làm xong, còn để ở nhà, chữa cho công-bổ ra ngoài, mà khi cụ thượng Kinh, mới tới Hà-nội, đã thấy kẻ được một tập, người được vài quyển, nhờ [đó] mà nổi danh trong nghề làm thuốc. Người thì truy-ơn lập bàn thờ sinh-vị cụ đã lâu, người thì nghe thấy tin cụ ra, đưa thơ đưa lễ đến lạ. Mới biết là bởi học-trò cụ sao được rồi truyền đi. Vậy thì sách của cụ có giá-trị ở trong y-giới Việt-Nam ta mà được quốc-dân hoan-ngheh ngay hiện-thời là dường nào!

Bấy giờ cụ Lãn thấy cái nền-nếp về y-khoa của mình, đã có cái thế vững-vàng rồi, mới lo tìm cách để khuếch-trương ra cho được thực-hành, bèn mở ra một trường dạy học thuốc ở trong nhà và lập ra một hội Y-ti để cho các đạo-đồ, kẻ còn đang tòng-học hay kẻ đã tốt-nghiệp rồi, được có chỗ mà quan-ma căng-thức với nhau.

Cụ Lãn vốn là một người tính-tình vui-vẻ, biết thưởng-thức cả những cái thiên-công nhân-xảo, chứ không một niềm thiết-tha khắc-khổ như mấy ông cụ đồ già khác, ở trong nhà bấy giờ lập ra có đường (nhà rộng), có đình (nhà vuông giữa vườn), có hoa-viên, thư-viện, có ao cá, mướu chim, mà mỗi chỗ đều có đặt một tên riêng, như Di-chân-đường là nơi tự lạc của gia-tộc; Tối-quảng-đình là nơi để xem sách, vân vân. Lúc dư-nhàn cùng năm ba kẻ quán-đồng dạo chơi giải trí, nào đàn, nào cờ, nào thơ, nào rượu, nào đi câu, nào hoa cười dưới tiệc, chim nói trong lồng, trước cửa chờ trăng, ngoài hiên hóng gió, giữa chỗ non xanh nước biếc mà cái thú thanh-lao phong-vận lại gấp mấy mươi nơi gác tía lầu son. Cụ thường thuật-hứng có câu rằng: “Chín mong đời được thọ khang, ngâm thơ chuốc rượu thày lang càng rồi”. Cụ thật là đạo-đức-tiên-sinh mà phong-lưu-tiên-sinh.

Năm Cảnh-hưng thứ 43, cụ đã sáu-mười tuổi, có quan Chánh-đường (tức là quan Tế-tướng, ông này trong sách *Du-ký* của cụ Lãn không nói rõ tên, nhưng cứ cái việc cố-mệnh bị-sát về sau thì ông Nguyễn Hoãn) trước trấn Nghệ-an đã từng mời cụ chữa thuốc; nay nhân thế-tử Trịnh Cán là con Thánh-tổ Trịnh-vương Trịnh Xâm có bệnh, ông mới tâu với chúa Trịnh truyền-chỉ triệu cụ vào Kinh chữa cho Thế-tử; cụ tiếp chỉ lấy làm phiên-muộn lăm, sau bất-đắc-dĩ mới phải đi.

Trước cụ không muốn đi là vì sợ cái danh-cương lợi-tỏa nó thúc-phọc mình mà không thực-hành được cái đạo nghệ của mình, cho nên cụ có nói rằng: “Mình lấy sự bảo-thân tế-nhân làm đặc-sách, nhất-đán bị cái hư-danh nó làm hệ-lụy cho mình đến thế này”. Ấy cái sơ-tâm của cụ đối với sự tuyên-triệu mà sinh ra ác-cảm là thế, chứ không phải như cái chủ-nghĩa của bọn Tràng Thư, Kiệt Nịnh ở Trung-Quốc, chán đời trốn thế, chết rấp nơi ngòi lạch mà không ích gì cho ai. Sau nghĩ đi nghĩ lại cụ thề với thần-mình mà rằng: “Tôi khốn-tâm hoành-lự về một nghề y-đạo đã 30 năm nay, tập được một bộ *Tâm-lĩnh* muốn đem vấn thế, nhưng việc cả nhà nghèo, xin thần-minh cảm-cách cái tấm thành-tâm này cho, thì chuyến đi này tất có chỗ tao-ngộ cũng chưa biết chừng.” Nghĩa là cụ biết không đi không được, thì lợi-dụng chuyến đi đó may mà cái thành-tâm của mình có cảm-cách được ai là kẻ hữu-tâm giúp cho ít tư-bản để ấn-hành được bộ sách mới của mình mà truyền-bá ra với thiên-hạ hậu-thế, thì càng hay lắm. Cho nên phải thề với thần-minh, tức là phân-phô với cái lương-tâm mình để giải bày ra cái bụng khổ-tâm vị đạo, chứ không phải như cái bọn Di Tề giả ở nước ta, trước làm quan nhà Lê đến lúc nhà Lê mất rủ nhau đi ẩn, sau chán rau vị chất lại giắt nhau hạ-sơn vậy.

Cụ vào vương-phủ thăm bệnh cho Thế-tử. Thế-tử mới lên độ 5, 6 tuổi mà bị bệnh đã lâu ngày, cụ biết không thọ được, vả xem qua cái gương thế-sự ở ngoài trong bấy nhiêu ngày trời, thì lại càng chắc rằng cái

điều sở-trước của mình cũng chẳng ăn thua gì nữa, nếu nay dùng cách chữa cấp-hiệu ngay cho tạm đỡ, thì sợ không thoát khỏi lao-lung, để về chốn cố-sơn của mình được. Cự bèn kê một đơn thuốc hòa-hoãn bất-trùng bất-viễn đệ lên. Trịnh-chủ xem *khải*, khen cho thâm-thông y-lý, truyền ban cho thế-tộc. Cự biết tin liền cáo-bệnh không vào chầu, rồi hết sức nhờ quan Chánh-đường kêu cho là suy-lão, xin phóng-hồi mà không chịu ăn lương; quan Chánh-đường tuy có kêu cho, nhưng còn bắt cụ phải lưu lại ở trong kinh để đãi-mệnh. Cự xin ra ngoài phố trọ, làm thuốc kiếm lộc tiêu, chứ không ở trong công-dinh nữa.

Cự từ ra Hà-nội, nào là y-học tinh-vi, nào là thi-hoài siêu-mại, nào là khí-tiết thanh-cao, tiếng-tâm lừng-lẫy cả trong triều ngoài nội. Không kể những kẻ xin thuốc chữa bệnh, từ các bậc danh-công cự-khanh, cho chi các hàng thân-sĩ, ai được tiếp chuyện họa thơ với cụ thì lấy làm hân-hạnh vô-cùng. Có người chưa từng biết mặt bao giờ cũng họa thơ đưa lại, cụ phải ứng-tiếp luôn luôn, không lúc nào ngơi.

Ở kinh sáu tháng, vào vương-phủ làm thuốc hai lần, quan Tế-thần lễ-trọng, chúc Trịnh-vương là một vị hùng-chủ, vũ-mạnh văn-hay, uy-quyền lẫm-liệt, có lòng quyến-ái, ân-ngộ ưu-ốc, khi thì thưởng tiền “Thái-lao”, lúc thì ban cơm “Ngự soạn”, mà cụ vẫn lấy làm bứt-dứt khó chịu, chỉ xin phóng-hồi không được. Có một hôm, Trịnh-vương ban khen về việc “tấu-đối tường-minh, am-thông y-lý”, thưởng cho tiền để may áo mới mà vào chầu cho trọng-thể; quan Chánh-đường đã biết ý cụ, phải dận đi dận lại hai ba lần và đe rằng: “Hễ mai ông vào chầu mà còn ăn-vận thế này, thì cho là bạc-thị-quân-ân, sẽ phải tử-tội,” cụ mới phải đi mượn áo mũ của những chỗ thân-nhân, chứ không chịu may. Thế ra trước kia những khi gần kề trường-giam, gang-tấc mặt rồng, cụ cũng chỉ đeo cái bộ y-phục chất-phác cũ của nhà nho dầy thô, chứ không có trang-tác quan-dạng gì cả.

Tuy-nhiên, cái vận-mệnh của Trịnh-vương và Thế-tử cũng đã đến ngày cả rồi, cho nên chẳng khác chi ông Tề Hoàn-công lúc bệnh còn ở ngoài thấu-lý thì không cho chữa; đến khi bệnh đã vào trong cao-hoang rồi, dẫu ông Biển-Thước cũng phải bỏ mà chạy. Cuối năm ấy, chúa Trịnh phát bệnh nặng, lại triệu cụ vào, cụ hết sức chữa mà chúa Trịnh cũng không qua được. Còn Thế-tử thì bệnh đã lâu, mà cái đơn của cụ kê lên từ mấy tháng trước, thì tin lời gièm-pha không cho uống qua một lần nào, đến lúc vào chữa cho Trịnh-vương thì mới cho chữa cho cả Thế-tử nữa. Thế-tử tuy đã bớt, hôm tập-vị ra thị-triều, bị cảm lại mà phát kịch thêm ra. Cự mới thác-ngôn với quan Chánh-đường rằng: “Có gia-thư nói trong nhà quê có người bị bệnh nguy-cấp lắm, xin tạm về.” Bấy giờ quan Chánh-đường với các quan cố-mệnh kẻ ứng người không, cụ cũng cứ vào tạ Tân-vương mà về, đi đường mừng lẫm, nói rằng: “Chẳng khác như cá thoát lưới, chim sổ lồng”. Về đến nhà được mấy hôm, thì bọn Tam-phủ-binh kéo đến phá và giết cả nhà quan Chánh-đường, và các quan cố-mệnh-đại-thần, phé Trịnh Cán mà lập Trịnh Khải, rồi Trịnh Cán bệnh thêm nguy ra mà chết. Cự liền cất bút chép lấy những sự lịch-du và những án chữa bệnh trong khi thượng Kinh, đề là “*Thượng-kinh ký-sự*”, phụ xuống cuối bộ *Tâm-lĩnh* thành 65 quyển. Quyển *du-ký* ấy vừa thơ vừa ký, văn-thái phong-lưu, thật là một cuốn văn du-ký kiệt-tác mới xuất-hiện ra ở trong văn-học-giới Việt-Nam ta xưa nay. Từ đó khước-trương, thêm cái y-hội đã tổ-chức trước, giảng-lập cho đạo-đồ mà ưu-du chung-lão.

Cự Lãn là một người con nhà thế-phiệt, văn võ kiêm-toàn, tài đức vẹn đủ, đang buổi thiếu-niên anh-nhuệ, đủ sức tranh-khôi đoạt-giáp, có dịp bá-tướng phong-hầu, mà bỗng nhất-đán vất bỏ cả công-danh không thiết gì đến phú-quí, chỉ biết hi-sinh một cái thân mình, để cống-hiến cho khoa-học, mà học thì cốt lấy sáng-kiến làm quý, về y-khoa thì biệt riêng ra một môn-hộ ở Á-Đông, về văn-học thì lấy thơ văn để làm cái chỗ phát-triển ra những tư-tưởng mới, cụ thật là một nhà kiêm cả đại-y-học, đại-văn-hào, đại-thi-bá và đại-cao-thượng ở Việt-Nam ta, dẫu đem so-sánh với các đấng cao-hiền thực-học về hai phương Thái-đông Thái-tây xưa nay, cũng không thẹn gì vậy.

Một câu cách-ngôn về thực-nghiệp của Cự Lãn

Ta muốn biết một câu cách-ngôn của cụ Lãn sẽ kể ra sau này là một câu sáng-kiến thế nào, thì trước hết ta phải biết cái học-thuật tư-tưởng của thời-đại cụ lúc bấy giờ thế nào đã. Nước ta nhất là về thời-đại nhà Hậu-Lê, cái học-thuật tư-tưởng của cả toàn-thể quốc-dân, cơ-hồ thu-nạp cả vào trong đôn-chữ <https://thuvien sach.vn> *cáo-khoa*

hiển-hoạn” mà thôi; xả cái văn-chương cử-nghiệp ra, không còn có cái gì là đáng nghiên-cứu, ngoài cái sự tổ-quan ra không còn có cái sự-nghiệp gì đáng nên làm, cứ xem ngay những lời vật-luận của người ta đối với cụ lúc bấy giờ thì biết. Một ông quan Văn-thư bảo cụ rằng: “Cụ là một người cao-ãn mà mượn cái tiếng làm ông thầy thuốc đẩy thôi.” Lại như ông Thạch-Trai-tiên-sinh là anh cụ, đã là người đạt-giả, mà lúc khuyên em là sách thuốc cũng nói rằng: “Ngô-nho học giỏi thì ra làm quan,...(lược)..., đạo y cũng bởi đạo nho mà ra, tuy là bá-đạo, chẳng còn hơn nhà Đạo nhà Thích là những bọn dị-đoan dư?” Mà chính cụ Lãn cũng tự-thán rằng: “Họ cứ đồn rằng mình là một người đại-thần-cử-tri, Thánh-chỉ-tuyên-triệu, thì họ tưởng là mình có kỳ-tài gì ở nơi nham-huyệt, còn sự làm thuốc thì họ cho là một nghề mọn đó thôi, chứ có kể gì.” Nhất là một hôm có một ông khách họ Trần mới đỗ Giải-nguyên đến chơi nhà cụ, ông thấy ở trên án chông-chất một bộ sách thuốc khá cao của cụ mới soạn ra, ông thâm-bi mà rằng: “Đạo-lý là cái đường để vi-trị rất lớn, ở trong *Kinh* nói: “*Tinh-nhất chấp-trung*”, trong *Truyện* nói: “*Tu, tề, trị, bình*”, người ta mà sở-dĩ lập lên được những cái qui-mô chất-trị thăng-bình cũng là nhờ cả ở đó, tức như chữ “*bác-thi*” của đời Đế cùng nghĩa “*toại-nhân*” của đời Vương, bao nhiêu thiện-chính lương-pháp còn đầy dẫy ở cả trong sử-sách; đến như sự làm thuốc thì chỉ thấy chép có một chỗ ở sách ngoại-sử về Ngũ-đế-kỷ mà thôi, rồi không thấy nói đến ở đâu nữa, bởi vậy nho-giả ở đời, xôi kinh nấu sủ, hè lại đông qua, lấy cái áo mũ được ban lúc đỗ làm cái thê-giai, lấy cái việc chống-đỡ ngôi trời làm cái sự-nghiệp rất lớn, còn như sự làm thuốc, thì chỉ gọi là một nghề, kêu là một thuật, có hơi trọng thì cho là một nhân-thuật mà thôi, tựa-hồ việc làm thuốc không phải là đạo-lý.” Lời của Giải-nguyên họ Trần thực đủ làm đại-biểu cho cả học-thuật tư-tưởng đời ấy.

Thế mà cái nghề mà cụ Lãn lấy làm trân-bảo thì lại hóa ra người ta cho là khinh-thường, quan Văn-thư thì cho là mượn tiếng làm thuốc mà đi ẩn, anh ruột thì cho là bá-đạo, chúng-nhân thì ngờ là có cái kỳ-tài gì khác, đến lần này lại bị một viên cử-khôi trong đám khoa-tràng bài-xích hằn ra ngoài đạo-lý; giá những kẻ kiến-thức không xác, tri-chí không kiên, mà đương vào những đám vật-luận công-kích như thế thời không khỏi đến phải ngã lòng, thế mà cụ không những không thoái-xúc, lại cả gan như dám vì cái chủ-nghĩa khoa-học của mình, kéo cờ giống trống ra mà phản-đối lại, *dạn-dầy mới biết gan liền tướng-quân!* Cụ đối khách ngậm-ngùi than rằng: “Ông chấp-kiến như thế chẳng hóa ra ông *thả chông đường rộng, dấp gai lối dài* hay sao? Phàm đã gọi là đạo, thì chu-lưu bàng-bạc khắp cả ở trong thiên-địa-gian này không đâu không có, suy ra từ lớn chí nhỏ, không biết bao nhiêu là việc, có phải chỉ cứ một việc nào mới là khang-tế...” ấy một câu từ chữ “*đã gọi là đạo*”, cho đến chữ “*mới là khang-tế*” của cụ Lãn nói đây, thực là một câu cách-ngôn rất tinh-thiết về thực-nghiệp-giới mới sáng-kiến ra ở Á-Đông này vậy. Ôi! “Đạo là việc đương-nhiên, lý là việc sở-dĩ-nhiên”, đó là lời của vua Thánh-tôn là một nhà lý-học về lúc học-giới nhà Lê đang thịnh thời đã giải về nghĩa chữ *đạo-lý* rất rõ-ràng thiết-đáng như vậy. Vậy đã gọi là sĩ-quân-tử ở đời, thì bao nhiêu những việc ở đời, xa từ trời đất muôn vật, lớn từ việc nước việc đời, gần đến trong thân trong nhà, nhỏ đến ăn-uống hành-động, cái gì mà người đời đã phải làm đến, đã phải biết đến, thì cái gì mà không phải là đạo-lý, không phải là việc phận-sự của kẻ sĩ-quân-tử, phải nên khang-tế cho đời được hay được thịnh, thế mà nhà-nho chỉ khu-khu biết có vài đại-đoan về “*Tu, tề, trị, bình*” mới là đạo-lý mà thôi, thì sở-kiến hầy còn hẹp lắm.

Cụ HUXLEY (Tàu dịch là *Hách-ti-lê*) là một nhà đại-nho nước Anh, có bàn về các phái cổ-học Thái-Tây ở trong sách *Thiên-điển-luận* của cụ; cụ giải cái học của cụ SOCRATE (Tàu dịch là Tô-cách-lạp-đế) là cái học không biết lấy cách-tri làm trọng, rồi cụ nói rằng: “Lý không cứ gì lớn hay là nhỏ, hễ đã có tích-luận đối-đãi với nhau thời đều là cái việc ở trong học-vấn phải nên biết đến cả.” Đó là thuyết của cụ Huxley nói về nghĩa trí-tri, mà thuyết của cụ Lãn nói ở đây thì là nghĩa thực-hành, có biết thì mới làm được, muốn làm thì phải biết đã, hai phương-diện có khác nhau, mà đại-bản thì là một.

Cụ HUXLEY lại nói rằng: “Bàn về sự học ở đời bây giờ thì có: danh-học, số-học, chất-học và lực-học, là những cái học rất tinh hơn cả, cương nào mục ấy, tiêm-tất sẵn-sàng, người ta có thể cầm lấy cái tả-khoản mà xoay đi xoay lại được, còn như cái học tâm-thân, tinh-mệnh, đạo-đức, trị-bình kia, bất-quá mới hơi nhòm thấy cái đại-ý đấy mà thôi, chứ chưa phải là vén mây trông thấy trời xanh vậy.” Đó là cụ HUXLEY

cho cái học tâm-tính trị-bình của nhà cổ-nho bên Thái-Tây là còn khuyết-điểm, chưa được hoàn-toàn bằng cái học cách-tri bây giờ, mà cái học cổ-nho bên Thái-Tây thì cũng tức như là cái học cổ-nho bên Thái-Đông ta, hai cái học ấy so với cái học cách-tri, tuy cái phạm-vi còn hẹp-hòi thật, nhưng cũng vẫn là thực-học, là cái học chân-nho, không đến nỗi như cái học khoa-cử của Trần Giải-Nguyên xưng-giương ở trên kia, thì thực là học hư-văn, là cái học ngụy-nho, chỉ mượn lấy cái lời không-ngôn của cổ-nhân để làm cái sáo khấu-đầu, còn kỳ-thực thì “lấy thánh-kinh làm quyển văn cũ, coi cổ-sử như vở biên bài” như lời điều-trần thời-tệ của Bùi Sĩ-Tiêm đã nói ở đời Vĩnh-khánh (Lê-đế Duy-Phường), cho được bước lên cái thế-giai phú-quí là hết, chứ không còn có tí gì là cái tinh-thần của cổ-nhân nữa. Coi đó thì biết cái học-thuật tư-tưởng của người Việt-Nam ta đến đời nhà Hậu-Lê lúc bấy giờ lại càng là kém quá, mà dân-trí từ đó về sau cũng hệ ở đấy.

Cụ HUXLEY thì giải-minh ra cái học tâm-tính trị-bình của cụ SOCRATE là không được mĩ-bị bằng cái học cách-tri đời này, mà trên kia những thuyết của cụ Lãn biện-luận với Giải-nguyên họ Trần đều là cụ tự-thuật ra ở trong bài tự-tự sách *Tâm-lĩnh* để giải-minh ra cái tôn-chỉ về khoa y-học của mình mà tuyên-chiến với bọn hủ-nho để tranh lấy một địa-vị ở trong học-thuật tư-tưởng-giới đời ấy. Vậy thì cụ Lãn với cụ HUXLEY hai cụ niên-đại cách nhau xa, phong-khí khác nhau hẳn, mà văn-chương tư-tưởng thật là giống nhau quá! Thế mới biết lý đã đến chân-thực thì cổ-kim đông tây không khác gì nhau. Tuy-nhiên, cụ HUXLEY sinh ở đời này là lúc học-lý đã minh-thịnh rồi, thì biết cũng dễ, đến như cụ Lãn thì sinh và hóa đều trước cụ HUXLEY hơn một trăm năm (Lãn-ông 1721-1792, HUXLEY 1825-1895) là lúc cái vầng bạch-nhật của học-lý trong thế-giới, về Thái-Tây thì mới như rạng ngày mà về Á-Đông thì còn như đang đêm, thế mà cụ Lãn biết nói như thế mà không phải là sáng-kiến là gì?

Ôi! cái học khoa-cử hư-văn bằng Hán-tự làm mê-muội quốc-dân ta nay đã quá-khứ đi rồi, sao cho tránh khỏi cái học khoa-cử hư-văn khác sau này thì cái tiền-đồ của học-giới nước ta mới mong có ngày tấn-tới lên được.

Môn thuốc của cụ Lãn

Trong cựu-y-giới nước ta có một môn thuốc gọi là “*môn thuốc Lãn-ông*” được tín-dụng với quốc-dân ta đã hơn một trăm năm nay, hơn cả các môn thuốc khác của Trung-quốc đưa lại, phàm những nhà có học, khi đi lấy thuốc, nghe ông thầy nào làm môn Lãn-ông thì không nghi-ngờ gì nữa, mà ông thầy nào có học-thức nhiều, mới làm nổi môn ấy, bởi vì luận-thuyết của cụ thì tinh-túy mà cách trị-liệu của cụ thì bình-ôn chắc-chắn. Xem như một bệnh thương-hàn (đây nói cả các chứng sốt *fièvre*), cụ cực-lực bác các bài “*phát-hãn*” của Tàu là mãnh-liệt không thích-hợp với cái tinh-chất của người nước ta. Ở xứ nóng cụ có nghiệm, mấy bài “*giải, lại biểu và hòa-lý*” cho được thuận-hòa để chữa bệnh thương hàn cho người bản-xứ, đã có hai nhà bán sau này thực là hiểu-thấu được cái tinh-thần về môn thuốc của cụ. Ông Vũ Xuân-Hiên làm tựa sách *Tâm-lĩnh* của cụ Lãn có nói rằng: “Lãn tiên-sinh luận cái khí-bẩm của nam-phương khác với bắc-phương thì cái cách trị-liệu của hậu-nhân nên khác với cổ-nhân”. Lại nói rằng: “Tiên-sinh nói những nghĩa mà tiền-nhân chưa nói đủ”. Ông Đại-tráng-thiên-sư là một nhà yêm-bác ở gần thời cũng nói rằng: “Ông Lãn sinh ở đất này, hiểu cái cách chữa bệnh cho người ở đây”; và rằng: “Tập đại-thành của các nhà mà phát-minh ra những lẽ mà cổ-nhân chưa biết đến”. Còn về những tính dược và những phép bào-chế của cụ cũng thiết-thực, tinh-mật hơn các sách khác. Về thuốc nam cụ cũng càng lấy làm chú-ý, tường-biện những tên thổ-âm và những tên tục-danh của những vị thuốc sản ở đất Lĩnh-nam ta, rồi chú-giải các tinh thuốc và các cách chữa mà biện làm sách *Lĩnh-nam bản-thảo* riêng. Xem một vị *Bá chính-xâm* từ cụ đề-xướng lên mà đến nay thành đại-dụng, giảm được cái số xâm bắc đi nhiều. Coi đó thì biết cụ Lãn học cổ-nhân mà biết tùy-thời biến-hóa, chứ không chịu nô-lệ của cổ-nhân, học bắc-quốc mà biết tùy đất biến-thiên, chứ không chịu chấp-nệ của bắc quốc, hấp lấy cái tinh-túy của người ta mà lập riêng ra một môn-hộ cho người nước mình, cụ thật là một người khéo biết học thay!

Ôi! Cái trình-độ dân-trí đã ngày một tiến lên, thì cái phạm-vi học-vấn cũng phải ngày một đổi mới, cụ Lãn

đến nay đã lâu rồi, cái học của cụ đã thành cổ rồi, cụ khả-dĩ cáo vô-tội với tổ-quốc ở trong học-giới về quá-khứ thời-đại, còn sinh sau cụ mà xử vào cái thời-đại học-giới canh-tân này thì sao?

Công-phu trước-thuật của cụ Lãn

Cái sự-nghiệp về nghề trước-thuật của người Việt-Nam ta phát-đạt đã lâu, sách soạn ra cũng nhiều mà kể cái số đại-đoạn-công-phu thì chưa có bộ nào bằng bộ *Tâm-lĩnh* là một bộ sách thuốc của cụ Lãn. Sách soạn dòng-dã ngoại 10 năm mới thành toàn-chật 66 quyển, hội-thông cả bách-gia, chỗ thì theo, chỗ thì cải, chỗ thì bổ thêm, chỗ thì duyệt-nghiệm lắm mà tâm-đắc nghĩ ra, luận-liệt sung-thiêm tinh-tường, chú-thích kỹ-càng cẩn-thận, những chỗ tiết-mục dấu-hiệu, số-thứ cũng đều tinh-tế minh-bạch, cho đến những tên nhan sách cũng đều dùng lấy những tiếng điển-nhã, như là sách nói về nhi-khoa thì đề là “*Ấu-ấu tu-tri*”, sách nói về sản-khoa thì đề là “*Tọa-thảo lương-mô*”, sách nói về những bài thuốc của cụ mới tìm ra thì đề là “*Hiệu-phòng-tân-phương*”; v.v., đến như y-án, những bệnh khó mà chữa được thì ghi vào tập “*Dương-án*” đã đành, những bệnh khó không chữa được, cũng ghép vào tập “*Âm-án*” để làm cái nghi-án hỏi đời sau.

Ngoài việc thuốc-thang ra lại phụ thêm những lời y-huấn cách-ngôn và những thơ những ký trong khi đặc-ý làm ra, mà chỗ nào cũng đời có cái ý phải hết trách-nhiệm về việc làm thuốc, để cho bọn con nhà nghề được thêm cái lòng đạo-tâm, cái thú cao-hứng ra, mà hết lòng hết sức với nhân-quần xã-hội. Tổng-chi là bộ sách ấy, cách kết-cấu bài-bố đều nhóm có cái thể-tài văn-minh cả, cụ thật đã sành nghề thay! Sách đến nay tuy đã thành sách cổ rồi, mà cứ kể cái công phu, cái thể-thế cũng còn đáng dự vào hạng những nhà đại-trước-thuật trong thế-giới bây giờ.

Thơ văn của cụ Lãn

Thơ Hán-văn ở Việt-Nam ta, vốn học của Tàu, mà nhất là lấy thơ Thịnh-Đường làm cái mô-phạm tối-cao, từ Lý, Trần, đến Tiền-Lê, trong thi-giới đã có nhiều nhà thơ phảng-phất được với thơ Thịnh-Đường rồi, tới Hậu-Lê có cụ Lãn là một người cao-khiết phong-lưu, bi-ca kháng-khái, người đáng nên thơ, cảnh đáng nên thơ, sự-nghiệp cũng lại càng đáng nên thơ, mà thơ lại sẵn có thiên-tài ngay từ thừa nhỏ, cho nên lại có nhiều vẻ đặc-sắc, biệt-thành ra một nhà danh-gia, nay đan-cử vài câu dịch ra như sau này:

Hai câu “*Nhàn-hứng*”

Gia-Cát vị gì ba bận rước,

Thơ cùn rượu hết chán Nam-dương.

,

.

Lại hai câu đi qua núi “*Thiên-nhân hoài-cổ*”

Thỏ-thỏ chim đồng ôn chuyện cũ,

Lờ-mờ rêu đá ký bài minh.

,

.

Thời ý-tứ đều cực cao-siêu mà mới-mẻ lắm. Còn thơ nôm là thơ nguyên-văn chính bằng tiếng ta, như hai câu “*Cung-oán*” rằng:

Mây ruồi chẳng kinh vàng nhật xế,

Xuân về thêm tiếc cánh hoa tàn.

Thời cũng thanh-thoát khả-ái thay!

Ông Viên-Hình là người rành thơ nhất ở đồng-thời với cụ có khen thơ của cụ rằng: “Thơ của ông thực là ý tại ngôn-ngoại mà nghe ra hàm-súc bất-tận.” Lại có Đặng-tiểu-thư là một nhà nữ-thi-sĩ trứ-danh ở thời ấy cũng nói: “Thơ của Tôn-bá, ý-tại ngôn-ngoại, đáng làm mô-phạm cho nhà thi-học.” Ấy thơ của cụ hay như <https://thuvien sach.vn>

thế, mà cụ thì không muốn hay lấy một mình, lại muốn cho ai ai cũng biết cách làm thơ hay nữa, cụ nói: “Thơ quý ở ý, ý quý ở xa, để người ta phải nghĩ mới tới, chứ không toàn ở lời, thế là một thượng-cách trong nghề làm thơ đó.” Vậy thì cụ lại kiêm cả thi-hào thi-học mà làm một nhà.

Văn thì hay viết lối cổ-văn, hùng-hồn mà uyên-súc lắm, và cũng lại một giọng “ý tại ngôn-ngoại” như là thơ, mà sở-trường nhất là về thể ký-sự. Cụ xử vào cái thời-thế danh-phận không minh, ngôn-luận rất không được tự-do, thế mà xem một bài Tự-tự và một quyển Du-ký, lấy cái địa-vị của một người bần-y, cất cái ngòi bút của một nhà hàn-sĩ mà miêu-tả được cả bao nhiêu cái chân-tướng của một xã-hội bấy giờ để truyền-bá ngay hiện-thời, nào cái tư-tưởng của phái “khoa-cử chi-học”, cái phong-lưu đạo-vị ở nơi nham-huyệt, nào cái cảnh-trí của giang-sơn, cái dư-vận của đế-đô, cái cao-sang của nhà vương-hầu; cho đến các việc bình-dân sĩ-nữ, dù dở dù hay, cứ việc chép thực, ngụ-bao ngụ-biểu, tùy người xem ra, thật là một lối văn-chương thâm-túy khôn-ngoan vậy.

Trích dịch mười bài trong tập thơ “Y-nhàn phụ-chí” của cụ Lãn

Thơ Hán-văn của cụ Lãn có hai tập, một tập là những thơ làm trong khi ra Kinh, thì đã chép ở quyển “Thượng Kinh ký-sự” sẽ dịch đủ cả ở quyển ấy sau này, còn một tập đề là: “Y-lý thân-nhàn, lý-ngôn phụ-chí”, là những thơ làm trong khi làm thuốc dược nhàn, có 29 bài, bài nào cũng hay, dịch-giả chọn lấy mười bài đặc-biệt hơn để dịch ra đây, gọi là tô-mạc lấy một đôi chút tinh-thần trong nguyên-thi cho khỏi di-lạc đi mất, còn những nhà bác-nhã muốn xem cho đủ thì đã có nguyên-thư.

I. An-bần

,
,
,
,
,
*Xá chi vinh nhục việc đời,
Dem thân đạo-nghiã vào nơi lâm-toàn.
Khi rồi sẽ gầy cung đàn,
Rượu đừng mua chịu kéo mang tiếng đời.
Lòng lành gọi chút thương người,
Sơ-tâm nào phải mưu lời chi đâu.
Biết vui nghèo cũng như giàu,
Nghìn vàng⁷ bữa ấy có cầu gì ai.*

LẠM-BÌNH.– Khi rồi mới gầy đàn, không bỏ phí thì-giờ, thế là cần; rượu không mua chịu khỏi mang nợ người, thế là kiệm. An-bần mà vẫn phải cần-kiệm, cụ Lãn sở-dĩ làm nên một nhà hiền-triết cũng là vì thế. Kia những kẻ cũng mượn tiếng phù-vân phù-quí, mà cứ lười-biếng, hoang-phóng, không sở-chí việc gì, rồi sau không tự-trị tự-lập được, cùng quá hóa quẫn, đến phải đi lụy người, thì con người ấy không những là người bỏ đi, mà lại có tội với xã-hội nữa.

II. Ngày xuân nhàn-hứng

Bài nhất

Xem cảnh chùa kia cũng khá nhàn,
Mà nhàn còn kém cảnh thầy lang.
Chim mển song râm dìu-đặt gáy,
Hoa ưa đàn ngọt ngạt-ngào nhang.
Công-danh ngoài ngõ xuôi dòng nước,
Nhân-nghĩa trong nhà sẵn có phương.

Gia-cát⁸ vị gì ba bận rước?

Thơ cùn rượu hết chán Nam-dương.

LÂM-BÌNH - Lãn-ông tiên-sinh ở đất Việt-Nam ta với Gia-Cát tiên-sinh ở bên Trung-quốc, hai cụ đều là những tay đa-tài túc-học, sinh phải thời buổi cùng một dân-chúng, chung một quốc-thổ, gây thành đảng-phái tranh-hành quyết-liệt với nhau, làm cho nhiễu-loạn một cái khu-vực tiểu-thiên-hạ, thời-cục phân-biệt rửa-rửa như nhau, ôm một cái hoài-bảo viễn-đại như nhau, mà chỉ vì chí-hướng không giống nhau, toại-thành ra kết-cục mỗi người một khác. Số là cụ Lãn kỳ-thủy cấp gươm ra xin đi tòng-nhung, nào thiết-kỳ, nào chế-thắng, chẳng ngại hiểm-nghèo, thì ai không bảo là chí về công-danh, thế mà không bao lâu bỗng nhân có điều cảm-súc, chẳng cần gì đến phong-hầu bá-tướng, quyết-ý quay về giảng-cầu thực-học để khai-đạo cho đời sau, thì lại thành ra người chí về đạo-đức. Cụ Gia-Cát kỳ-thủy cày ruộng ở đất Nam-dương, bó gối ngâm thơ *Lương-phủ*, thì ai không bảo là người chí về đạo-đức, thế mà không bao lâu nhân có Lưu Bị đến mời, bèn ra phù-tá, thì lại là người chí về công-danh. Nay cụ Lãn tự-vấn cái thừa bình-sinh của mình mà tự-giác rằng mình sở-dĩ hơn cụ Gia-Cát cũng ở chỗ ấy, cho nên cụ làm thơ nhàn-hứng này, về hai câu luận thì đề-khởi cái ý khinh công-danh, trọng nhân-nghĩa lên trước, rồi đến hai câu kết thì bị cụ Gia-Cát vì thơ cùn rượu hết, nên chán đất Nam-dương, là thừa-ý hai câu trên để tả rõ ra cái chí công-danh dù đến thế nào cũng không bằng cái chí nhân-nghĩa đạo-đức vậy. Ý cụ nói: Gia-Cát cũng chỉ vì không còn có cái hứng-vị gì đáng nguyện-ước với non-sông hoa-cỏ đất Nam-dương nữa, cho nên nhân chán sẵn mà ra, chứ ví bằng Gia-Cát mà còn có cái sở-chí như là lấy nghiên-cứu trước-thuật làm cái chức-phận của mình phải nên làm, lấy kế-vãng khai-lai làm cái sự-nghiệp độc-nhất vô-nhị, thì bông hoa nội, tiếng chim ngàn, cũng đủ làm trợ-hứng, câu thơ thần, chén rượu thánh, cũng đủ ngụ nhàn-thân; cho rằng ai có đón rước đến mấy mươi bận cũng không có thể đem cái việc lập-công ngăn-ngủi nhất-thời mà đánh đổ cái chí lập-ngôn lâu-dài vạn-thế kia đi được, nữa là mới có ba bận!

Xem Gia-Cát tiên-sinh về sau đến nỗi cúc-cung tận-tụy một đời mà sự-nghiệp bất-quá cũng chỉ làm cho dai-dẳng thêm vụ phân-tranh, mà chậm thêm cái mối nhất-thống của Trung-quốc đi mà thôi, chứ cũng không bổ-ích gì cho xã-hội, cho quốc-dân nước ấy, thì sao cho bằng cụ Lãn, nào văn-thơ, nào sách-vở, nào đạo-đức cao-thượng, nào y-học vĩ-nhân, sự-nghiệp đối với xã-hội, với quốc-dân ta bao giờ cho cùng!

Gia-Cát ở Á-Đông từ mười-tám thế-kỷ về trước, người ta chúc-tụng là dường nào, mà cụ Lãn bị-bác đi như thế, thế mới biết cái học-thuật, tư-tưởng của cụ, thật là trác-việt thiên-cổ.

Bài nhì

Văng-vẻ sơn-cư⁹ khép cửa sài¹⁰ ,
Biếng trông cờ thế được thua hoài.
Cơ-thể tuần-hoàn nghe tiếng sấm¹¹ ,
Lẽ trời bĩ-thái ngắm hoa mai¹² .
Bồi rượu hoa chào cười hớn-hở,
Học thơ chim tự giọng khoan-thai.
Phất-phới thôn đào hoa đỏ-chói,
Cách hoa văng-vẳng sáo chài ai.

III. Cáo-biệt bọn học-trò ở Bồ-đề (Hà Nội) để về nhà quê (nhân đi thăm một bệnh biết thế không chữa được, bèn cáo-từ trở về)

Vê thôi, thôi chịu bệnh cao-hoang¹³ ,
Gậy trúc xăm-xăm nẻo cố-san¹⁴ .
Chuốc chén ôm cầm tôi chuyển-choáng,
Mài gương đọc sách bác hiên-ngang.
Trước cửa còn đang chung bóng nguyệt,
Ngoài tường đâu đã giục còi sương¹⁵ .
Các bác tiền tôi rồi có nhớ,
Cứ trông thăm-thăm chỗ mây ngàn.

IV. Đề chùa Bồng-lai

Nhân gặp khi nhàn-hứng,
Rủ nhau trước phật-tiền.

Chùa cổ từ bao thừa?
Thông già đã mấy niên?
Cây cao chim quẩn quít,
Rừng thấp khói liên-miên.
Muốn biết đạo làm thuốc,
Phải nên ngồi “định-thiền”¹⁶.

V. Đi chữa thuốc qua núi Thiên-nhận¹⁷ hoài-cố

*Níp bần qua đó buổi sơn-hành¹⁸,
Ngán nỗi xưa sau chẳng xiết tình!
Thỏ-thẻ chim đồng ôn chuyện cũ,
Lờ-mờ rêu đá ký bài minh.*

Mây như phấp-phới vào vầy lũy,

Đá vẫn lô-nhô yếm phục-binh¹⁹.

Gành ấy tình này khôn dãi tỏ,

Bóng chiều tiếng địch vắng bên ghềnh.

LẠM-BÌNH.– Thơ này hai câu thứ ba, thứ tư, ý-tứ cụ cao xa, cữ-u-sử nói rằng: Lúc Lê-mạt, thiên-hạ chỉ biết có Trịnh mà không ai nhớ đến Lê, cho nên ở đây ý tác-giả nói: “Cái công-đức của đức Thái-tổ quốc-triều ta, đối với tổ-quốc ta, với quốc-dân ta, tưởng muôn nghìn đời về sau cũng không bao giờ quên đi được, thế mà mới hơn ba trăm năm nay, bây giờ ta đi qua đây là cái chỗ sáu năm buổi đầu Ngài mới ra chống nhau với quân nhà Minh ở đó, di-chỉ tuy còn mà ta muốn hỏi chuyện thì không ai nhớ, chỉ có những con chim nó hót thỏ-thẻ ở ngoài đồng như người ôn lại những câu chuyện cũ; ta muốn xem bia thì bia không có, chỉ có những rêu nó lan lờ-mờ ở trên vách đá, như những chữ bài minh ký-công mà thôi! Thế ra thời-nhân cơ-hồ quên mất cả cái lịch-sử của Ngài ở đây rồi chẳng? Tuy-nhiên, thời-nhân dù quên mặc lòng, nhưng ta nghe tiếng chim đồng, ta trông vết rêu đá, ta cũng đủ tưởng-tượng ra được một cái chuyện thực-lực của một đấng đại-anh-hùng, đại-vĩ-nhân, đã từng vì giang-sơn của tổ-quốc, vì quyền-lợi của quốc-dân, mà sáu năm đầu khống-tống gian-lao ở chỗ này, thế thì cái công-đức của Ngài bao giờ cũng vẫn còn ghi tạc ở trong tâm-mục của những người có cảm-tình, mà cùng với non sông cầm-thảo cũng phảng-phất lâu dài mãi mãi.” – Ý tác-giả cảm-hoài công-đức vua Lê Thái-tổ, tức là tỏ lòng yêu-mến tôn-xã nhà Hậu-Lê vậy.

VI. Đi qua sườn núi Hồng-Lĩnh²⁰ cảm hứng

[]

*Muốn dạo qua xem cảnh núi Hồng,
Thuốc-thang những bện chữa thông-dong.*

Cây đá từng chòm tinh cổ-sái²¹,

Khói mây mấy lớp khuất tầng-phòng.

Trăng tỏ vượn ra qui cửa Phật,
Chiều hôm hạc đủ đậu cành thông.
Ông xã trở tầng mây trắng-xóa,
Rừng chùa Hương²² ở đỉnh trung-phong.²³

VII. Đêm trăng đi thuyền trên bề

Trước doành trăng giục mũi thuyền quay,
Đêm vắng càng thêm lắm thú hay.
Hoa ngàn nhóng-nhánh màu sương nháy,
Cảnh tiết điều-hiu bóng núi gầy.
Véo-von thuyền khách bên bờ liễu,
Lạnh-lãnh chuông chùa đỉnh núi mây.
Ví chẳng vị người lo chút việc,
Cung cầm chén rượu chác vui đây.

VIII. Trùng-du chùa Sơn-Quang²⁴

Bấn-bít mười năm việc thuốc-thang,
Bấy nay mới được chút thanh-nhàn²⁵,
Rượu chờ tri-kỷ ngồi trên đá,
Tiếng nói truyền-thanh ngó trước hang.
Chật đất non Hồng trông bát-ngát,
Nghiêng trời sông Lãng²⁶ chảy mênh-mang.
Tà-dương cảnh ấy thơ như gợi,
Non nước trùng trùng bóng sáng choang.

IX. Đi chữa thuốc đêm qua núi Thiên-nhận

Một màu trắng xóa ngất lưng trời,
Mặt đá chân mây chẳng rõ người.
Tan cơn đỉnh núi trông lơ-lộ,
Vạch lối bên cây bóng tả-tơ.

Khắc-khoải đêm sương chim quốc rú²⁷,

Lạnh-lùng thành cỏ²⁸ lửa ma chơi²⁹.

Quản chi vất vả đêm hôm ấy,

Phận-sự về ta phải giúp đời.

LẠM-BÌNH.– Cụ Lãn đề thơ ở núi Thiên-nhận hai lần, bài trước đi ban ngày mà hoài-cổ, bài này đi ban đêm mà tức-cảnh, về hai câu luận thì có ngụ-ý điếu-cổ, nghe tiếng quốc kêu khắc-khoải ở địa núi Thiên-nhận đang lúc đêm sương mà chạnh niềm hưng-phế trong mây tang-thương; thấy ma-chơi lập-lòe ở bờ thành Lục-niên bỏ cỏ mà thương đến những cái u-hồn kẻ tử-sĩ kia, đã từng vì đâu mà phơi xương ở nơi chiến-địa lạnh-lùng ấy. Ý-tứ thật là bi-đát hoang-lương.

NGUYỄN TRỌNG-THUẬT biên-dịch

[← 1]

Chỗ này là ông nói ông với tôi cùng bị triệu đến Kinh. *Nguyên-chú*

[← 2]

Cụ Lãn-ông hay gãy cây đàn thất-huyền.

[← 3]

Hầu với tôi cùng người phủ Thượng-hồng.

[← 4]

Nguyên Hán-văn văn “phanh” nhưng phần quốc-ngữ khó dùng được vận ấy, vậy xin tạm đổi ra vận “xanh” cho dễ dịch, độc giả lượng cho.

[← 5]

Như 4 trên.

[← 6]

Cải-chính bài “Thượng-kinh du-ký” của cụ Lãn-ông.– Chỗ tự cuộc loạn đời Lê-mạt, nói: “Chúa Trịnh truyền đến đây là Trịnh Xâm” là sai, vì trước đời Cảnh-hưng là Trịnh Giang, đến đầu Cảnh-hưng là Trịnh Doanh, mãi đến Cảnh-hưng 28 mới đến Trịnh Xâm thì đổi là: “Chúa Trịnh truyền đến đây là Trịnh Giang rồi đến Trịnh Doanh”.– Lúc đó chỉ triệu cụ Lãn-ông là vì có quan Chánh-đường tâu mà tiêu-chú rằng: quan Chánh-đường ấy là ông Nguyễn Hoàn là sai vì tra ra thì ông Hoàn vốn là quan triều có dự-chức cố-mệnh đại-thần mà trấn xứ Nghệ, bình giặc bể, về triều làm Tham-tụng (tể-tướng), chịu thác-cô thì là ông Hoàng Đình Bảo cháu thân-diệt ông Hoàng-Ngũ-Phúc, vậy đổi là Hoàng Đình Bảo .– Chỗ nói về phụ-tử chúa Trịnh đều phát-bệnh có dẫn điển Biểu-Thước với Tề Hoàn mà nói: “Bệnh tại cốt-tỷ”, vậy đổi là: “Bệnh đã vào đến cốt-tỷ thì dẫn ông Biểu-Thước cũng...” cho đúng.

[← 7]

Hàn Tín đổi, bà Phiếu-mẫu cho ăn cơm, sau Tín làm nên, trả ơn một nghìn nén vàng.

[← 8]

Gia-Cát Lượng là người đệ-nhất nhân-hào ở đời Tam-quốc nhà Hậu-Hán bên Trung-quốc, ẩn-cư ở núi Ngọa-long-cương đất Nam-dương, tự cây lấy ruộng mà ẩn. Lưu Bị là đế-trụ nhà Hán vào nhà thảo lữ rước ba bận mới chịu ra giúp cho Lưu Bị, đang tay không mà lấy Kinh-châu, lĩnh Ba-thục, chia ba Trung-quốc mà lập nên cơ-đô nhà Thục-Hán, cùng nước Ngụy, nước Ngô cùng giốc-trục ở đất trung-nguyên, mưu kỳ chước lạ, kinh-sùng một đời, người ta đều xưng là thần-nhân.

[← 9]

Sơn-cư là nhà ở trong rừng.

[← 10]

Cửa-sài là cánh cổng làm bằng củi.

[← 11]

Cựu-thuyết: Sấm là bởi khí dương với khí âm xô-xát vào nhau mà thành ra tiếng và sáng. Cứ năm đến tháng 10 là tháng thuần-âm thì sấm không nổ nữa, sang tháng 11 là tháng nhất-dương-sinh thì sấm đã phục sẵn ở dưới đất rồi, sắp tùy khí dương mà phát lên, cho nên nghe tiếng sấm mà biết cái cơ tuần-hoàn trong trời đất, cũng như cái cơ tuần-hoàn trong mình người. Đó là nói về lẽ làm-thuốc, - cứ nguyên văn thì nghĩa câu này là theo lẽ nhà y học cũ chỉ về hai quả thận - đây theo lẽ nhà y-học mới dịch thay làm bộ máy tuần-hoàn, cho hợp-thời dễ hiểu.

[← 12]

Các hoa nở về mùa xuân chỉ có hoa mai là cảm được dương-khí sớm nhất, cho nên đương khí âm-hàn, thấy hoa mai nở một vài bông thì biết dương-xuân đã hồi-phục, cũng như lẽ trời bi rồi lại thái.– Đó là nói về thể-vận theo nghĩa kinh *Dịch*.

[← 13]

Cao-hoang tức là cái màng ngăn, tức là chỗ hoành-cách-mô trên thì có tâm, phế, dưới thì có vị, tràng, bệnh đã truyền đến cao-hoang là nơi hiểm, thì phải chết không tài nào chữa được.

[← 14]

Cổ-san là cái núi cũ của nhà hiền-triết ẩn-cư.

[← 15]

Nguyên văn dùng điển Tào “biêm thanh” () là tiếng rặt vải đêm, đây đổi làm tiếng còi tuần cho hợp-tục.

[← 16]

Nhà chùa có phép ngồi thiền-định là ngồi yên và nhắm hai mắt lại mà tư-tưởng những lẽ siêu-việt ra ngoài thế-giới, nay nhân người làng này muốn mời cụ ở lại đó dạy học-trò học thuốc, cho nên ý cụ nói nên ngồi-yên mà suy nghĩ lẽ làm thuốc cũng như lối “định-thiền”.

[← 17]

Núi Thiên-nhận ở huyện Thanh-chương, Nghệ-an” đây có cái cổ-thành của vua Thái-tổ nhà Lê đóng ở đó sáu năm rồi mới ra chống nhau với quân nhà Minh, nên gọi là Lục-niên-thành.

[← 18]

Sơn-hành là đi đường núi.

[← 19]

Trận pháp vua Lê Thái tổ hay dùng lối phục binh.

[← 20]

Núi Hồng Lĩnh 99 ngọn ở huyện Nghi-xuân, Nghệ-an.

[← 21]

Sách Phật: cổ-sái là cái chùa cổ.

[← 22]

Chùa Hương-tích ở núi Hồng-lĩnh này cũng như chùa Hương, Hà-đông.

[← 23]

Trung-phong là ngọn núi ở giữa cao hơn các ngọn trong tòa núi ấy.

[← 24]

Chùa ở bến đò Dũng-quyết, Nghệ-an.

[← 25]

Không đáng nhàn mà trộm nhàn.

[← 26]

Sông ở tỉnh Nghệ-an.

[← 27]

Chim quốc rừ là chim quốc kêu đến rừ kiệt đi. Hán-văn gọi là chim “quyên”, có điển rằng: Ông Đỗ Vũ là vua nước Thục đời thượng-cổ, bị mất nước rồi chết đi hóa ra làm chim quyên, tiếng kêu “quốc-quốc”, là nhớ nước mà gọi “nước ơi!nước ơi!”; bởi vậy ngày sau các nhà thi-nhân hay dùng điển ấy, tiếng Việt-ngữ ta thì nhân cái tiếng kêu mà gọi là chim quốc.

[← 28]

Thành Lục-niên bỏ cỏ.

[← 29]

Ma chơi: Hán-ngữ gọi là “lân-hỏa”, là cổ-giả hai phương Á-Âu đều cho là hồn ma, vì đến tối thì thấy nó cứ hay ở chỗ tha-ma thổ-phụ bay ra, sắc thì thanh-thảm, đến gần thì thấy có tiếng ào-ào như thông reo, cho nên người ta càng đặt bùa ra nhiều trạng quái-lạ. Đến cận-thế, bên Thái-Tây có nhà bác-vật tra xét ra mà biết rằng nó là một chất rắn ở trong xương loài động-vật hay ở trong loài thực-vật mục nát mà phân ra, hợp với khinh-khí mà thành một chất tân-khinh, bay lên mặt đất bị dưỡng-khí đốt cháy, thành ra một thứ lửa sáng xanh, nhân dùng phép chế lấy chất lân ấy để làm thuốc bao-diêm và các thuốc hạt nổ.